

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204207] - Kỹ năng mềm
(CCQ2404A)

CBGD: Tăng Thị Vinh (220013)

Số SV có mặt: 39
Số bài thi: 39
Số tờ giấy thi: 39

[Signature]
T. Vinh

[Signature]
Tăng T. Vinh

[Signature]
Đào Thị Diễm

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2124040042	Nguyễn Văn	An	10/03/2005	CCQ2404B		<i>An</i>	5.5	7.0	6.4
2	2124040054	Hoàng Văn	Anh	22/11/2006	CCQ2404B			-	-	-
3	2124040067	Lê Nguyễn Việt	Bách	12/01/2006	CCQ2404B		<i>Bach</i>	6.8	7.0	6.9
4	2124040092	Lê Hoàng Gia	Bảo	22/01/2005	CCQ2404A			-	-	-
5	2124040110	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	16/04/2006	CCQ2404A		<i>B</i>	8.9	8.0	8.4
6	2124040014	Trần Chí	Bảo	15/01/2006	CCQ2404A		<i>Ch</i>	9.9	9.0	9.4
7	2124040003	Nguyễn Chí	Bình	03/05/2006	CCQ2404A			8.3	6.5	7.2
8	2124040008	Vũ Hải	Đặng	28/09/2006	CCQ2404A		<i>H</i>	7.5	7.5	7.5
9	2124040052	Nguyễn Tiến	Đạt	11/09/2006	CCQ2404B		<i>Dat</i>	8.4	8.0	8.2
10	2124040013	Bùi Xuân	Đức	09/04/2006	CCQ2404A		<i>Xu</i>	8.8	7.5	8.0
11	2124040055	Nguyễn Anh	Đức	22/08/2006	CCQ2404B			-	-	-
12	2124040043	Trần Thành	Giang	05/06/2006	CCQ2404B			-	-	-
13	2124040019	Võ Hoàng Thanh	Hà	22/03/2005	CCQ2404A			-	-	-
14	2124040046	Ngô Đức	Hải	13/04/2006	CCQ2404B		<i>Ha</i>	8.7	8.5	8.6
15	2124040028	Huỳnh Văn	Hiền	15/02/2006	CCQ2404A		<i>Hien</i>	7.5	7.0	7.2
16	2124040040	Trần Văn	Hoàn	26/02/2006	CCQ2404B		<i>H</i>	8.8	7.5	8.0
17	2124040047	Nguyễn Quốc	Hùng	01/10/2006	CCQ2404B			-	-	-
18	2124040007	Mai Ngọc	Huy	30/01/2006	CCQ2404A		<i>H</i>	9.5	8.0	8.6
19	2124040064	Ngô Quang	Huy	11/11/2006	CCQ2404B		<i>Huy</i>	8.4	8.0	8.2
20	2124040068	Nguyễn Đức	Huy	15/01/2006	CCQ2404B		<i>De</i>	6.8	7.5	7.2
21	2124040095	Trần Nhật	Huy	25/02/2005	CCQ2404B		<i>N</i>	8.5	7.5	7.9
22	2124040022	Trần Văn	Huy	12/10/2006	CCQ2404A		<i>H</i>	8.9	7.5	8.1
23	2124040021	Đinh Trọng	Huyền	31/08/2006	CCQ2404A		<i>T</i>	8.5	7.8	8.1
24	2124040015	Bùi Tuấn	Khang	25/05/2006	CCQ2404A		<i>T</i>	8.1	7.0	7.4
25	2124040020	Nguyễn Đỗ Duy	Khang	23/01/2006	CCQ2404A		<i>D</i>	8.9	8.0	8.4
26	2124040016	Lê Anh	Khoa	04/11/2006	CCQ2404A		<i>A</i>	8.5	7.5	7.9
27	2124040030	Nguyễn Anh	Khoa	30/04/2006	CCQ2404A		<i>Khoa</i>	8.1	7.0	7.4
28	2124040063	Nguyễn Minh	Khoa	25/08/2006	CCQ2404B		<i>M</i>	8.9	8.3	8.5

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204207] - Kỹ năng mềm
(CCQ2404A)
CBGD: Tăng Thị Vinh (220013)

Số SV có mặt: 39
Số bài thi: 39
Số tờ giấy thi: 39

[Handwritten signatures and initials]
T. Vinh
T. Vinh
Đào Thị Diễm

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2124040011	Dương Trung	Kiên	15/08/2006	CCQ2404A		<i>[Signature]</i>	9.2	7.5	8.2
30	2124040048	Huỳnh Tấn	Kiên	04/05/2006	CCQ2404B		<i>[Signature]</i>	7.8	7.5	7.6
31	2124040002	Lê Phước	Lợi	16/05/2000	CCQ2404A		<i>[Signature]</i>	9.5	7.5	8.3
32	2124040012	Lê Trung	Nhân	08/02/2000	CCQ2404A		<i>[Signature]</i>	9.9	9.0	9.4
33	2124040018	Nguyễn Thiện	Nhân	29/10/2006	CCQ2404A			-	-	-
34	2124040024	Trần Hoàng	Nhân	24/08/2006	CCQ2404A		<i>[Signature]</i>	8.7	7.0	7.7
35	2124040001	Nguyễn A	Phi	10/10/2003	CCQ2404A		<i>[Signature]</i>	10.0	9.3	9.6
36	2124040033	Trần Nguyễn Nhật	Phi	31/10/2006	CCQ2404A		<i>[Signature]</i>	7.6	8.5	8.1
37	2124040035	Nguyễn Thanh	Phúc	31/12/2006	CCQ2404A		<i>[Signature]</i>	7.4	7.0	7.2
38	2124040009	Đặng Hồ Thanh	Phương	28/12/2006	CCQ2404A		<i>[Signature]</i>	8.1	7.5	7.7
39	2124040025	Lê Minh	Phương	27/01/2006	CCQ2404A		<i>[Signature]</i>	6.5	7.0	6.8
40	2124040010	Phạm Lữ Hoài	Phương	30/09/2006	CCQ2404A		<i>[Signature]</i>	9.2	8.0	8.5
41	2124040027	Nguyễn	Quân	07/04/2006	CCQ2404A		<i>[Signature]</i>	7.9	7.0	7.4
42	2124040017	Phan Hàn	Quốc	09/04/2006	CCQ2404A			-	-	-
43	2124040005	Trương Chí	Quốc	13/05/2003	CCQ2404A		<i>[Signature]</i>	9.6	8.0	8.6
44	2124040004	Lê Huỳnh Thanh	Sang	01/12/2006	CCQ2404A		<i>[Signature]</i>	8.4	7.0	7.6
45	2124040034	Phạm Anh	Tân	28/10/2005	CCQ2404A			-	-	-
46	2124040107	Dương Đình	Tân	27/11/2006	CCQ2404A			-	-	-
47	2124040023	Lê Đức	Thơ	11/07/2005	CCQ2404A		<i>[Signature]</i>	8.3	7.5	7.8
48	2124040029	Trần Gia	Thoại	16/08/2006	CCQ2404A		<i>[Signature]</i>	8.3	8.0	8.1
49	2124040031	Nguyễn Hoàng	Việt	10/05/2006	CCQ2404A		<i>[Signature]</i>	8.5	7.5	7.9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204209] - Kỹ năng mềm
(CCQ2404C)

CBGD: Nguyễn Thiên Thanh (220015)

Số SV có mặt: 37

Số bài thi:37..

Số tờ giấy thi:..37

Nguyễn Thiên Thanh
Nguyễn Thiên Thanh
Thánh
U.T. Thanh Hà

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2124040104	Hồ Hải	Đăng	06/10/2006	CCQ2404C	1	<u>[Signature]</u>	7.5	8	7.8
2	2124040096	Nguyễn Trần Hạo	Danh	05/06/2006	CCQ2404C					
3	2124040098	Võ Tấn	Đạt	18/12/2005	CCQ2404C	1	<u>[Signature]</u>	7.5	8	7.8
4	2124040112	Nguyễn Phú Duy	Đức	14/11/2006	CCQ2404C	1	<u>[Signature]</u>	7.5	8	7.8
5	2124040072	Võ Minh	Đức	27/11/2006	CCQ2404C	1	<u>[Signature]</u>	9	9	9
6	2124040082	Nguyễn Thành	Duy	14/07/2006	CCQ2404C	1	<u>[Signature]</u>	8.5	8.5	8.5
7	2124040090	Vũ Ngự Công Anh	Hào	09/10/2006	CCQ2404C					
8	2124040073	Võ Nguyên	Hạo	02/10/2006	CCQ2404C	1	<u>[Signature]</u>	8.5	8.5	8.5
9	2124040105	Hồ Trường	Hùng	10/04/2006	CCQ2404C	1	<u>[Signature]</u>	8	8	8
10	2124040091	Mai Đức	Huy	24/06/2006	CCQ2404C	1	<u>[Signature]</u>	8.5	8.5	8.5
11	2124040079	Lê Hữu	Khánh	11/07/2006	CCQ2404C					
12	2124040045	Nguyễn Văn	Kiệt	03/11/2006	CCQ2404B	1	<u>[Signature]</u>	6.5	7.5	7.1
13	2124040049	Nguyễn Văn	Long	10/10/2006	CCQ2404B					
14	2124040083	Lê Minh	Lực	06/06/2002	CCQ2404C	1	<u>[Signature]</u>	7	8	7.6
15	2124040057	Nguyễn Hoàng Nhật	Minh	30/09/2006	CCQ2404B	1	<u>[Signature]</u>	5	6	5.6
16	2124040060	Trần Lê Bảo	Minh	03/08/2006	CCQ2404B	1	<u>[Signature]</u>	8	8	8
17	2124040109	Nguyễn Thanh	Nghiêm	10/09/2006	CCQ2404C	1	<u>[Signature]</u>	8.5	8.5	8.5
18	2124040037	Hồ Lê Quốc	Nguyên	28/12/2005	CCQ2404B					
19	2124040039	Nguyễn Thái	Nguyên	20/08/2005	CCQ2404B					
20	2124040114	Võ Công	Nguyên	29/09/2005	CCQ2404C	1	<u>[Signature]</u>	9	9	9
21	2124040061	Nguyễn Duy	Nhất	01/01/2006	CCQ2404B	1	<u>[Signature]</u>	5	6	5.6
22	2124040041	Nguyễn Thành	Nhật	05/03/2006	CCQ2404B	1	<u>[Signature]</u>	8	8	8
23	2124040099	Đỗ Anh	Phi	20/12/2006	CCQ2404C	1	<u>[Signature]</u>	5	6	5.6
24	2124040058	Hồ Trần	Phú	21/09/2006	CCQ2404B	1	<u>[Signature]</u>	8	8	8
25	2124040071	Nguyễn Hoàng Gia	Phúc	24/11/2005	CCQ2404C					
26	2124040081	Nguyễn Hữu	Phúc	15/05/2006	CCQ2404C					
27	2124040086	Nguyễn Đại	Quan	14/04/2006	CCQ2404C					
28	2124040036	Nguyễn Đình	Quyết	18/12/2005	CCQ2404B	1	<u>[Signature]</u>	8.5	8.5	8.5

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204209] - Kỹ năng mềm
(CCQ2404C)

CBGD: Nguyễn Thiên Thanh (220015)

Số SV có mặt: 37

Số bài thi: 37

Số tờ giấy thi: 37

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
29	2124040050	Huỳnh Văn Sơn	03/02/2006	CCQ2404B					
30	2124040069	Lê Đăng Sơn	28/10/2006	CCQ2404B	1		7.5	8.5	8.1
31	2124040077	Nguyễn Văn Tài	05/03/2006	CCQ2404C	1	Tài	6.5	7.5	7.1
32	2124040089	Phạm Hữu Tài	03/02/2006	CCQ2404C	1		8.5	8.5	8.5
33	2124040102	Vũ Thành Tâm	14/11/2006	CCQ2404C	1		7.5	8.5	8.1
34	2124040111	Dương Công Thạch	13/07/2005	CCQ2404C	1		8.5	8.5	8.5
35	2124040074	Bùi Ngọc Thắng	05/01/2006	CCQ2404C	1		8.5	8.5	8.5
36	2124040106	Nguyễn Trần Đức Thiên	22/03/2006	CCQ2404C	1		9	9	9
37	2124040118	Hoàng Xuân Thịnh	02/01/2006	CCQ2404C					
38	2124040115	Lê Văn Thông	05/03/2006	CCQ2404C	1		6	7	6.6
39	2124040101	Lưu Văn Thuận	21/05/2005	CCQ2404C	1		7.5	8	7.8
40	2124040051	Nguyễn Văn Thuận	13/03/2006	CCQ2404B	1		8	8	8
41	2124040075	Lê Hoàng Đình Thúc	12/09/2002	CCQ2404C	1		8	8	8
42	2124040097	Cao Quang Thương	24/10/2006	CCQ2404C	1		7.5	8	7.8
43	2124040044	Nguyễn Ngọc Thương	10/02/2006	CCQ2404B					
44	2124040038	Lê Trần Tiến	02/01/2006	CCQ2404B	1		8.5	8.5	8.5
45	2124040059	Trương Thanh Tính	26/09/2005	CCQ2404B	1		9	9	9
46	2124040113	Trương Văn Trí	28/11/2001	CCQ2404C	1	Trí	6	7	6.6
47	2124040078	Nguyễn Đình Văn Trường	12/01/2006	CCQ2404C	1		7	8	7.6
48	2124040117	Nguyễn Duy Trường	22/02/2005	CCQ2404C					
49	2124040056	Vô Công Tuấn	23/09/2006	CCQ2404B					
50	2124040062	Nguyễn Văn Vi	04/11/2006	CCQ2404B					
51	2124040053	Nguyễn Hoài Quốc Việt	03/04/2006	CCQ2404B					
52	2124040093	Dương Nguyễn Quang Vinh	25/04/2006	CCQ2404C					
53	2124040100	Lê Đoãn Vũ	21/09/2006	CCQ2404C					
54	2124040076	Trần Minh Vũ	15/09/2006	CCQ2404C	1		9	9	9
55	2124040116	Nguyễn Thành Vương	20/05/2006	CCQ2404C	1		7	8	7.6
56	2124040070	Kiều Ngọc Ý	24/09/2006	CCQ2404B					

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Môn học : [22204210] - Kỹ năng mềm
(CCQ2411A)

CBGD: Lê Thị Ngọc Huyền (220002)

Số SV có mặt: 39

Số bài thi: 39

Số tờ giấy thi: 39

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2124110011	Dương Khánh	Băng	12/04/2006	CCQ2411A			8.5	8.0	8.2
2	2124110027	Đỗ Văn	Đạt	27/10/2006	CCQ2411A			9.1	8.5	8.7
3	2124110003	Lê Gia	Định	28/11/2003	CCQ2411A			0.0	0.0	0.0
4	2124110005	Tôn Long	Hải	01/08/2005	CCQ2411A			8.6	8.0	8.2
5	2124110010	Nguyễn Nhật	Hào	23/10/2003	CCQ2411A			0.0		
6	2124110024	Lê Hoàng	Hoà	31/08/2005	CCQ2411A			6.4	7.8	7.2
7	2124110033	Lữ Minh	Hoàng	02/03/2006	CCQ2411A			8.0	7.5	7.7
8	2124110018	Trần Dương Gia	Huy	22/10/2005	CCQ2411A			6.8	7.0	6.9
9	2124110006	Nguyễn Phúc Duy	Khang	05/07/2003	CCQ2411A			0.0		
10	2124110002	Võ Lê Hoàng	Khanh	28/02/2002	CCQ2411A			0.0		
11	2124110121	Nguyễn Đăng	Khoa	23/04/2006	CCQ2412C			8.7	7.8	8.2
12	2124110026	Trần Ngô Anh	Khoa	23/04/2003	CCQ2411A			6.7	0.0	
13	2124110139	Ngô Minh	Khôi	13/08/2006	CCQ2411D			8.5	7.8	8.1
14	2124110012	Nguyễn Minh	Khương	10/09/2006	CCQ2411A			6.4		
15	2124110023	Đỗ Minh	Kiệt	01/01/2006	CCQ2411A			8.7	7.8	8.1
16	2124110132	Trần Thế	Kiệt	25/11/2006	CCQ2411D			6.4	7.5	7.1
17	2124110120	Phạm Huỳnh Nhật	Lâm	08/12/2006	CCQ2411D			7.6	7.5	7.5
18	2124110129	Nguyễn Ngọc	Lầu	28/02/2002	CCQ2411D			8.8	9.0	8.9
19	2124110134	Trần Hoàng	Lin	12/09/2006	CCQ2411D			8.1	8.5	8.4
20	2124110123	Nguyễn Phi	Long	24/04/2006	CCQ2411D			8.0	8.0	8.0
21	2124110019	Phan Văn	Lực	08/09/2006	CCQ2411A			8.8	8.5	8.6
22	2124110034	Đinh Công	Minh	06/03/2006	CCQ2411A			0.0		
23	2124110122	Nguyễn Duy	Nghĩa	17/01/2006	CCQ2411D			8.1	8.5	8.3
24	2124110007	Ngô Đỗ Duy	Nguyên	16/10/2003	CCQ2411A			0.0		
25	2124110004	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	10/11/2006	CCQ2411A			8.7	8.8	8.7
26	2124110016	Bùi Tấn	Phát	14/05/2006	CCQ2411A			6.4	7.5	7.1
27	2124110118	Phan Thanh	Phát	03/05/2006	CCQ2411D			8.7	8.8	8.3
28	2124110017	Võ Văn	Phong	06/03/2006	CCQ2411A			0.0		

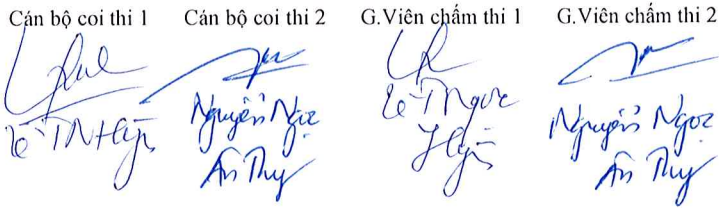
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

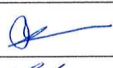
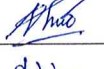
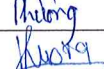
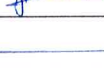
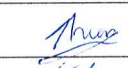
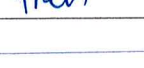
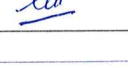
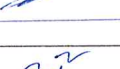
Học kỳ 2 (2024-2025)

Môn học : [22204210] - Kỹ năng mềm
(CCQ2411A)
CBGD: Lê Thị Ngọc Huyền (220002)

Số SV có mặt: 39...
Số bài thi:
Số tờ giấy thi: 39

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2



STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2124110135	Nguyễn Minh	Phông	10/10/2006	CCQ2411D			8.3	7.5	7.8
30	2124110001	Nguyễn Tấn	Phú	28/02/2005	CCQ2435B			7.9	7.5	7.6
31	2124110108	Nguyễn Lê Tấn	Phúc	19/10/2006	CCQ2411D			8.1	8.0	8.0
32	2124110131	Nguyễn Xuân Nam	Phương	01/11/2003	CCQ2411D			8.5	8.8	8.7
33	2124110009	Trần Đức	Phương	10/06/2003	CCQ2411A			9.5	8.8	8.9
34	2124110124	Hồ Ngọc Anh	Quân	06/01/2003	CCQ2411D			2.1		
35	2124110022	Lê Hữu Khánh	Quảng	23/07/2006	CCQ2411A			2.1		
36	2124110109	Nguyễn Vũ Trường	Sơn	23/06/2006	CCQ2411D			8.1	8.0	8.0
37	2124110029	Trần Thảo	Sương	31/01/2006	CCQ2411A			8.7	8.8	8.7
38	2124110035	Âu Dương	Tâm	14/11/2005	CCQ2411A			6.9	8.3	7.6
39	2124110030	Kiều Minh	Tâm	11/05/2006	CCQ2411A			4.3	7.5	6.2
40	2124110015	Phạm Văn	Thiện	27/07/2006	CCQ2411A			8.4	6.5	7.3
41	2124110119	Hồ Mai Phúc	Thịnh	05/10/2006	CCQ2411D			8.1	8.5	8.4
42	2124110106	Trịnh Quang	Thuận	22/07/2006	CCQ2411D			8.1	8.0	8.0
43	2124110270	Trần Mỹ	Tiên	14/07/2006	CCQ2411A			8.7	8.8	8.7
44	2124110331	Nguyễn Thanh	Tiến	24/03/2006	CCQ2411A			4.3		
45	2124110028	Nguyễn Trung	Tín	18/11/2005	CCQ2411A			8.7	8.5	8.6
46	2124110031	Tô Thanh	Tới	12/05/2006	CCQ2411A			6.7	7.5	7.2
47	2124110020	Nguyễn Minh	Trí	22/06/2006	CCQ2411A			8.1	7.8	7.9
48	2124110114	Nguyễn Thành	Trung	26/03/2006	CCQ2411D			6.0		
49	2124110110	Lê Minh	Trường	23/07/2006	CCQ2411D			8.4	7.5	7.7
50	2124110013	Nguyễn Thành	Tự	15/04/2006	CCQ2411A			6.8	7.0	6.9
51	2124110133	Trương Hải	Vân	22/06/2005	CCQ2411D			6.0		
52	2124110025	Nguyễn Tấn	Vũ	24/02/2006	CCQ2411A			8.1	7.8	7.9
53	2124110116	Võ Quốc	Vương	15/03/2005	CCQ2411D			8.1	7.5	7.7

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204211] - Kỹ năng mềm
(CCQ2411B)
CBGD: Nguyễn Thiên Thanh (220015)

Số SV có mặt: 33 Nguyễn Thiên Thanh
Số bài thi: 30...
Số tờ giấy thi: 30...
K. T. Thanh H.

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2124110060	Nguyễn Thiên	Ân	15/02/2006	CCQ2411B	1	<u>AN</u>	6	7	6.6
2	2123030009	Nguyễn Tuấn	Anh	07/11/2005	CCQ2303A	1	<u>tu</u>	8.5	8.5	8.5
3	2122240163	Trần Bùi Việt	Anh	23/01/2004	CCQ2224E	1	<u>Var</u>	5.5	6	5.6
4	2124110036	Nguyễn Tâm	Đức	19/08/2006	CCQ2411B	1	<u>B</u>	9	9	9
5	2124110038	Nguyễn Bùi Tiến	Dũng	09/05/2006	CCQ2411B					
6	2123030015	Mai Xuân	Hào	05/11/2005	CCQ2303A	1	<u>hao</u>	8.5	8.5	8.5
7	2124110070	Huỳnh Công	Hậu	01/01/2005	CCQ2411B	1	<u>Hau</u>	8	8	8
8	2124110051	Nguyễn Lê Duy	Hoàng	25/04/2006	CCQ2411B					
9	2123150096	Trần	Hoàng	24/05/2005	CCQ2315C	1	<u>Tran</u>	8	8	8
10	2124110044	Nguyễn Phi	Hùng	09/11/2006	CCQ2411B	1	<u>phi</u>	6	7	6.6
11	2122240146	Trần Thu	Hương	20/08/2003	CCQ2224E					
12	2124110061	Trần Đức	Huy	18/10/2006	CCQ2411B	1	<u>h</u>	8	8	8
13	2124110047	Hồ Quốc	Khánh	02/09/2006	CCQ2411B					
14	2124110052	Nguyễn Thanh	Khiết	10/08/2006	CCQ2411B	1	<u>thanh</u>	8.5	8.5	8.5
15	2124110040	Phạm Đăng	Khôi	21/12/2006	CCQ2411B	1	<u>kh</u>	8.5	8.5	8.5
16	2124110064	Bạch Trung	Kiều	27/02/2006	CCQ2411B	1	<u>ku</u>	5.5	7	6.4
17	2124110056	Lê Nguyễn Thúy	Linh	15/01/2005	CCQ2411B	1	<u>lu</u>	8	8	8
18	2124110057	Lê Thanh	Ngọc	24/04/2006	CCQ2411B	1	<u>lo</u>	8	8	8
19	2124110054	Nguyễn Chánh	Nhân	19/06/2006	CCQ2411B	1	<u>Nhan</u>	8	8	8
20	2124110041	Phạm Công	Nhật	16/09/2006	CCQ2411B					
21	2124110062	Ngô Thị Yến	Nhi	12/05/2006	CCQ2411B	1	<u>nk</u>	8	8	8
22	2124110050	Nguyễn Minh	Nhật	30/04/2003	CCQ2411B	1	<u>nh</u>	8.5	8.5	8.5
23	2124110055	Huỳnh Tấn	Phát	22/12/2002	CCQ2411B					
24	2124110053	Trần Minh	Phong	14/05/2006	CCQ2411B	1	<u>ph</u>	8.5	8.5	8.5
25	2124110069	Đương Lâm Hoài	Phúc	23/03/2006	CCQ2411B					
26	2124110042	Lê Trọng	Phúc	15/09/2006	CCQ2411B	1	<u>tr</u>	6.5	7.5	7.1
27	2124110068	Nguyễn Hoàng	Phúc	03/04/2006	CCQ2411B	1	<u>ph</u>	13	6	5.6
28	2124110046	Lê Văn	Quân	18/10/2006	CCQ2411B					

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204211] - Kỹ năng mềm
(CCQ2411B)

CBGD: Nguyễn Thiên Thanh (220015)

Số SV có mặt: 30

Số bài thi: 30

Số tờ giấy thi: 30

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2124110048	Nguyễn Minh	Quân	23/01/2006	CCQ2411B					
30	2124110067	Lê Nguyễn Nhật	Quang	17/05/2006	CCQ2411B	1	Quang	8	8	8
31	2124110037	Nguyễn Thanh	Tâm	10/10/2006	CCQ2411B	1	Tâm	9	9	9
32	2122240148	Hoàng Đặng Thế	Tân	01/04/2004	CCQ2224E	1	Thế	7.5	8.5	8.1
33	2124110049	Nguyễn Trương Hải	Thanh	30/08/2005	CCQ2411B					
34	2124110039	Lê Thị Hoài	Thị	24/12/2006	CCQ2411B					
35	2124110058	Nguyễn Hoàng	Thích	01/05/2006	CCQ2411B	1	Hoàng	8.5	8.5	8.5
36	2124110045	Nguyễn Thị Ngọc	Tiền	31/08/2006	CCQ2411B	1	Tiền	7.5	8.5	8.1
37	2124110059	Phạm Nguyễn Mộng	Trúc	14/07/2006	CCQ2411B	1	Trúc	8.5	9	8.8
38	2124110328	Nông Đặng Quốc	Trung	05/10/2006	CCQ2411B	1	Quốc	8.5	8.5	8.5
39	2124110063	Lê Công	Trường	07/04/2006	CCQ2411B	1	Trường	7.5	8.5	8.1
40	2124110066	Phạm Minh	Vũ	14/04/2006	CCQ2411B					
41	2124110043	Trần Thị Thảo	Vy	05/12/2006	CCQ2411B	1	Vy	9.5	9	9.2
42	2122240120	Trần Hải	Yến	19/12/2004	CCQ2224E	1	Yến	8.5	9	8.8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204212] - Kỹ năng mềm
(CCQ2411C)
CBGD: Hồ Thị Thủy (TG220001)

Số SV có mặt: 43
Số bài thi:43..
Số tờ giấy thi: 43.

[Signature]
H. Thị Thủy

[Signature]
G. Thị Thủy

[Signature]
G. Thị Thủy

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2124110099	Trần Thiện	An	16/03/2005	CCQ2411C	1	<i>[Signature]</i>	7.7	8.0	7.9
2	2124110097	Võ Thị Thúy	An	30/11/2006	CCQ2411C	1	<i>[Signature]</i>	9.8	8.0	8.7
3	2124110146	Nguyễn Tuấn	Anh	12/12/2006	CCQ2411D	1	Anh	7.1	8.0	7.6
4	2124110125	Nguyễn Lương	Bằng	19/12/2006	CCQ2411D	1	Bằng	9.7	6.5	7.8
5	2124110087	Nguyễn Quốc	Bảo	04/07/2006	CCQ2411C	1	<i>[Signature]</i>	6.5	7.0	6.8
6	2124110138	Trần Vũ	Bảo	23/04/2005	CCQ2411D					
7	2124110117	Võ Văn	Bảo	14/10/2006	CCQ2411D	1	<i>[Signature]</i>	10.0	8.0	7.9
8	2124110137	Phùng Đức	Cánh	25/01/2006	CCQ2411D	1	Cánh	8.9	6.5	7.5
9	2124110094	Nguyễn Lê Chí	Công	22/02/2006	CCQ2411C	1	Công	7.5	7.5	7.5
10	2124110113	Mai Chí	Cường	19/09/2006	CCQ2411D	1	Cường	7.5	7.0	7.2
11	2124110102	Rmah	Đạt	27/10/2006	CCQ2411C					
12	2124110107	Dương Văn	Đạt	12/11/2006	CCQ2411D	1	Đạt	5.9	6.0	6.0
13	2124110127	Trần Tấn	Đạt	24/06/2006	CCQ2411D	1	<i>[Signature]</i>	10.0	7.5	8.5
14	2124110136	Nguyễn Quang	Đoàn	07/10/2005	CCQ2411D					
15	2124110076	Trần Trí	Dũng	10/12/2006	CCQ2411C	1	Dũng	6.6	7.5	7.1
16	2124110073	Phạm Văn	Được	12/03/2006	CCQ2411C	1	Được	9.8	7.0	7.9
17	2124110084	Nguyễn	Duy	16/09/2006	CCQ2411C	1	<i>[Signature]</i>	9.9	7.0	8.2
18	2124110115	Nguyễn Thị Thu	Hằng	24/07/2006	CCQ2411D	1	Hằng	8.4	7.5	7.9
19	2124110128	Võ Anh	Hào	04/05/2006	CCQ2411D					
20	2124110101	Hoàng Minh	Hiếu	07/03/2006	CCQ2411C	1	Hiếu	7.2	7.0	7.1
21	2124110126	Phan Ngọc	Hiếu	10/05/2006	CCQ2411D	1	<i>[Signature]</i>	5.0	6.5	5.9
22	2124110130	Lê Thanh	Hoàng	08/12/2003	CCQ2411D	1	Hoàng	9.8	8.5	9.0
23	2124110259	Lê Thanh	Hưng	11/05/2006	CCQ2411C					
24	2124110111	Vương Nguyễn Trường	Hưng	19/10/2006	CCQ2411D	1	<i>[Signature]</i>	5.1	7.0	6.2
25	2124110086	Đặng Tấn	Huy	08/11/2006	CCQ2411C	1	Huy	8.8	7.0	7.5
26	2124110112	Nguyễn Khánh	Huỳnh	01/05/2006	CCQ2411D	1	<i>[Signature]</i>	8.0	8.0	8.0
27	2124110074	Lê Duy	Kha	04/10/2006	CCQ2411C	1	<i>[Signature]</i>	9.5	8.5	8.9
28	2124110095	Nguyễn	Kha	01/08/2006	CCQ2411C	1	Kha	8.8	6.5	7.2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204212] - Kỹ năng mềm
(CCQ2411C)
CBGD: Hồ Thị Thủy (TG220001)

Số SV có mặt: 42...
Số bài thi: 43...
Số tờ giấy thi: 43...

[Handwritten signatures and initials of examiners and supervisors]

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2124110082	Võ Duy	Khang	17/12/2006	CCQ2411C	1	<i>[Signature]</i>	7.7	6.5	7.0
30	2124110096	Châu Minh	Khoa	07/04/2006	CCQ2411C	1	<i>[Signature]</i>	7.9	7.5	7.7
31	2124110091	Nguyễn Lương	Kiệt	02/11/2006	CCQ2411C	1	<i>[Signature]</i>	5.2	7.5	6.6
32	2124110089	Võ Anh	Kiệt	22/09/2006	CCQ2411C	1	<i>[Signature]</i>	5.5	7.0	6.4
33	2124110334	Huỳnh Nhật	Lâm	01/11/2006	CCQ2411C	1	<i>[Signature]</i>	9.7	7.5	8.4
34	2124110241	Nguyễn Tấn	Lộc	12/04/2006	CCQ2412A	1	<i>[Signature]</i>	5.5	6.5	6.1
35	2124110071	Lương Đức	Mạnh	06/10/2006	CCQ2411C					
36	2124110104	Nguyễn Phước	Minh	19/10/2006	CCQ2411C	1	<i>[Signature]</i>	9.3	7.0	7.9
37	2124110081	Nguyễn Thị Thúy	Nga	05/06/2006	CCQ2411C	1	<i>[Signature]</i>	7.8	7.5	7.6
38	2124110100	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	21/06/2006	CCQ2411C	1	<i>[Signature]</i>	9.5	8.0	8.6
39	2124110092	Đào Thanh	Nhật	18/06/2006	CCQ2411C	1	<i>[Signature]</i>	6.4	6.5	6.5
40	2124110075	Trần Thị Thảo	Như	10/09/2006	CCQ2411C	1	<i>[Signature]</i>	7.9	7.5	7.7
41	2124110072	Trần Thị Ngọc	Nhung	31/01/2006	CCQ2411C	1	<i>[Signature]</i>	10.0	7.0	8.2
42	2124110103	Đặng Vũ Thanh	Phát	27/08/2006	CCQ2411C	1	<i>[Signature]</i>	5.0	1.5	2.9
43	2124110093	Nguyễn Đắc	Phong	23/12/2005	CCQ2411C	1	<i>[Signature]</i>	7.5	6.0	6.6
44	2124110252	Nguyễn Xuân	Quý	30/04/2003	CCQ2411C	1	<i>[Signature]</i>	8.5	6.0	7.0
45	2124110090	Hồ Ngọc	Quyên	13/07/2006	CCQ2411C	1	<i>[Signature]</i>	7.6	1.5	3.9
46	2124110105	Đào Xuân	Sơn	01/07/2006	CCQ2411C	1	<i>[Signature]</i>	7.4	7.0	7.2
47	2124110080	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	17/01/2006	CCQ2411C	1	<i>[Signature]</i>	10.0	8.5	9.1
48	2124110088	Nguyễn Trần Ngọc	Thường	03/07/2006	CCQ2411C	1	<i>[Signature]</i>	5.9	6.0	6.0
49	2124110085	Lê Thanh	Tĩnh	25/11/2006	CCQ2411C	1	<i>[Signature]</i>	6.3	7.0	6.7
50	2124110098	Bùi Trung	Vỹ	17/07/2006	CCQ2411C					

[Handwritten signature: Lê Thị Ngọc Huyền]

[Handwritten signature: Hồ Thị Thủy]

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204214] - Kỹ năng mềm
(CCQ2411E)

CBGD: Lê Thị Thanh Hà (220008)

Số SV có mặt: 35
Số bài thi: 35
Số tờ giấy thi: 35

Chánh
Lê Thị Thanh Hà

Chánh
Nguyễn Thị Thanh Hà

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2124110142	Dương Thái	An	22/12/2006	CCQ2411E			7.6	7.0	7.2
2	2124110169	Đinh Gia	Bảo	20/12/2005	CCQ2411E			8.8	7.0	7.7
3	2124110242	Trần Đăng	Bảo	26/02/2005	CCQ2411E					
4	2124110313	Lê Xuân	Bình	18/01/2005	CCQ2411E					
5	2124110159	Trần Minh	Chiến	17/11/2005	CCQ2411E			7.6	8.0	7.8
6	2124110145	Lê Thành	Đạt	10/03/2005	CCQ2411E			8.4	7.0	7.6
7	2124110170	Võ Hoàng	Đức	24/10/2005	CCQ2435B			9.2	8.0	8.5
8	2124110162	Đào Duy	Dũng	16/07/2006	CCQ2411E			9.2	8.5	8.8
9	2124110141	Hoàng Minh	Hiếu	07/09/2006	CCQ2411E					
10	2124110324	Nguyễn Anh	Hiếu	07/12/1999	CCQ2411E			10.0	7.5	8.5
11	2124110157	Nguyễn Quốc	Hoài	25/05/2006	CCQ2411E					
12	2124110151	Nguyễn Vũ	Hoàng	07/02/2006	CCQ2411E			8.0	7.0	7.4
13	2124110144	Trần Đình Huy	Hoàng	24/11/2006	CCQ2411E			8.2	7.0	7.5
14	2124110304	Trần Văn	Hoàng	07/05/2006	CCQ2412D			8.4	7.0	7.6
15	2124110156	Nguyễn Ngọc Khoa	Học	01/07/2006	CCQ2411E					
16	2124110158	Nguyễn Hoàng Tấn	Huy	04/10/2006	CCQ2411E			7.4	7.0	7.2
17	2124110152	Phạm Hồng Gia	Huy	04/12/2001	CCQ2411E			10.0	8.8	9.3
18	2124110175	Huỳnh Minh	Kha	03/04/2006	CCQ2411E			7.6	7.0	7.2
19	2124110155	Trần Minh	Kiệt	22/04/2005	CCQ2411E					
20	2124110148	Nguyễn Thành	Lâm	20/04/2006	CCQ2411E			8.2	7.5	7.8
21	2124110154	Huỳnh Hữu	Nghĩa	06/03/2006	CCQ2411E			8.4	7.8	8.0
22	2124110279	Phạm Minh	Nghĩa	30/05/2006	CCQ2411H					
23	2124110319	Hán Minh	Nghiêm	07/02/2006	CCQ2411E			10.0	8.8	9.3
24	2124110275	Phạm Thành	Nhân	26/12/2006	CCQ2411H					
25	2124110164	Lại Trần Anh	Nhật	26/12/2006	CCQ2411E			6.4	7.0	6.8
26	2124110323	Nguyễn	Nhường	01/11/2006	CCQ2435A					
27	2124110153	Trương Minh	Phát	14/01/2005	CCQ2411E					
28	2124110264	Đặng Văn Minh	Phúc	18/07/2006	CCQ2411H			9.6	7.0	8.0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204214] - Kỹ năng mềm
(CCQ2411E)
CBGD: Lê Thị Thanh Hà (220008)

Số SV có mặt: 35...
Số bài thi: 35...
Số tờ giấy thi: 35...
Chánh
Lê T. Thanh Hà

Chánh
Nguyễn Văn Thanh
Lê T. Thanh Hà

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2124110282	Nguyễn Thiên	Phước	04/03/2006	CCQ2411H		<i>Phu</i>	10.0	7.0	8.2
30	2124110276	Nguyễn Đức	Quân	08/02/2006	CCQ2411H		<i>Quân</i>	8.8	7.0	7.7
31	2124110160	Võ Hồ Minh	Quân	13/03/2004	CCQ2411E					
32	2124110166	Võ Minh	Quang	23/07/2006	CCQ2411E		<i>Quang</i>	7.4	7.0	7.2
33	2124110249	Đặng Văn	Quyển	26/08/2006	CCQ2411H		<i>Quyển</i>	8.4	7.8	8.0
34	2124110271	Nguyễn Phú	Sĩ	01/01/2006	CCQ2411H					
35	2124110289	Đặng Xuân	Sơn	27/03/2006	CCQ2411H					
36	2124110173	Dương Hoàng	Sơn	07/12/2006	CCQ2411E		<i>HS</i>	8.4	7.8	8.0
37	2124110161	Nguyễn Đức	Sơn	19/07/2005	CCQ2435A		<i>Sơn</i>	7.2	7.8	7.6
38	2124110167	Huỳnh Tấn	Tài	24/08/2005	CCQ2411E		<i>Tài</i>	6.4	7.8	7.2
39	2124110147	Mai Phúc	Tân	22/04/2006	CCQ2411E		<i>Phúc</i>	10.0	7.8	8.7
40	2124110256	Tạ Văn	Thắng	17/12/2004	CCQ2411H		<i>Thắng</i>	10.0	7.6	8.6
41	2124110149	Mạch Văn Anh	Thịnh	04/06/2006	CCQ2411E					
42	2124110260	Nguyễn Chí	Thọ	03/03/2006	CCQ2411H		<i>Thọ</i>	10.0	7.6	8.6
43	2124110281	Trần Tấn	Tinh	05/07/2005	CCQ2406D		<i>Tinh</i>	7.2	7.6	7.4
44	2124110287	Bùi Thị Diễm	Trinh	23/07/2006	CCQ2411H		<i>Diễm</i>	9.2	7.6	8.2
45	2124110253	Nguyễn Minh	Trọng	13/01/2006	CCQ2411H		<i>Trọng</i>	8.4	7.6	7.9
46	2124110250	Võ Hữu	Trọng	04/08/2006	CCQ2411H		<i>Trọng</i>	8.8	7.6	8.1
47	2124110255	Nguyễn Hoàng	Trung	20/02/2006	CCQ2411H					
48	2124110165	Trần Minh	Tuyên	19/05/2006	CCQ2411E					
49	2124110290	Nguyễn Thị Mộng	Tuyền	27/12/2006	CCQ2411H		<i>T</i>	9.8	7.0	8.1
50	2124110014	Lê Võ Hồng	Tuyết	27/06/2006	CCQ2411E		<i>Hồng</i>	10.0	8.5	9.1
51	2124110262	Trần Ngọc Như	Uyên	27/06/2006	CCQ2411H					
52	2124110251	Nguyễn Ngọc	Vũ	18/06/2006	CCQ2411H		<i>Vũ</i>	8.2	8.5	8.4
53	2124110272	Nguyễn Quốc	Vương	03/02/2006	CCQ2411H		<i>Vương</i>	8.2	8.5	8.4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204215] - Kỹ năng mềm
(CCQ2411F)

CBGD: Lê Thị Ngọc Huyền (220002)

Số SV có mặt: 26
Số bài thi: 26
Số tờ giấy thi: 28

(Handwritten signatures of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2124110181	Nguyễn Văn Ba	24/12/2006	CCQ2411F		Ba	6.2	8.0	7.3
2	2124110189	Hoàng Huy	26/01/2006	CCQ2411F			1.9	0.0	0.0
3	2124110322	Trịnh Hiền Gia	20/09/2006	CCQ2411F			1.9	0.0	0.0
4	2124110194	Nguyễn Văn Cường	27/11/2006	CCQ2411F		Cuong	7.4	7.8	7.6
5	2124110178	Đặng Quốc Dũng	01/10/2006	CCQ2411F			0.0	0.0	0.0
6	2124110211	Nguyễn Đức Duy	07/09/2006	CCQ2411F			6.2	0.0	2.5
7	2124110202	Trần Lê Cẩm Giang	14/07/2006	CCQ2435C		Ciang	8.3	7.5	7.8
8	2124110183	Hứa Thanh Hiếu	23/12/2006	CCQ2411F		Hieu	6.4	7.9	7.1
9	2124110197	Nguyễn Minh Hiếu	08/03/2006	CCQ2411F		Hieu	5.9	8.0	7.2
10	2124110192	Phùng Văn Hiếu	23/10/2003	CCQ2411F		Hieu	10.0	9.0	9.4
11	2124110187	Nguyễn Minh Hùng	12/09/2006	CCQ2411F		Hung	6.8	8.5	7.8
12	2124110193	Lê Huỳnh Thái Hưng	28/04/2006	CCQ2411F			0.0	0.0	0.0
13	2124110205	Nguyễn Viết Lộc	02/01/2005	CCQ2411F			6.1	7.0	6.6
14	2124110210	Nguyễn Sỹ Luân	22/08/2006	CCQ2411F		Lu	8.2	7.5	7.8
15	2124110204	Nguyễn Lê Trúc Ly	14/12/2006	CCQ2435C		Ly	9.5	9.0	9.2
16	2124110196	Bùi Đức Mạnh	28/01/2006	CCQ2411F		Mạnh	8.8	8.5	8.6
17	2124110190	Trần Đức Nghĩa	12/08/2005	CCQ2411F		Ng	6.5	7.5	7.1
18	2124110200	Đỗ Văn Thành Nhân	27/08/2006	CCQ2411F		Nhan	9.5	8.0	8.6
19	2124110177	Nguyễn Trọng Nhân	11/06/2005	CCQ2411F		Nhan	6.5	8.0	7.4
20	2124110199	Nguyễn Đăng Phát	10/08/2006	CCQ2411F		Phat	8.5	6.8	7.5
21	2124110208	Nguyễn Việt Quang	29/06/2006	CCQ2412B		Quang	8.6	7.0	7.6
22	2121240176	Đoàn Xuân Quý	16/06/1999	CCQ2124F			0.0		0.0
23	2124110186	Phan Minh Sĩ	18/08/2006	CCQ2411F		Phu	7.9	6.8	7.2
24	2124110333	Nguyễn Tiến Thành	07/05/2003	CCQ2411F			0.0		0.0
25	2124110201	Nguyễn Xuân Thành	10/05/2005	CCQ2411F		Thanh	10.0	8.5	9.1
26	2124110206	Đỗ Thanh Thường	12/12/2006	CCQ2411F		Th	8.9	8.8	8.8
27	2124110195	Lê Nguyễn Minh Triết	05/11/2006	CCQ2411F		Triet	8.5	8.5	8.5
28	2123240092	Phan Thị Hoài Trinh	29/01/2005	CCQ2324D		Th	8.3	8.3	8.3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Môn học : [22204215] - Kỹ năng mềm
(CCQ2411F)
CBGD: Lê Thị Ngọc Huyền (220002)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Số SV có mặt:.....26

Số bài thi:2.6

Số tờ giấy thi:.....2.6

Lê Thị Ngọc

Huyền

Nguyễn Ngọc

Án

Lê Thị Ngọc

Huyền

Nguyễn Ngọc

Án

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2124110273	Tô Thị Thanh	Trúc	28/10/2006	CCQ2411F		Túe	8.4	8.5	8.5
30	2124110203	Đào Anh	Tuấn	14/07/2006	CCQ2411F			0.0	0.0	0.0
31	2124110321	Phạm Anh	Tuấn	18/08/2006	CCQ2411F			0.0	0.0	0.0
32	2124110191	Bùi Kiến	Tường	01/09/2006	CCQ2411F			10.0	7.0	8.2
33	2124110209	Lê Thanh	Việt	19/06/2006	CCQ2411F		Lê Thanh Việt	7.6	7.5	7.5
34	2121170138	Mai Trúc	Vinh	01/10/2002	CCQ2117D			5.1	6.0	5.6
35	2124110207	Huỳnh Như	Ý	16/05/2006	CCQ2411F		Thuy	8.6	8.0	8.2

Trang 2 / 2

Ngày in: 02/04/2025

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204216] - Kỹ năng mềm
(CCQ2411G)
CBGD: Hồ Thị Thủy (TG220001)

Số SV có mặt: 36..
Số bài thi:36..
Số tờ giấy thi: 36..

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2124110257	Lương Phúc Khang	An	08/09/2006	CCQ2411G			10.0	9.0	9.4
2	2124110230	Võ Hoài	Ân	01/03/2006	CCQ2411G			10.0	8.5	9.1
3	2124110233	Ngô Hà Nhật	Cương	21/09/2006	CCQ2411G					
4	2124110288	Lê Văn	Cường	27/10/2006	CCQ2411H			9.2	7.0	7.9
5	2124110278	Phạm Ngọc Tiến	Cường	25/09/2006	CCQ2411H			9.1	7.0	7.8
6	2124110214	Đỗ Quốc	Đạt	23/03/2006	CCQ2411G					
7	2124110245	Dương Minh	Đạt	06/04/2006	CCQ2411G					
8	2124110232	Võ Tấn	Đạt	20/05/2006	CCQ2411G			7.0	6.5	6.7
9	2124110222	Lê Thanh	Dinh	02/06/2006	CCQ2411G			7.8	6.5	7.0
10	2124110332	Nguyễn Thành	Dinh	09/04/2006	CCQ2411H					
11	2124110247	Phạm	Đông	05/06/2001	CCQ2411G			9.4	7.5	8.3
12	2124110265	Đặng Xuân	Dự	22/09/2006	CCQ2411H			9.4	6.5	7.7
13	2124110240	Cao Văn	Đức	07/06/2006	CCQ2411G					
14	2124110274	Nguyễn Tấn	Dũng	09/01/2006	CCQ2411H			7.6	1.5	3.9
15	2124110223	Trần Minh	Dương	13/03/2006	CCQ2411G			8.6	8.5	8.5
16	2124110286	Trương Thị Hồng	Duyên	10/10/2006	CCQ2411H			7.9	8.5	8.3
17	2124110226	Lê Trường	Giang	09/10/2006	CCQ2411G			6.6	8.5	7.7
18	2124110246	Tạ Thanh	Hải	17/09/2006	CCQ2411G			7.3	7.0	7.1
19	2124110284	Trần Quốc	Hào	06/11/2006	CCQ2411H					
20	2124110234	Phạm Hoàng	Hiệp	21/06/2006	CCQ2411G			8.4	7.7	8.0
21	2124110263	Huỳnh Nhật	Hoà	04/06/2006	CCQ2411H					
22	2124110213	Nguyễn Minh	Hoàng	03/05/2002	CCQ2411G					
23	2124110285	Dương Nguyễn Hòa	Hợp	13/09/2006	CCQ2411H			9.5	7.5	8.3
24	2124110277	Lăng Văn	Hưng	09/05/2003	CCQ2411H			9.6	8.5	8.9
25	2124110216	Ninh Đức	Hưng	15/06/2005	CCQ2411G			8.7	6.5	7.4
26	2124110218	Lê Nhật	Huy	23/01/2006	CCQ2411G			6.0	7.0	6.6
27	2124110269	Nguyễn Khánh	Huy	22/03/2006	CCQ2411H			10.0	8.5	9.1
28	2124110215	Nguyễn Vô Nhật	Huy	22/04/2005	CCQ2411G			9.2	8.5	8.8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204216] - Kỹ năng mềm
(CCQ2411G)

CBGD: Hồ Thị Thủy (TG220001)

Số SV có mặt: 36....

Số bài thi:36....

Số tờ giấy thi: 3.6....

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2124110236	Vạn Bá	Khang	28/09/2005	CCQ2411G					
30	2124110227	Nguyễn Hồ Bảo	Khanh	13/11/2006	CCQ2411G					
31	2124110243	Đồng Nhật Anh	Khoa	05/01/2005	CCQ2411G					
32	2124110283	Đặng Thanh	Kiệt	23/05/2006	CCQ2411H		Kiệt	8.2	6.5	7.2
33	2124110280	Phan Văn Gia	Kiệt	06/07/2006	CCQ2411H		Phan Văn Gia	6.6	8.5	7.7
34	2124110217	Trần Anh	Kiệt	28/10/2006	CCQ2411G		Trần Anh	6.8	6.5	6.6
35	2124110219	Phạm Thị	My	12/04/2006	CCQ2411G		Phạm Thị	8.4	7.5	7.9
36	2124110267	Phạm Dương Nhật	Nam	01/01/2006	CCQ2411H		Phạm Dương Nhật	10.0	7.5	8.5
37	2124110261	Hoàng Trọng	Nghĩa	15/06/2006	CCQ2411H		Hoàng Trọng	9.9	7.5	8.5
38	2124110299	Nguyễn Thành	Nhân	18/07/2006	CCQ2411G		Nguyễn Thành	8.6	8.8	8.7
39	2124110221	Nguyễn Thị Yến	Nhi	23/06/2006	CCQ2411G		Nguyễn Thị Yến	7.8	7.5	7.6
40	2124110229	Lê Hoàng	Pháp	27/02/2006	CCQ2411G		Lê Hoàng	8.2	6.5	7.2
41	2124110212	Lê Duy	Phong	14/06/2006	CCQ2411G		Lê Duy	7.4	6.5	6.9
42	2124110238	Lư Đặng Phương	Thái	01/01/2006	CCQ2411G		Lư Đặng Phương	9.9	2.0	5.2
43	2124110220	Nguyễn Hồng	Thanh	01/01/2006	CCQ2411G		Nguyễn Hồng	8.2	7.5	7.8
44	2124110231	Từ Gia	Thịnh	14/11/2006	CCQ2411G		Từ Gia	8.6	8.0	8.2
45	2124110239	Bùi Nguyễn Phong	Tinh	20/01/2006	CCQ2411G					
46	2124110315	Vũ Hải	Triều	19/05/2003	CCQ2411G		Vũ Hải	7.9	5.0	6.2
47	2124110224	Nguyễn Đức	Trọng	18/08/2006	CCQ2411G		Nguyễn Đức	8.0	7.0	7.4
48	2124110225	Lưu Gia	Vỹ	10/07/2006	CCQ2411G					

GTK

Lê Thị Ngọc Huyền

GTK1

Hồ Thị Thủy

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204218] - Kỹ năng mềm
(CCQ24111)

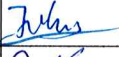
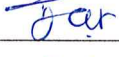
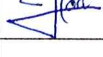
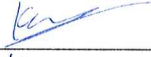
CBGD: Tăng Thị Vinh (220013)

Số SV có mặt: 31
Số bài thi: 31
Số tờ giấy thi: 31


T.T. Vinh


T.T. Vinh


Đào Thị Diệu

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2124110336	Mai Văn	An	25/05/2006	CCQ24111			64	80	74
2	2124110340	Lê Nguyễn Ngọc Duy	Anh	19/10/2006	CCQ24111			44	70	60
3	2124110309	Nguyễn Hoàng	Anh	06/05/2005	CCQ24111			-	-	-
4	2124110330	Đỗ Gia	Bào	01/01/2006	CCQ24111			89	70	78
5	2124140067	Nguyễn Phan Việt	Chiến	02/05/2005	CCQ2414B			89	70	78
6	2124110306	Nguyễn Văn	Chương	25/03/2005	CCQ24111			63	70	67
7	2124140059	Ngô Mạnh	Đạt	02/01/2006	CCQ2414B			87	75	80
8	2124110295	Trần Minh	Đạt	02/03/2006	CCQ24111			95	85	89
9	2124140061	Võ Thành	Đạt	04/05/2006	CCQ2414B		Đạt	82	75	78
10	2124110301	Nguyễn Thị Thanh	Diệu	02/11/2006	CCQ24111		Diệu	93	85	88
11	2124110337	Nguyễn Hữu	Duy	23/05/2006	CCQ24111			-	-	-
12	2124140057	Lê Xuân	Hạnh	10/04/2006	CCQ2414B			-	-	-
13	2124110310	Lê Trần Minh	Hiền	18/02/2006	CCQ24111			89	85	87
14	2124110326	Bùi Chí	Hiếu	02/01/2005	CCQ24111			59	75	69
15	2124110293	Trịnh Khánh	Hòa	10/07/2006	CCQ24111			88	70	77
16	2124110296	Đinh Hoàng Gia	Huy	11/06/2006	CCQ24111			-	-	-
17	2124110339	Nguyễn Mạnh	Huy	10/01/2005	CCQ24111			85	78	81
18	2124110292	Nguyễn Trương Đan	Huy	28/10/2006	CCQ24111			-	-	-
19	2124140060	Nguyễn Thanh	Kha	18/10/2006	CCQ24171			-	-	-
20	2124110297	Nguyễn Duy	Khang	15/12/2006	CCQ24111			-	-	-
21	2124110294	Nguyễn Hoàng	Khang	01/11/2005	CCQ24111			-	-	-
22	2124110300	Kiều Châu	Kiệt	19/09/2006	CCQ24111			85	75	79
23	2124140056	Vũ Tuấn	Kiệt	23/08/2006	CCQ2414B			87	80	83
24	2124110320	Thạch Hoàng	Long	15/04/2006	CCQ24111			-	-	-
25	2124110343	Hoàng Phan Quang	Minh	06/07/2006	CCQ24111			-	-	-
26	2124110303	Nông Thế	Minh	25/09/2006	CCQ24111			65	90	80
27	2124110311	Nguyễn Hậu	Nghệ	07/08/2006	CCQ24111			97	80	87
28	2124110302	Nguyễn Anh	Phát	01/07/2006	CCQ24111			97	78	86

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204218] - Kỹ năng mềm
(CCQ2411I)

CBGD: Tăng Thị Vinh (220013)

Số SV có mặt: 31.....
Số bài thi:31.....
Số tờ giấy thi: 31.....

(Handwritten signatures and initials of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2124110291	Tổng Thái	Phát	29/01/2006	CCQ2411I		<i>Phát</i>	9.3	8.5	88
30	2124140063	Phạm Văn Đức	Phong	14/10/2006	CCQ2414B		<i>Phong</i>	9.2	7.0	79
31	2124110338	Nguyễn Minh	Phụng	19/06/2004	CCQ2411I		<i>Phụng</i>	7.7	7.0	7.3
32	2124110329	Nguyễn Thái	Phương	15/02/2003	CCQ2411I		<i>Phương</i>	7.0	8.0	7.6
33	2124140071	Lục Vinh	Quang	24/04/2006	CCQ2414B		<i>Quang</i>	9.3	8.0	8.5
34	2124110342	Hồ Đoàn Minh	Quốc	19/09/2006	CCQ2411I			-	-	-
35	2124110317	Nguyễn Xuân	Sơn	11/07/2005	CCQ2411I		<i>Sơn</i>	8.2	8.0	8.1
36	2124110312	Nguyễn Thành	Tài	13/10/2005	CCQ2411I			-	-	-
37	2124140064	Lê Bá	Thành	12/03/2006	CCQ2414B		<i>Thành</i>	8.4	7.0	7.6
38	2124110308	Nguyễn Hồng	Thiện	06/07/2006	CCQ2411I			-	-	-
39	2124140066	Lê Văn	Tiến	23/07/2006	CCQ2414B		<i>Tiến</i>	6.7	7.0	6.9
40	2124140069	Nguyễn Viết	Tiến	24/10/2006	CCQ2414B			-	-	-
41	2124110341	Nguyễn Thị Huyền	Trang	10/08/2005	CCQ2411I			-	-	-
42	2124110307	Huỳnh Hải	Triều	25/10/2005	CCQ2411I			-	-	-
43	2124140125	Nguyễn Hoàng	Trình	20/06/2006	CCQ2414B		<i>Trình</i>	6.7	7.0	6.9
44	2124140065	Phạm Lương Anh	Tú	18/07/2006	CCQ2414B		<i>Tú</i>	8.7	7.5	8.0
45	2124140070	Trần Ngọc	Tuấn	15/05/2006	CCQ2414B		<i>Tuấn</i>	7.5	7.0	7.2
46	2124110298	Đỗ Bảo	Văn	26/09/2005	CCQ2411I			-	-	-
47	2124110327	Phạm Thành	Vinh	08/10/2006	CCQ2411I			-	-	-
48	2124140068	Nguyễn	Vũ	26/11/2006	CCQ2414B		<i>Vũ</i>	9.6	8.0	8.6
49	2124140062	Nguyễn Văn	Ý	07/01/2006	CCQ2414B			-	-	-
50	2124110335	Võ Phi	Yến	02/08/2006	CCQ2411I		<i>Yến</i>	6.5	7.5	7.1

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204229] - Kỹ năng mềm
(CCQ2414A)

CBGD: Nguyễn Thiên Thanh (220015)

Số SV có mặt: 39

Số bài thi:39...

Số tờ giấy thi: 39

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2124140023	Nguyễn Quốc	Bảo	01/09/2006	CCQ2414A	1	Bảo	7.5	7.5	7.5
2	2124140013	Nguyễn Hậu	Cảnh	09/06/2006	CCQ2414A	1	Cảnh	8.5	8.5	8.5
3	2124140051	Lý Tiến	Đạt	13/12/2005	CCQ2414B	1	Đạt	8	8	8
4	2124140038	Đoàn Duy	Dữ	14/01/2006	CCQ2414B	1	Dữ	8.5	8.5	8.5
5	2124140018	Lê Đình	Dưỡng	29/05/2006	CCQ2414A	1	Dưỡng	9	9	9
6	2124140126	Nguyễn Đồng Minh	Đức	22/08/2006	CCQ2414A	1	Đức	8	8	8
7	2124140020	Vũ Tiến	Dũng	21/03/2006	CCQ2414A	1	Dũng	8.5	8.5	8.5
8	2124140011	Bùi Đức	Duy	08/06/2006	CCQ2414A	1	Duy	7	7.5	7.3
9	2124140003	Nguyễn Đức	Duy	16/11/2001	CCQ2414A	1	Duy	9	8.5	8.7
10	2124140039	Trương Thanh	Hiếu	18/09/2006	CCQ2414B	1	Huỳnh	9	8.5	8.7
11	2124140042	Huỳnh Lê Thái	Hòa	30/01/2005	CCQ2414B					
12	2124140002	Trần Thiện	Hoàng	10/08/2006	CCQ2414A	1	Hoàng	7	7.5	7.3
13	2124140031	Hoàng Phi	Hùng	03/07/2006	CCQ2414A	1	Hùng	6	7	6.6
14	2124140016	Huỳnh Anh	Huy	17/09/2006	CCQ2414A	1	Huỳnh	8	8	8
15	2124140052	Nguyễn Đức	Huy	07/01/2006	CCQ2414B	1	Huỳnh	8.5	8.5	8.5
16	2124140035	Nguyễn Quốc	Huy	04/01/2006	CCQ2414A					
17	2124140047	Trương Gia	Huy	09/04/2006	CCQ2414B	1	Huỳnh	5	6	5.6
18	2124140015	Trần Bảo	Khanh	05/05/2006	CCQ2414A	1	Khánh	7	7.5	7.3
19	2124140040	Lê Văn	Khánh	21/01/2006	CCQ2414B	1	Khánh	6	7	6.6
20	2124140048	Nguyễn Anh	Khoa	10/02/2005	CCQ2414B	1	Khoa	9	9	9
21	2124140032	Phạm Bá	Kiên	05/01/2006	CCQ2414A	1	Kiên	9	8.5	8.7
22	2124140007	Huỳnh Tuấn	Kiệt	15/06/2006	CCQ2414A					
23	2124140029	Dương Nhã	Linh	10/09/2006	CCQ2414A	1	Linh	8	8	8
24	2124140014	Tổng Nghĩa	Minh	09/07/2006	CCQ2414A	1	Minh	7.5	8	7.8
25	2124140055	Nguyễn Trương	Mười	25/12/2006	CCQ2414B					
26	2124140004	Nguyễn Trường	Ngoan	01/11/2006	CCQ2414A	1	Ngoan	8.5	8.5	8.5
27	2124140025	Phùng Hải	Nguyên	22/04/2006	CCQ2414A	1	Phùng	8	8	8
28	2124140010	Trần Văn	Nguyên	12/07/2006	CCQ2414A					

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204229] - Kỹ năng mềm
(CCQ2414A)

CBGD: Nguyễn Thiên Thanh (220015)

Số SV có mặt: 33

Số bài thi: 33

Số tờ giấy thi: 33

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
29	2124140022	Nguyễn Thanh	Phong	27/12/2005	CCQ2414A	1	Thong	8.5	5	5.2
30	2124140009	Trần Hữu	Phước	16/01/2005	CCQ2414A	1	Phuoc	7	7.5	7.3
31	2124140054	Phạm Thế	Quân	17/04/2006	CCQ2414B					
32	2124140027	Nguyễn Thanh	Sỹ	07/11/2006	CCQ2414A	1	Sy	7	8	7.6
33	2124140026	Vô Hoàng Anh	Tấn	01/01/2006	CCQ2414A					
34	2124140021	Ca Toàn	Thái	08/01/2006	CCQ2414A	1	CaToan	7	7.5	7.3
35	2124140028	Lê Phạm Hữu	Thắng	16/06/2006	CCQ2414A	1	PhamHuu	5	8.5	8.7
36	2124140053	Nguyễn Văn	Thành	26/02/2006	CCQ2414B					
37	2124140041	Nguyễn Quốc	Thịnh	29/01/2006	CCQ2414B	1	QuocThinh	8	8	8
38	2124140045	Nguyễn Võ Minh	Thông	28/11/2006	CCQ2414B	1	Thong	8.5	8.5	8.5
39	2124140001	Đỗ Minh	Thuận	07/07/2006	CCQ2414A	1	Thuan	8	8.5	8.3
40	2124140043	Phan Quang	Thuy	20/05/2006	CCQ2414B	1	PhanQuang	5	8.5	8.7
41	2124140008	Nguyễn Đình	Tiền	12/01/2006	CCQ2414A	1	NguyenDinh	6	7.5	6.5
42	2124140034	Nguyễn Mạnh	Tiến	01/10/2006	CCQ2414A	1	Tien	8	8	8
43	2124140037	Nguyễn Minh	Tiến	07/10/2006	CCQ2414B	1	Tien	7.5	8	7.8
44	2124140033	Nguyễn Trần	Tiến	12/12/2006	CCQ2414A	1	TranTien	8.5	8.5	8.5
45	2124140012	Trần Văn	Trường	20/10/2006	CCQ2414A	1	TranVan	7.5	8	7.8
46	2124140044	Phan Thanh	Tuyền	06/04/2006	CCQ2414B					
47	2124140024	Trần Quốc	Việt	08/02/2006	CCQ2414A	1	Viet	6	7	6.6
48	2124140017	Cao Vô Quang	Vinh	04/12/2006	CCQ2414A					
49	2124140036	Đặng Hoàng	Vũ	10/03/2006	CCQ2414B	1	Vu	7	7.5	7.3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204231] - Kỹ năng mềm
(CCQ2414C)

CBGD: Lê Thị Thanh Hà (220008)

Số SV có mặt: 31...
Số bài thi:31...
Số tờ giấy thi: 31...

Thanh Hà
Lê Thị Thanh Hà

Thanh Hà
Lê Thị Thanh Hà

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2124140087	Nguyễn Quốc	An	25/11/2006	CCQ2414C		<i>An</i>	8.4	6.4	7.2
2	2124140084	Võ Tuấn	An	19/01/2006	CCQ2414C		<i>Tuấn</i>	9.2	6.4	7.5
3	2124140103	Nguyễn Ngọc Thiên	Ân	04/05/2006	CCQ2414C		An			
4	2124140120	Lê Hoàng	Anh	25/11/2006	CCQ2414D					
5	2124140115	Nguyễn Nhật Quyền	Anh	14/06/2006	CCQ2414D					
6	2124140074	Nguyễn Gia	Bảo	01/08/2006	CCQ2414C		<i>Gia</i>	8.8	6.4	7.4
7	2124140090	Đỗ Thành	Công	06/11/2006	CCQ2414C		<i>Thành</i>			
8	2124140130	Huỳnh Ngọc	Đạt	18/03/2005	CCQ2414D					
9	2124140089	Nguyễn Hữu	Đạt	23/01/2006	CCQ2414C		<i>Hữu</i>	8.2	6.4	7.1
10	2124140112	Nguyễn Thành	Đạt	23/06/2005	CCQ2414D		<i>Thành</i>	10.0	6.4	7.8
11	2124140093	Phan Duy	Đạt	14/03/2006	CCQ2414C					
12	2124140094	Lê Hoàng	Đức	17/07/2006	CCQ2414C		<i>Hoàng</i>	10.0	8.5	9.1
13	2124140076	Nguyễn Công	Duy	06/03/2006	CCQ2414C					
14	2124140101	Phạm Quốc	Duy	05/06/2005	CCQ2414C		<i>Quốc</i>	7.6	8.0	7.8
15	2124140100	Huỳnh	Hải	30/06/2005	CCQ2414C					
16	2124140108	Phan Hà Chí	Hải	06/06/2006	CCQ2414D					
17	2124140127	Nguyễn Xuân	Hào	31/01/2006	CCQ2414D		<i>Xuân</i>	9.0	8.0	8.4
18	2124140091	Nguyễn Minh	Hậu	30/09/2006	CCQ2414C		<i>Minh</i>	10.0	8.5	9.1
19	2124140097	Đặng Quang	Hoàng	16/03/2006	CCQ2414C		<i>Quang</i>	9.2	7.5	8.2
20	2124140104	Lý Khải	Hoàng	10/10/2005	CCQ2414C					
21	2124140092	Nguyễn Quốc	Hoàng	07/01/2006	CCQ2414C					
22	2124140128	Nguyễn Ngọc	Huân	11/06/2006	CCQ2414D		<i>Ngọc</i>	8.2	7.5	7.8
23	2124140099	Bùi Sĩ	Hùng	01/01/2006	CCQ2414C					
24	2124140116	Nguyễn Phước	Hùng	14/07/2006	CCQ2414D					
25	2124140073	Chu Gia	Huy	19/09/2006	CCQ2414C		<i>Gia</i>	8.2	7.5	7.8
26	2124140129	Huỳnh Châu	Huy	21/11/2006	CCQ2414D		<i>Châu</i>	8.0	7.5	7.7
27	2124140119	Nguyễn Chí	Khang	06/06/2006	CCQ2414D					
28	2124140102	Lý Tuấn	Khôi	07/03/2005	CCQ2414C					

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204231] - Kỹ năng mềm
(CCQ2414C)
CBGD: Lê Thị Thanh Hà (220008)

Số SV có mặt: 31...
Số bài thi:31...
Số tờ giấy thi: 31..

Thanh
Lê T.T. Hà

Thanh
Lê T.T. Hà
Nguyễn Thị Thanh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2124140110	Lê Tuấn	Kiệt	21/07/2006	CCQ2414D		<i>Kiệt</i>	10.0	8.7	9.2
30	2124140086	Phan Gia	Kiệt	08/08/2005	CCQ2414C		<i>Gia</i>	8.4	8.7	8.6
31	2124140082	Trương Tuấn	Kiệt	04/09/2006	CCQ2414C		<i>Kiệt</i>	7.2	8.7	8.1
32	2124140111	Từ Anh Thanh	Lịch	11/07/2006	CCQ2414D					
33	2124140079	Trịnh Ngọc	Lương	07/07/2006	CCQ2414C					
34	2124140117	Ngô Đại	Nghĩa	16/12/2006	CCQ2414D		<i>Đại</i>	8.4	8.7	8.6
35	2124140072	Nguyễn Doãn Thanh	Nguyên	23/05/2006	CCQ2414C		<i>Thanh</i>	7.2	8.7	8.1
36	2124140085	Trịnh Thị Thảo	Nguyên	27/06/2005	CCQ2414C					
37	2124140096	Vũ Hữu	Nguyên	23/08/1998	CCQ2414C					
38	2124140107	Đặng Ngọc	Nhân	13/04/2006	CCQ2414D		<i>Nhân</i>	8.2	8.3	8.3
39	2124140081	Hoàng Nhật	Phong	05/09/2006	CCQ2414C					
40	2124140113	Phan Thanh	Phong	14/12/2006	CCQ2414D					
41	2124140131	Phan Hữu	Phú	06/08/2006	CCQ2414C		<i>Hữu</i>	7.2	8.3	7.9
42	2124140133	Nguyễn Hoàng	Phúc	20/10/2006	CCQ2414D					
43	2124140132	Trần Văn	Quí	15/03/2004	CCQ2414D					
44	2124140077	Lưu Nhật	Tân	30/10/2006	CCQ2414C		<i>Tân</i>	9.6	8.3	8.8
45	2124140109	Đặng Tấn	Thành	26/03/2006	CCQ2414D		<i>Tấn</i>	6.4	8.3	7.5
46	2124140095	Nguyễn Bá	Thiện	29/06/2004	CCQ2414C					
47	2124140098	Mai Cường	Thịnh	19/02/2006	CCQ2414C		<i>Thịnh</i>	8.4	8.3	8.3
48	2124140106	Nguyễn Gia	Thịnh	14/08/2005	CCQ2414C					
49	2124140075	Quách Minh	Thuận	19/01/2006	CCQ2414C					
50	2124140088	Ngô Trần Thiện	Thy	06/10/2004	CCQ2414C		<i>Thy</i>	10.0	8.3	9.0
51	2124140114	Phạm Đức	Trung	09/08/2006	CCQ2414D		<i>Trung</i>	8.4	8.3	8.3
52	2124140121	Hồ Trần Thanh	Tuấn	08/01/2006	CCQ2414D		<i>Tuấn</i>	10.0	8.8	9.3
53	2124140118	Phạm Trọng	Tuấn	02/02/2006	CCQ2414D		<i>Trọng</i>	10.0	9.2	9.5
54	2124140083	Trần Sơn	Tùng	15/07/2006	CCQ2414C					
55	2124140122	Nguyễn Ngọc	Ứng	21/03/2006	CCQ2414D		<i>Ứng</i>	8.2	8.7	8.5
56	2124140123	Nguyễn Cảnh	Văn	24/01/2006	CCQ2414D		<i>Văn</i>	8.4	8.7	8.6

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204231] - Kỹ năng mềm
(CCQ2414C)
CBGD: Lê Thị Thanh Hà (220008)

Số SV có mặt: 31....
Số bài thi:31...
Số tờ giấy thi: 31...

Thanh Hà
Lê Thị Thanh Hà

Thanh Hà
Lê Thị Thanh Hà

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
57	2124140078	Trần Quốc	Việt	01/01/2006	CCQ2414C					
58	2124140105	Trình Lê Quốc	Việt	17/11/2006	CCQ2414C					
59	2124140124	Trần Hùng Chí	Vỹ	12/05/2006	CCQ2414D		<i>Thanh Hà</i>	10.0	9.2	9.5

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204233] - Kỹ năng mềm
(CCQ2417A)

CBGD: Tăng Thị Vinh (220013)

Số SV có mặt: 28
Số bài thi: 28
Số tờ giấy thi: 28

Tăng Thị Vinh

Tăng Thị Vinh

Đào Thị Diễm

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2124170007	Kiên Quốc	Bảo	12/09/2005	CCQ2417A		<i>B</i>	8.7	7.5	8.0
2	2124170032	Nguyễn Võ Ngọc Phước	Bảo	02/12/2006	CCQ2417A		<i>Bao</i>	9.9	9.0	9.4
3	2124170031	Đoàn Văn	Công	20/08/2006	CCQ2417A			-	-	-
4	2124170005	Nguyễn Mạnh	Cường	01/01/2003	CCQ2417A		<i>C</i>	6.7	7.5	7.2
5	2124170004	Diệp Thanh	Đại	23/09/2003	CCQ2417A			-	-	-
6	2124170025	Nguyễn Thái	Đông	29/07/2006	CCQ2417A		<i>Đông</i>	8.7	8.0	8.3
7	2124170023	Hồ Văn	Đức	18/07/2006	CCQ2417A			-	-	-
8	2124170035	Trần Thế	Hào	03/12/2006	CCQ2417A		<i>H</i>	9.6	8.0	8.6
9	2124170019	Võ Nhật	Hào	31/08/2006	CCQ2417A		<i>Nhật</i>	9.5	8.0	8.6
10	2124170307	Trịnh Quốc	Hiếu	16/01/2006	CCQ2417A		<i>Hiếu</i>	8.9	8.0	8.4
11	2124170016	Vũ Bùi Xuân	Hiếu	02/03/2006	CCQ2417A		<i>Hiếu</i>	8.7	7.5	8.0
12	2119170412	Trần Minh	Hoàng	07/02/2001	CCQ1917LA			-	-	-
13	2124170028	Vũ Huy	Hoàng	23/06/2006	CCQ2417A		<i>H</i>	6.4	7.3	6.9
14	2124170017	Trần Lâm Gia	Hưng	11/06/2006	CCQ2417A		<i>Lâm</i>	8.5	8.0	8.2
15	2124170319	Trần Gia	Huy	28/04/2006	CCQ2417A			-	-	-
16	2124170034	Trần Quốc	Huy	03/03/2006	CCQ2417A			-	-	-
17	2124170022	Nguyễn Hồng	Khiêm	18/04/2004	CCQ2417A		<i>H</i>	6.1	7.5	6.9
18	2124170013	Nguyễn Tuấn	Kiệt	10/04/2006	CCQ2417A		<i>Tuấn</i>	6.9	7.5	7.3
19	2124170026	Nguyễn Phạm Đại	Lộc	31/01/2006	CCQ2417A			-	-	-
20	2124170008	Nguyễn Phi	Long	14/10/2006	CCQ2417A			-	-	-
21	2124170014	Đặng Minh	Nhật	18/07/2006	CCQ2417A		<i>Nhật</i>	8.9	7.5	8.1
22	2124170015	Võ Minh	Nhật	05/03/2006	CCQ2417A		<i>Nhật</i>	9.2	7.5	8.2
23	2124170020	Đinh Thanh	Phím	10/05/2006	CCQ2417A		<i>Phím</i>	9.1	8.0	8.4
24	2124170027	Phạm Hoàng	Quân	24/01/2006	CCQ2417A		<i>Quân</i>	5.9	7.5	6.9
25	2124170029	Nguyễn Tấn	Tài	05/10/2006	CCQ2417A		<i>Tài</i>	10.0	8.5	9.1
26	2124170033	Ngô Thành	Tâm	15/03/2006	CCQ2417A			-	-	-
27	2124170012	Vô Quý	Thê	21/05/2006	CCQ2417A		<i>Thê</i>	10.0	9.0	9.4
28	2124170021	Vô Quốc	Thiện	12/09/2006	CCQ2417A		<i>Thiện</i>	8.9	8.5	8.7

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học : [22204233] - Kỹ năng mềm
(CCQ2417A)

CBGD: Tăng Thị Vinh (220013)

Số SV có mặt: 28
Số bài thi: 28
Số tờ giấy thi: 28

(Handwritten signatures and initials of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2124170006	Bùi Quốc	Thịnh	05/11/2005	CCQ2417A		<i>(Signature)</i>	8.7	8.0	8.3
30	2124170009	Nguyễn Ngọc	Thịnh	13/01/2005	CCQ2417A		Thịnh	8.9	7.5	8.1
31	2120260245	Nguyễn Thị Hồng	Trang	03/06/2002	CCQ2026G		Trang	7.3	7.5	7.4
32	2120120575	Phan Đình	Trọng	14/03/2002	CCQ2012N		Trọng	6.5	7.5	7.1
33	2124170001	Hoàng Anh	Tuấn	06/06/2000	CCQ2417A		Tuấn	8.9	8.3	8.5
34	2124170003	Nguyễn Lâm	Vũ	22/07/2005	CCQ2417A		<i>(Signature)</i>	8.2	7.8	8.0
35	2124170018	Nguyễn Minh	Vũ	13/03/2006	CCQ2417A		Minh	8.8	7.5	8.0
36	2124170030	Nguyễn Quang	Vũ	14/06/2006	CCQ2417A		Quang	9.6	8.5	8.9
37	2124170002	Nguyễn Đức	Vượng	03/03/2002	CCQ2417A		Vượng	8.8	8.0	8.3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204234] - Kỹ năng mềm
(CCQ2417B)

CBGD: Đào Thị Diệu (220014)

Số SV có mặt: 42

Số bài thi: 42

Số tờ giấy thi: 42


Đào Thị Diệu


Đào Thị Diệu


T. Vĩnh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2124170048	Trần Linh	An	03/09/2006	CCQ2417B		An	8,3	8,0	8,1
2	2124170289	Trần Thái	Bình	20/04/2006	CCQ2417B		Bình	5,0	7,8	6,7
3	2124170060	Cao Văn	Châu	28/07/2006	CCQ2417B			/	/	/
4	2124170042	Bùi Nhật	Dăng	07/07/2006	CCQ2417B		Đặng	7,5	8,0	7,8
5	2124170043	Huỳnh Tiến	Đạt	29/06/2006	CCQ2417B		Đạt	5,5	8,5	7,3
6	2124170061	Nguyễn Thành	Đạt	04/04/2006	CCQ2417B		Đạt	9,5	8,0	8,6
7	2124170062	Mai Thành	Đông	22/07/2006	CCQ2417B		Thư Long	6,5	7,8	7,3
8	2124170039	Trần Gia	Đức	15/01/2006	CCQ2417B		Đức	10,0	8,5	9,1
9	2124170052	Lê Thanh	Hoài	23/03/2006	CCQ2417B		Hoài	7,5	8,5	8,1
10	2124170155	Nguyễn Tấn	Hung	23/03/2006	CCQ2417B		T	6,5	9,0	8,0
11	2124170040	Nguyễn Việt	Hung	15/10/2006	CCQ2417B		Việt	5,9	7,5	6,9
12	2124170038	Châu Gia	Huy	03/10/2006	CCQ2417B			/	/	/
13	2124170064	Đỗ Quốc	Huy	27/12/2006	CCQ2417B		Huy	3,5	7,8	6,1
14	2124170066	Huỳnh Gia	Huy	01/07/2004	CCQ2417B			/	/	/
15	2124170054	Trần Tấn	Huỳnh	10/04/2006	CCQ2417B		Huỳnh	8,8	8,5	8,6
16	2124170065	Trần Duy	Khang	16/02/2006	CCQ2417B		Kh	9,5	8,0	8,6
17	2124170056	Trần Gia	Khang	10/06/2006	CCQ2417B			/	/	/
18	2124170070	Nguyễn Lạc	Khôi	30/09/2006	CCQ2417B		Khôi	7,5	7,8	7,7
19	2124170055	Nguyễn Văn	Lộc	05/10/2006	CCQ2417B			3,0	8,0	6,0
20	2124170069	Huỳnh Hữu	Luân	01/01/2006	CCQ2417B		Luân	9,3	9,0	9,1
21	2124170063	Mai Ngọc	Nam	08/06/2006	CCQ2417B		Nam	7,2	7,5	7,4
22	2124170068	Nguyễn Huỳnh	Nam	14/09/2006	CCQ2417B			/	/	/
23	2124170119	Nguyễn Nhật	Nam	11/11/2006	CCQ2417D			/	/	/
24	2124170134	Vũ Đình	Nam	23/07/2006	CCQ2417D		clom	10,0	9,8	9,9
25	2124170140	Nguyễn Văn	Nghĩa	19/06/2006	CCQ2417D		Nghĩa	6,3	7,0	6,7
26	2124170118	Võ Văn	Nghĩa	02/04/2006	CCQ2417D		Nghĩa	7,8	7,0	7,3
27	2124170058	Hoàng Văn	Nguyên	18/10/2006	CCQ2417B			/	/	/
28	2124170131	Đỗ Văn	Nhân	27/10/2006	CCQ2417D		Nhân	8,5	7,0	7,6

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204234] - Kỹ năng mềm
(CCQ2417B)

CBGD: Đào Thị Diệu (220014)

Số SV có mặt: 42

Số bài thi: 42

Số tờ giấy thi: 42

Đào Thị Diệu

Đào Thị Diệu

Nguyễn Thị Bích

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
29	2124170114	Nguyễn	Pháp	18/05/2006	CCQ2417D		<i>Pháp</i>	10,0	9,0	9,4
30	2124170125	Huỳnh Trường	Phát	31/03/2005	CCQ2417D			/	/	/
31	2124170045	Phạm Thanh	Phong	04/09/2006	CCQ2417B		<i>Phong</i>	6,8	7,5	7,2
32	2124170116	Lưu Hoàng	Phúc	20/06/2005	CCQ2417D		<i>Phúc</i>	8,3	7,0	7,5
33	2124170049	Nguyễn Trọng	Phúc	28/02/2006	CCQ2417B		<i>Trọng</i>	5,3	7,0	6,3
34	2124170109	Đặng Đình	Phước	26/06/2004	CCQ2417D			/	/	/
35	2124170053	Nguyễn Ngọc	Sang	24/10/2006	CCQ2417B		<i>Sang</i>	6,0	8,5	7,5
36	2124170124	Nguyễn Phước	Sang	20/03/2006	CCQ2417D			/	/	/
37	2124170059	Đặng Thành	Tài	31/10/2006	CCQ2417B			/	/	/
38	2124170130	Nguyễn Trần Anh	Thái	08/03/2006	CCQ2417D		<i>Thái</i>	7,5	8,0	7,8
39	2124170051	Lê Minh	Thiên	13/04/2006	CCQ2417B		<i>Thiên</i>	7,4	8,5	8,1
40	2124170041	Lê Văn Trung	Thiện	14/04/2006	CCQ2417B		<i>Trung</i>	6,0	8,0	7,2
41	2124170207	Nguyễn Đình	Thoa	25/08/2006	CCQ2417D		<i>Thoa</i>	7,3	8,0	7,7
42	2124170132	Phan Văn	Tiến	20/10/2006	CCQ2417D		<i>Tiến</i>	8,6	7,5	7,9
43	2124170046	Nguyễn Xuân	Tịnh	27/10/2006	CCQ2417B		<i>Tịnh</i>	8,8	8,2	8,4
44	2124170047	Lê Võ Thanh	Toàn	19/08/2006	CCQ2417B		<i>Toàn</i>	7,8	8,5	8,2
45	2124170135	Mai Quốc	Toàn	22/09/2006	CCQ2417D		<i>Toàn</i>	10,0	7,5	8,5
46	2124170133	Nguyễn Bá	Trung	31/08/2006	CCQ2417D		<i>Trung</i>	8,7	7,5	8,0
47	2124170050	Nguyễn Quốc	Trung	14/07/2006	CCQ2417B		<i>Trung</i>	7,5	7,5	7,5
48	2124170128	Nguyễn Lưu Anh	Tú	27/09/2006	CCQ2417D		<i>Tú</i>	7,0	7,5	7,3
49	2124170037	Nguyễn Mạnh	Tuấn	28/03/2006	CCQ2417B		<i>Tuấn</i>	6,8	8,5	7,8
50	2124170036	Nguyễn Nhật Khánh	Văn	03/12/2006	CCQ2417B		<i>Văn</i>	5,6	7,5	6,7
51	2124170111	Phạm Văn	Văn	03/09/2006	CCQ2417D		<i>Văn</i>	9,8	8,0	8,7
52	2124170166	Huỳnh Văn	Việt	26/09/2005	CCQ2417D		<i>Việt</i>	6,5	7,8	7,3
53	2124170110	Thái Tuấn Quốc	Vương	06/06/2006	CCQ2417D		<i>Vương</i>	9,5	8,0	8,6

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204235] - Kỹ năng mềm
(CCQ2417C)

CBGD: Lê Thị Thanh Hà (220008)

Số SV có mặt: 35

Số bài thi: 35

Số tờ giấy thi: 35

Chánh
Lê T. Thanh Hà

Chánh
Nguyễn Thị Thanh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2124170081	Nguyễn Ngọc Hải	Anh	09/03/2006	CCQ2417C			10.0	7.0	8.2
2	2124170088	Nguyễn Thanh Dương	Anh	10/09/2005	CCQ2417C					
3	2124170071	Trần Trọng	Anh	22/09/2006	CCQ2417C			7.6	7.0	7.2
4	2124170097	Nguyễn Quốc	Bảo	01/06/2006	CCQ2417C					
5	2124170073	Trần Nguyễn Trang	Bìn	15/08/2006	CCQ2417C			9.2	7.0	7.9
6	2124170074	Nguyễn Thanh	Bình	12/02/2006	CCQ2417C			8.4	7.0	7.6
7	2124170129	Tạ Đình	Chí	13/09/2006	CCQ2417D					
8	2124170141	Trần Trương Trung	Chính	19/02/2006	CCQ2417D			6.4	7.0	6.8
9	2124170093	Nguyễn Hồng	Chương	07/02/2006	CCQ2417C			9.2	7.0	7.9
10	2124170094	Nguyễn Hải	Đăng	20/02/2006	CCQ2417C			8.4	7.0	7.6
11	2124170113	Phạm Bá	Diệp	22/06/2006	CCQ2417D			8.2	8.3	8.3
12	2124170084	Phan Hồ	Diệp	16/04/2006	CCQ2417C			10.0	8.3	9.0
13	2124170086	Nguyễn Văn	Đồng	21/04/2006	CCQ2417C			9.2	8.3	8.7
14	2124170106	Đỗ Ngọc	Đức	25/01/2005	CCQ2417D			7.2	8.3	7.9
15	2124170121	Đỗ An	Dương	30/03/2006	CCQ2417D					
16	2124170107	Nguyễn Trung	Dương	09/03/2006	CCQ2417D			9.2	8.3	8.7
17	2124170099	Đinh Danh	Duy	20/07/2006	CCQ2417C			10.0	8.3	9.0
18	2124170136	Đoàn Khánh	Duy	24/09/2006	CCQ2417D			8.4	8.3	8.3
19	2124170104	Nguyễn Minh	Hiếu	25/06/2005	CCQ2417C			7.2	8.3	7.8
20	2124170085	Phạm Văn	Hiếu	21/04/2006	CCQ2417C			8.4	9.2	8.9
21	2124170122	Phạm Văn	Hiếu	23/11/2006	CCQ2417D			7.6	7.4	7.5
22	2124170089	Nguyễn Công	Hiệu	13/10/2006	CCQ2417C			8.4	8.0	8.2
23	2124170075	Huỳnh Đình	Hưng	04/07/2006	CCQ2417C					
24	2124170115	Trần Lê Quốc	Hưng	03/05/2006	CCQ2417D					
25	2124170127	Đỗ Nguyễn Đức	Huy	15/08/2006	CCQ2417D					
26	2124170108	Lê Anh	Khoa	29/08/2006	CCQ2417D			10.0	7.4	8.4
27	2124170285	Trần Minh	Khôi	25/12/2006	CCQ2417D					
28	2124170290	Vũ Hoàng Anh	Khôi	16/09/2005	CCQ2417C					

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204235] - Kỹ năng mềm
(CCQ2417C)
CBGD: Lê Thị Thanh Hà (220008)

Số SV có mặt: 35
Số bài thi: 35
Số tờ giấy thi: 35

Thanh
Lê.T.T.Hà

Thanh
Lê.T.T.Hà
Nguyễn Xuân Phan

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2124170078	Ngô Quốc	Linh	30/04/2006	CCQ2417C			9.2	7.4	8.3
30	2124170137	Đỗ Tấn	Lộc	13/04/2006	CCQ2417D			10.0	7.4	8.4
31	2124170105	Nguyễn Tấn	Lực	05/11/2006	CCQ2417C					
32	2124170244	Nguyễn Hoàng	Mỹ	27/12/2006	CCQ2417C			7.6	7.6	7.6
33	2124170126	Lê Bằng	Nam	16/11/2006	CCQ2417D			9.2	7.5	8.2
34	2124170123	Nguyễn Hoàng	Nam	19/11/2005	CCQ2417D					
35	2124170080	Phạm Văn	Nhứt	13/11/2006	CCQ2417C			8.4	7.5	7.9
36	2124170092	Huỳnh Phan Tiến	Phát	14/12/2005	CCQ2417C					
37	2124170103	Mạc Tấn	Phát	07/11/2006	CCQ2417C					
38	2124170098	Trương Hồng	Phúc	16/06/2006	CCQ2417C			10.0	8.5	9.1
39	2124170100	Dương Văn	Quan	10/06/2004	CCQ2417C			8.4	7.5	7.9
40	2124170284	Bùi Trần Ngọc	Quang	15/04/2006	CCQ2417C					
41	2124170101	Trần Văn	Quyển	16/05/2006	CCQ2417C			8.4	7.5	7.9
42	2124170286	Bùi Nhật Hoàng	Sang	25/01/2006	CCQ2417C			9.2	7.6	8.2
43	2124170095	Đỗ Thanh	Tâm	05/10/2006	CCQ2417C			8.4	7.5	7.9
44	2124170096	Nguyễn Phúc	Thịnh	07/03/2006	CCQ2417C			8.4	7.0	7.6
45	2124170072	Phạm Phúc	Trọng	17/05/2006	CCQ2417C			8.4	7.0	7.6
46	2124170083	Nguyễn Văn	Trường	09/02/2003	CCQ2417C			8.4	7.5	7.9
47	2124170079	Điền Minh	Tú	23/03/2005	CCQ2417C			10.0	7.6	8.6
48	2124170091	Nguyễn Thanh	Tú	06/09/2006	CCQ2417C					
49	2124170077	Nguyễn Trần Thái	Tuấn	08/12/2006	CCQ2417C			8.4	7.0	7.6
50	2124170076	Trương Đình	Văn	28/12/2006	CCQ2417C			8.4	7.5	7.9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204237] - Kỹ năng mềm
(CCQ2417E)

CBGD: Đào Thị Diệu (220014)

Số SV có mặt: 34
Số bài thi: 34
Số tờ giấy thi: 34

Đào Thị Diệu

Đào Thị Diệu *Trần Văn*

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2124170300	Bùi Trần Đức	Anh	10/01/2004	CCQ2417I		<i>Anh</i>	8,8	8,5	8,6
2	2124170143	Đinh Tuấn	Anh	14/06/2006	CCQ2417E		<i>Anh</i>	3,5	8,0	6,2
3	2124170297	Huỳnh Bảo	Anh	16/02/2006	CCQ2417I			/	/	/
4	2124170318	Nguyễn Lê Đức	Anh	08/11/2005	CCQ2417I			/	/	/
5	2124170315	Đinh Ngọc	Bảo	25/07/2006	CCQ2417I		<i>Bảo</i>	8,0	8,8	8,5
6	2124170156	Mai Thành	Chung	05/04/2006	CCQ2417E			/	/	/
7	2124170303	Lê Xuân	Cường	23/06/2006	CCQ2417I			/	/	/
8	2124170210	Nguyễn Thành	Dạt	31/01/2006	CCQ2417E		<i>Dạt</i>	7,8	8,0	7,9
9	2124170159	Nguyễn Văn	Dạt	13/10/2006	CCQ2417E		<i>Dạt</i>	4,5	8,5	6,9
10	2124170171	Lê Quang	Diệu	01/01/2006	CCQ2417E		<i>Diệu</i>	2,5	8,0	5,8
11	2124170146	Hà Trung	Đoàn	11/04/2005	CCQ2417E		<i>Đoàn</i>	8,8	8,5	8,6
12	2124170301	Trần Hồng	Hải	13/04/2005	CCQ2417I			/	/	/
13	2124170149	Võ Văn	Hân	11/10/2006	CCQ2417E			/	/	/
14	2124170327	Phạm Văn	Hào	20/08/2006	CCQ2417I			/	/	/
15	2124170172	Nguyễn Duy	Hậu	30/08/2006	CCQ2417E		<i>Hậu</i>	7,5	8,0	7,8
16	2124170175	Nguyễn Văn	Hiệp	24/06/1998	CCQ2417E			/	/	/
17	2124170314	Lê Thanh	Hòa	26/06/2005	CCQ2417I			/	/	/
18	2124170313	Dũng Mạnh Lê	Hoàng	07/01/2006	CCQ2417I		<i>Hoàng</i>	2,5	8,5	6,1
19	2124170298	Vũ Quang	Huy	19/05/2002	CCQ2417I			/	/	/
20	2124170178	Hoàng Gia Anh	Khâm	15/01/2006	CCQ2417E		<i>Khâm</i>	8,8	7,0	7,7
21	2124170321	Nguyễn Quốc	Khánh	23/07/2005	CCQ2417I			/	/	/
22	2124170296	Vũ Quốc	Khánh	11/10/2004	CCQ2417I			/	/	/
23	2124170309	Phạm Đăng	Khôi	19/06/2006	CCQ2417I			/	/	/
24	2124170163	Trương Hoàng Bảo	Khôi	07/01/2006	CCQ2417E		<i>Khôi</i>	9,4	8,0	8,6
25	2124170325	Đỗ Tuấn	Kiệt	20/08/2006	CCQ2417I			/	/	/
26	2124170168	Chau Đô	La	05/08/2006	CCQ2417E		<i>La</i>	7,8	8,0	7,9
27	2124170144	Cao Thanh	Lâm	01/01/2006	CCQ2417E		<i>Lâm</i>	9,3	8,0	8,5
28	2124170160	Lại Hữu	Lộc	26/12/2006	CCQ2417E		<i>Lộc</i>	8,4	8,0	8,2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viễn chấm thi 1 G.Viễn chấm thi 2

Môn học : [22204237] - Kỹ năng mềm
(CCQ2417E)
CBGD: Đào Thị Diệu (220014)

Số SV có mặt: 34...
Số bài thi: 34...
Số tờ giấy thi: 34...

Đào Thị Diệu
Đào Thị Diệu
Tg. Kịch

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2124170165	Nguyễn Hoàng Bảo Long	14/02/2006	CCQ2417E		<i>Long</i>	3,4	8,5	6,5
30	2124170145	Nguyễn Thành Long	11/11/2006	CCQ2417E		<i>Q</i>	9,6	8,0	8,6
31	2124170152	Phan Đăng Long	19/08/2006	CCQ2417E		<i>long</i>	7,0	8,0	7,6
32	2124170158	Trần Tiến Lực	13/06/2006	CCQ2417E		<i>Lực</i>	6,1	8,0	7,2
33	2124170151	Nguyễn Thành Nam	16/08/2006	CCQ2417E		<i>Nam</i>	8,8	8,8	8,8
34	2124170304	Huỳnh Anh Nhựt	30/01/2006	CCQ2417I		<i>Nhựt</i>	6,5	8,0	7,4
35	2124170170	Mạch Thuận Phát	14/06/2006	CCQ2417E			/	/	/
36	2124170162	Đặng Chí Phong	21/07/2006	CCQ2417E		<i>Phong</i>	3,5	7,0	5,6
37	2124170317	Đỗ Hoàng Quân	02/02/2006	CCQ2417I			/	/	/
38	2124170302	Nguyễn Anh Quân	17/02/2005	CCQ2417I			/	/	/
39	2124170299	Đinh Văn Sơn	14/10/2002	CCQ2417I			/	/	/
40	2124170305	Nguyễn Nhựt Tài	30/07/2006	CCQ2417I			/	/	/
41	2124170310	Điêu Thành Tâm	11/05/2006	CCQ2417I			/	/	/
42	2124170147	Huỳnh Duy Anh Tân	21/06/2006	CCQ2417E		<i>TAN</i>	3,8	7,0	5,7
43	2124170153	Nguyễn Hồng Thái	19/11/2006	CCQ2417E		<i>Thái</i>	9,0	9,0	9,0
44	2124170176	Đinh Hoàng Thắng	25/02/2006	CCQ2417E		<i>Thắng</i>	6,5	7,8	7,3
45	2124170161	Lê Hữu Thiện	06/06/2006	CCQ2417E			/	/	/
46	2124170320	Đỗ Văn Thông	04/04/2006	CCQ2417I		<i>Thông</i>	8,8	8,5	8,6
47	2124170311	Đỗ Vĩnh Thuận	05/09/2006	CCQ2417I		<i>Thuận</i>	8,9	8,8	8,8
48	2124170142	Cao Đình Tình	24/03/2006	CCQ2417E		<i>Tình</i>	8,9	9,0	9,0
49	2124170164	Huỳnh Long Toàn	10/11/2005	CCQ2417E		<i>Toàn</i>	7,3	8,0	7,7
50	2124170174	Lê Văn Toàn	07/02/2006	CCQ2417E		<i>Toàn</i>	9,0	8,0	8,4
51	2124170312	Ngô Minh Trí	11/01/2006	CCQ2417I			/	/	/
52	2124170235	Nguyễn Minh Trí	26/02/2006	CCQ2417E		<i>Trí</i>	7,8	7,5	7,6
53	2124170148	Nguyễn Trục Trí	08/06/2006	CCQ2417E			/	/	/
54	2124170324	Trần Ngọc Đức Trung	17/09/2006	CCQ2417I			/	/	/
55	2124170150	Nguyễn Anh Trường	05/11/2005	CCQ2417E		<i>Trường</i>	8,8	8,5	8,6
56	2124170328	Phạm Nhật Trường	06/11/2006	CCQ2417I			/	/	/

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Đào Thị Diệu *Đào Thị Diệu* *Đào Thị Diệu* *Đào Thị Diệu*

Môn học : [22204237] - Kỹ năng mềm
(CCQ2417E)
CBGD: Đào Thị Diệu (220014)

Số SV có mặt: 34...
Số bài thi:34...
Số tờ giấy thi: 34

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
57	2124170177	Lâm Hải	Vân	17/10/2005	CCQ2417E			/	/	/
58	2124170167	Nguyễn Thành	Vinh	03/09/2006	CCQ2417E		<i>[Signature]</i>	8,2	8,0	8,1
59	2124170154	Cao Hoàng Anh	Vũ	10/02/2006	CCQ2417E		Vũ	7,8	8,0	7,9
60	2124170169	Phùng Học	Vũ	01/01/2006	CCQ2417E		<i>[Signature]</i>	8,2	8,0	8,1

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204238] - Kỹ năng mềm
(CCQ2417F)

CBGD: Tăng Thị Vinh (220013)

Số SV có mặt: 41

Số bài thi: 41

Số tờ giấy thi: 41

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2124170189	Nguyễn Hoàng Nhật	Anh	02/08/2005	CCQ2417F		-	-	-	-
2	2124170209	Nguyễn Lê Tuấn	Anh	04/06/2005	CCQ2417F		Azel	7.3	6.0	6.5
3	2124170183	Lê Ngọc	Đặng	02/11/2003	CCQ2417F		Đặng	8.5	8.5	8.5
4	2124170187	Nguyễn Minh	Đạt	11/09/2006	CCQ2417F		Đạt	8.6	7.5	7.9
5	2124170216	Nguyễn Đại	Dương	20/08/2006	CCQ2417F		Dương	9.2	7.5	8.2
6	2124170193	Huỳnh Phúc	Hậu	30/04/2006	CCQ2417F		Huỳnh	9.3	7.5	8.2
7	2124170195	Nguyễn Minh	Hiền	01/06/2006	CCQ2417F		Hiền	7.5	7.0	7.2
8	2124170190	Huỳnh Trung	Hiếu	11/02/2006	CCQ2417F		Hiếu	8.8	8.0	8.3
9	2124170182	Nguyễn Đông	Hoa	04/05/2005	CCQ2417F		-	-	-	-
10	2124170181	Nguyễn Phước	Hoài	28/08/2006	CCQ2417F		-	-	-	-
11	2124170211	Nguyễn Phi	Huỳnh	02/09/2006	CCQ2417F		-	-	-	-
12	2124170204	Huỳnh Gia	Khang	04/08/2006	CCQ2417F		Khang	8.3	7.0	7.5
13	2124170198	Bùi Lương	Khánh	11/04/2006	CCQ2417F		Khánh	8.5	7.0	7.6
14	2124170214	Lê Quang	Khánh	03/02/2006	CCQ2417F		Khánh	8.3	6.5	7.2
15	2124170203	Đỗ Hoàng Anh	Khoa	27/05/2006	CCQ2417F		Khoa	7.2	8.0	7.7
16	2124170188	Lý Thành	Khương	13/09/2006	CCQ2417F		Khương	7.3	7.5	7.4
17	2124170192	Lương Gia	Kiệt	03/06/2006	CCQ2417F		Kiệt	8.7	7.0	7.7
18	2124170191	Doanh Đức	Long	14/07/2003	CCQ2417F		Long	8.0	7.0	7.4
19	2124170186	Nguyễn Thành	Long	04/07/2006	CCQ2417F		Long	8.5	7.3	7.8
20	2124170202	Lê Hữu	Luân	25/09/2006	CCQ2417F		Luân	7.4	6.3	6.7
21	2124170194	Văn Công Tấn	Lực	23/02/2006	CCQ2417F		Lực	9.2	7.5	8.2
22	2124170326	Huỳnh Trọng	Nghĩa	10/02/2006	CCQ2417A		-	-	-	-
23	2124170180	Bùi Gia	Phát	25/11/2006	CCQ2417F		-	-	-	-
24	2124170196	Huỳnh Tấn	Phát	25/11/2005	CCQ2417F		Phát	7.5	7.0	7.2
25	2124170267	Nguyễn Triệu Tấn	Phát	30/04/2005	CCQ2417H		Phát	8.5	8.0	8.2
26	2124170282	Nguyễn Đình	Phú	08/10/2005	CCQ2417H		Phú	9.2	7.3	8.1
27	2124170288	Cao Chu Anh	Phúc	01/04/2005	CCQ2417H		-	-	-	-
28	2124170261	Lê Trọng	Phúc	28/12/2006	CCQ2417H		Phúc	9.2	7.3	8.1

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204238] - Kỹ năng mềm
(CCQ2417F)
CBGD: Tăng Thị Vinh (220013)

Số SV có mặt: 41
Số bài thi: 41
Số tờ giấy thi: 41

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2124170254	Nguyễn Tấn	Phước	03/10/2006	CCQ2417H		Phước	9.5	8.0	8.6
30	2124170281	Nguyễn Hoàng	Quân	26/02/2006	CCQ2417H		Quân	7.7	8.3	8.1
31	2124170270	Nguyễn Nhật	Quang	01/01/2006	CCQ2417H		Quang	7.9	6.8	7.2
32	2124170257	Nguyễn Quý	Quang	13/01/2006	CCQ2417H			-	-	-
33	2124170208	Hồ Minh	Quảng	11/04/2006	CCQ2417F		Quảng	8.8	8.0	8.3
34	2124170201	Đầu Huỳnh Thanh	Sang	04/06/2006	CCQ2417F		Sang	9.1	7.3	8.0
35	2124170200	Nguyễn Lê Minh	Sơn	19/09/2006	CCQ2417F			-	-	-
36	2124170271	Nguyễn Phan Hoàng	Sơn	02/03/2005	CCQ2417H			-	-	-
37	2124170269	Lý Tấn	Tài	07/11/2006	CCQ2417H			-	-	-
38	2124170258	Nguyễn Quốc	Thái	03/06/2005	CCQ2417H			-	-	-
39	2124170213	Huỳnh Tấn	Thành	10/12/2006	CCQ2417F		Thành	9.5	7.0	8.0
40	2124170184	Trần Nguyễn Đạt	Thành	05/07/2006	CCQ2417F		Thành	8.0	7.0	7.4
41	2124170215	Phạm Văn	Thông	15/06/2006	CCQ2417F		Thông	6.9	7.0	7.0
42	2124170265	Nguyễn Hùng	Tiến	18/10/2005	CCQ2417H		Hùng	9.6	7.5	8.3
43	2124170260	Trần Minh	Tiến	21/07/2006	CCQ2417H			-	-	-
44	2124170205	Lê Nguyễn Phúc	Tín	14/09/2006	CCQ2417F		Phúc	9.9	7.5	8.5
45	2124170255	Phan Thanh	Tính	21/08/2006	CCQ2417H		Thanh	7.7	7.3	7.5
46	2124170279	Lương Thái	Toàn	23/10/2006	CCQ2417H		Thái	6.4	7.8	7.2
47	2124170283	Lâm Quang	Trí	18/12/2006	CCQ2417H		Quang	8.3	8.0	8.1
48	2124170280	Mai Minh	Trí	02/11/2006	CCQ2417H		Minh	9.7	8.0	8.7
49	2124170276	Nguyễn Ngọc Khánh	Trình	11/01/2004	CCQ2417H		Khánh	10.0	9.0	9.4
50	2124170308	Đào Minh	Tự	05/05/2006	CCQ2417F			-	-	-
51	2124170206	Phạm Nguyễn Ngọc	Tuấn	24/09/2006	CCQ2417F		Ngọc	10.0	8.0	8.8
52	2124170212	La Việt	Tường	10/08/2006	CCQ2417F		Việt	9.1	7.0	7.8
53	2124170199	Nguyễn Đức	Vang	12/09/2006	CCQ2417F		Đức	8.1	7.5	7.7
54	2124170274	Phùng Quốc	Việt	05/12/2006	CCQ2417H		Quốc	6.8	6.8	6.8
55	2124170259	Nguyễn Quang	Vinh	27/06/2005	CCQ2417H			-	-	-
56	2124170185	Mai Chí	Vỹ	25/01/2006	CCQ2417F		Chí	8.1	7.8	7.9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204239] - Kỹ năng mềm
(CCQ2417G)

CBGD: Nguyễn Thiên Thanh (220015)

Số SV có mặt: 35..

Số bài thi:35...

Số tờ giấy thi: 35...

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2124170256	Đinh Công Anh	30/09/2006	CCQ2417H					
2	2124170273	Tăng Vĩnh Nam	27/12/2006	CCQ2417H	1	AN	8.5	8.5	8.5
3	2124170263	Trần Thái Bình	10/12/2005	CCQ2417H	1	Bình	7.5	7.5	7.5
4	2124170242	Đào Ngọc Cẩm	29/03/2006	CCQ2417G	1	Cam	8	8	8
5	2124170225	Hồ Xuân Cường	20/12/2005	CCQ2417G	1	Cường	8.5	8.5	8.5
6	2124170277	Nguyễn Việt Cường	26/10/2005	CCQ2417H					
7	2124170234	Nguyễn Khắc Đại	17/12/2006	CCQ2417G					
8	2124170268	Đỗ Phạm Thành Đạt	10/11/2006	CCQ2417H	1	Dat	8.5	8.5	8.5
9	2124170252	Dương Hoàn Đạt	11/03/2006	CCQ2417G					
10	2124170275	Nguyễn Quốc Đạt	22/05/2006	CCQ2417H	1	Dat	7	7	7
11	2124170220	Nguyễn Văn Đạt	09/01/2006	CCQ2417G	1	Dat	7.5	7.5	7.5
12	2124170272	Phạm Cao Thành Đạt	15/09/2006	CCQ2417H					
13	2124170217	Lê Đình Đức	30/07/2006	CCQ2417G					
14	2124170253	Nguyễn Minh Hậu	12/05/2006	CCQ2417G	1	Hau	8.5	8.5	8.5
15	2124170293	Ngô Quang Hùng	25/11/2006	CCQ2417H	1	Hun	9.5	9	9.2
16	2124170262	Lê Đình Huy	14/11/2006	CCQ2417H					
17	2124170264	Nguyễn Minh Khánh	14/02/2006	CCQ2417H	1	Khánh	8.5	8.5	8.5
18	2124170291	Nguyễn Anh Khoa	05/03/2006	CCQ2417G					
19	2124170239	Nguyễn Ngọc Khương	25/01/2006	CCQ2417G					
20	2124170294	Đỗ Anh Kiệt	04/04/2005	CCQ2417H	1	Kiet	8.5	9	8.8
21	2124170248	Lê Quang Anh Kiệt	22/04/2006	CCQ2417G	1	Kiet	7	8	7.6
22	2124170224	Trần Tấn Lộc	07/03/2006	CCQ2417G	1	Loc	8.5	8.5	8.5
23	2124170228	Võ Hà Tiến Lợi	25/08/2005	CCQ2417G	1	Loi	7.5	7.5	7.5
24	2124170266	Nguyễn Thanh Luân	07/11/2004	CCQ2417H					
25	2124170221	Lê Nguyên Lý	21/01/2006	CCQ2417G	1	Ly	9	9	9
26	2124170226	Phạm Lê Quang Minh	17/05/2006	CCQ2417G	1	Minh	8.5	8.5	8.5
27	2124170295	Vũ Văn Nguyên	02/02/2005	CCQ2417H	1	Nguyen	8	8	8
28	2124170278	Đỗ Đức Nhật	27/06/2004	CCQ2417H					

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204239] - Kỹ năng mềm
(CCQ2417G)

CBGD: Nguyễn Thiên Thanh (220015)

Số SV có mặt: 35

Số bài thi: 35

Số tờ giấy thi: 35

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
29	2124170222	Nguyễn Quốc	Nho	25/02/2006	CCQ2417G	1	Nho	6	7	6.6
30	2124170292	Nguyễn Văn	Pháp	20/04/2006	CCQ2417H	1	Pháp	8.5	8.5	8.5
31	2124170241	Đỗ Khởi	Phát	30/11/2006	CCQ2417G	1	Phát	8.5	8.5	8.5
32	2124170245	Bùi Thanh Trường	Phúc	20/07/2006	CCQ2417G	1	Phúc	9	10	9.6
33	2124170249	Hồ Thanh	Phúc	18/02/2006	CCQ2417G	1	Phúc	9	8.5	8.7
34	2124170230	Tôn Thất Hồng	Phúc	18/11/2006	CCQ2417G	1	Phúc	5	6	5.6
35	2124170243	Võ Minh	Sang	02/03/2006	CCQ2417G	1	Sang	9	9	9
36	2124170236	Vũ Đức	Son	05/01/1992	CCQ2417G	1	Son	8.5	9	8.8
37	2124170247	Trần Văn Anh	Tài	21/04/2006	CCQ2417G					
38	2124170238	Nguyễn Hoàng	Tân	30/04/2006	CCQ2417G	1	Tân	7.5	8	7.8
39	2124170316	Lộc Văn	Thành	24/06/2006	CCQ2417G					
40	2124170232	Lê Dương	Thạnh	07/07/2006	CCQ2417G	1	Thạnh	8.5	8.5	8.5
41	2124170229	Nguyễn Việt	Thiện	07/12/2006	CCQ2417G	1	Thiện	8.5	8.5	8.5
42	2124170231	Đoàn Lê Hưng	Thịnh	16/12/1993	CCQ2417G	1	Thịnh	9	9	9
43	2124170219	Phạm Quốc	Thịnh	29/08/2006	CCQ2417G	1	Thịnh	8.5	8.5	8.5
44	2124170218	Huỳnh Mai	Thu	10/06/2006	CCQ2417G					
45	2124170251	Huỳnh Quốc	Thuận	24/05/2006	CCQ2417G	1	Thuận	6.5	7.5	7.1
46	2124170250	Vũ Đình	Toàn	03/08/2006	CCQ2417G	1	Toàn	7.5	8	7.8
47	2124170227	Thái Văn	Triều	22/09/2006	CCQ2417G	1	Triều	7.5	8	7.8
48	2124170237	Nguyễn Hiếu	Trọng	27/01/2006	CCQ2417G	1	Trọng	8.5	8.5	8.5
49	2124170233	Nguyễn Văn	Trường	26/03/2005	CCQ2417G	1	Trường	7.5	8	7.8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204264] - Kỹ năng mềm
(CCQ2435A)

CBGD: Đào Thị Diệu (220014)

Số SV có mặt: 50
Số bài thi: 50
Số tờ giấy thi: 50

(Handwritten signatures of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2124350116	Hồ Tuấn Anh	15/05/2006	CCQ2435A			/	/	0,0
2	2124350066	Trần Lê Quốc Anh	31/03/2005	CCQ2435B		<i>(Signature)</i>	6,5	7,0	6,8
3	2124350052	Trần Gia Bao	25/10/2006	CCQ2435B		<i>(Signature)</i>	9,3	8,0	8,5
4	2124350080	Võ Quốc Bao	19/06/2006	CCQ2435B		<i>(Signature)</i>	6,3	7,5	7,0
5	2124350120	Võ Thế Bao	06/03/2006	CCQ2435B		<i>(Signature)</i>	6,8	8,0	7,5
6	2124350062	Đỗ Nguyễn Khánh Dân	10/02/2006	CCQ2435B		<i>(Signature)</i>	5,3	7,0	6,3
7	2124350012	Vũ Duy Đông	13/01/2004	CCQ2435A		<i>(Signature)</i>	8,0	8,0	8,0
8	2124350117	Nguyễn Tiến Dũng	08/10/2006	CCQ2435B		<i>(Signature)</i>	2,0	7,5	5,3
9	2124350078	Nguyễn Công Giang	05/11/2006	CCQ2435B		<i>(Signature)</i>	9,0	8,5	8,7
10	2124350069	Hướng Phúc Hải	04/07/2005	CCQ2435B			/	/	0,0
11	2124350058	Phạm Nguyễn Ngọc Hải	09/02/2006	CCQ2435B		<i>(Signature)</i>	8,5	8,8	8,7
12	2124350073	Tăng Thành Hải	03/05/2006	CCQ2435B		<i>(Signature)</i>	2,0	8,0	5,6
13	2124350039	Lê Đồng Kha Hân	26/04/2006	CCQ2435A		<i>(Signature)</i>	9,5	8,0	8,6
14	2124350041	Lê Thị Ngọc Hân	30/04/2006	CCQ2435A		<i>(Signature)</i>	8,5	8,5	8,5
15	2124350020	Tổng Thị Hằng	16/02/2006	CCQ2435A		<i>(Signature)</i>	7,7	8,0	7,9
16	2124350076	Võ Ngọc Thảo Hiền	12/03/2006	CCQ2435B		<i>(Signature)</i>	3,0	7,8	5,9
17	2124350033	Phạm Thị Hồng Hiếu	25/10/2006	CCQ2435A		<i>(Signature)</i>	10,0	8,5	9,1
18	2124350040	Nguyễn Thị Tuyết Hoa	10/11/2006	CCQ2435A		<i>(Signature)</i>	8,5	8,5	8,5
19	2124350014	Lăng Thanh Hoá	29/09/2005	CCQ2435A			/	/	0,0
20	2124350025	Hà Thị Mỹ Hương	24/12/2006	CCQ2435A		<i>(Signature)</i>	8,3	7,0	7,5
21	2124350036	Huỳnh Thị Thu Hường	04/04/2006	CCQ2435A		<i>(Signature)</i>	8,8	7,8	8,2
22	2124350063	Lê Đình Quang Huy	26/05/2006	CCQ2435B		<i>(Signature)</i>	5,3	7,5	6,6
23	2124350071	Huỳnh Duy Kha	07/04/2006	CCQ2435B		<i>(Signature)</i>	9,8	8,8	9,2
24	2124350047	Nguyễn Văn Khang	03/07/2005	CCQ2435B		<i>(Signature)</i>	8,5	8,5	8,5
25	2124350044	Nguyễn Quốc Khánh	02/09/2006	CCQ2435A		<i>(Signature)</i>	9,3	8,0	8,5
26	2124350074	Trần Quốc Khánh	19/07/2006	CCQ2435B		<i>(Signature)</i>	6,5	7,8	7,3
27	2124350016	Nguyễn Ngọc Anh Khoa	01/12/2006	CCQ2435A		<i>(Signature)</i>	9,5	8,0	8,6
28	2124350027	Lê Anh Kiệt	24/10/2006	CCQ2435A		<i>(Signature)</i>	8,3	8,5	8,4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204264] - Kỹ năng mềm
(CCQ2435A)

CBGD: Đào Thị Diệu (220014)

Số SV có mặt: 50
Số bài thi: 50
Số tờ giấy thi: 50

[Signature]
Đào Thị Diệu

[Signature]
Đào Thị Diệu

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2124350031	Lê Tuấn	Kiệt	29/09/2005	CCQ2435A		<i>[Signature]</i>	6,0	8,5	7,5
30	2124350057	Nguyễn Ngọc Bảo	Lam	20/11/2006	CCQ2435B			/	/	0,0
31	2124350077	Lưu Quyền	Linh	10/07/2006	CCQ2435B		<i>[Signature]</i>	9,2	8,0	8,5
32	2124350067	Nguyễn Phi	Long	25/08/2006	CCQ2435B		<i>[Signature]</i>	7,6	7,8	7,7
33	2124350061	Trần Tiến	Mạnh	18/06/2006	CCQ2435B		<i>[Signature]</i>	8,8	8,0	8,3
34	2124350060	Phạm Thị Ngọc	My	11/03/2004	CCQ2435B		<i>[Signature]</i>	7,9	8,2	8,1
35	2124350051	Trần Thị Thu	Ngân	31/10/2006	CCQ2435B		<i>[Signature]</i>	3,0	8,0	6,0
36	2124350034	Phạm Quang	Nghĩa	14/09/2006	CCQ2435A		<i>[Signature]</i>	7,8	8,0	7,9
37	2124350053	Nguyễn Công Thế	Nguyên	03/05/2006	CCQ2435B			/	/	0,0
38	2124350049	Lê Mỹ	Nhân	13/04/2005	CCQ2435B		<i>[Signature]</i>	8,5	8,0	8,2
39	2124350064	Lưu Nguyễn Minh	Nhật	21/04/2006	CCQ2435B		<i>[Signature]</i>	9,1	8,5	8,7
40	2124350048	Trần Tiến	Phát	15/06/2005	CCQ2435B		<i>[Signature]</i>	9,2	7,8	8,4
41	2124350037	Huỳnh Quang	Phúc	10/07/2006	CCQ2435A		<i>[Signature]</i>	6,0	7,0	6,6
42	2124350043	Lê Tài	Phúc	08/09/2004	CCQ2435A			/	/	/
43	2124350024	Ịp Quý	Phụng	16/05/2006	CCQ2435A		<i>[Signature]</i>	10,0	7,6	8,6
44	2124350003	Cáp Minh	Quân	23/05/2006	CCQ2435A		<i>[Signature]</i>	8,8	7,8	8,2
45	2124350122	Hà Văn	Tâm	13/12/2002	CCQ2435A			/	/	/
46	2124350028	Trương Thoại Phương	Thanh	09/09/2006	CCQ2435A			/	/	/
47	2124350119	Trần Ngọc Phương	Thảo	26/08/2006	CCQ2435A			/	/	/
48	2124350042	Huỳnh Gia	Thiều	31/03/2006	CCQ2435A		<i>[Signature]</i>	8,5	8,0	8,2
49	2124350021	Phạm Hữu	Thừa	23/11/2006	CCQ2435A		<i>[Signature]</i>	9,0	8,0	8,4
50	2124350026	Lê Thanh	Tín	13/10/2006	CCQ2435A		<i>[Signature]</i>	8,0	8,0	8,0
51	2124350030	Phạm Thị Yến	Trang	07/05/2006	CCQ2435A		<i>[Signature]</i>	7,8	8,0	7,9
52	2124350017	Nguyễn Thị Thảo	Tranh	16/08/2006	CCQ2435A		<i>[Signature]</i>	7,8	8,5	8,2
53	2124350019	Trần Nhật	Trí	09/04/2006	CCQ2435A			/	/	/
54	2124350022	Phan Thị Kiều	Trình	12/10/2006	CCQ2435A		<i>[Signature]</i>	8,0	8,0	8,0
55	2124350045	Hà Viết	Trung	18/08/2006	CCQ2435A		<i>[Signature]</i>	7,3	8,0	7,7
56	2124350018	Nguyễn Viết Đan	Trường	14/11/2006	CCQ2435A		<i>[Signature]</i>	7,5	8,0	7,8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

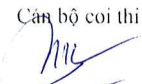
Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

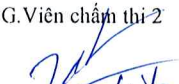
Môn học : [22204264] - Kỹ năng mềm
(CCQ2435A)

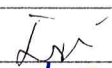
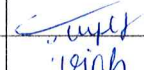
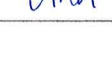
CBGD: Đào Thị Diệu (220014)

Số SV có mặt: 50
Số bài thi: 50
Số tờ giấy thi: 50


Đ. T. Diệu


Đào Thị Diệu


T. T. Vinh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
57	2124350038	Trần Vương Khai	Tú	07/04/2006	CCQ2435A			8,8	7,8	8,0
58	2124350029	Nguyễn Trọng Khánh	Tuyền	07/05/2006	CCQ2435A			7,8	8,0	7,9
59	2124350035	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	12/07/2006	CCQ2435A			5,8	8,0	7,1
60	2124350032	Hồ Ngọc	Vinh	05/11/2006	CCQ2435A			7,0	7,5	7,3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

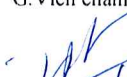
Môn học : [22204266] - Kỹ năng mềm
(CCQ2435C)

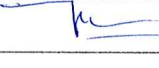
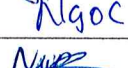
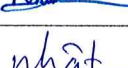
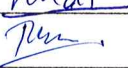
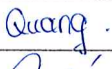
CBGD: Đào Thị Diệu (220014)

Số SV có mặt: 38.
Số bài thi:38.
Số tờ giấy thi: ...38.


Đào Thị Diệu


Đào Thị Diệu


Tg. Thinh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2124350081	Lê Dương Duy	An	18/01/2006	CCQ2435C			3,0	7,0	5,4
2	2124350084	Lưu Nguyễn Phúc	Đạt	05/02/2006	CCQ2435C					
3	2124350083	Trần Nguyễn Phương	Duy	04/09/2006	CCQ2435C			0,0	6,5	3,9
4	2124350088	Võ Thanh	Duy	05/06/2006	CCQ2435C			8,0	7,5	7,7
5	2124350108	Nguyễn Văn	Hào	05/10/2006	CCQ2435C			8,8	7,8	8,2
6	2124350103	Nguyễn Tấn	Hiên	18/11/2006	CCQ2435C			9,3	7,5	8,2
7	2124350104	Trần Thị Mai	Hoa	14/08/2006	CCQ2435C			10,0	8,8	9,3
8	2124110143	Lê Ngọc	Huy	12/11/2006	CCQ2435C					
9	2124350102	Lê Tuấn	Huy	09/12/2005	CCQ2435C			3,3	8,0	6,1
10	2124350086	Nguyễn Ngọc	Khang	08/02/2006	CCQ2435C			7,6	8,5	8,1
11	2124350097	Nguyễn Như	Khang	24/10/2006	CCQ2435C			7,0	8,5	7,9
12	2124350100	Nguyễn Trần Anh	Kiệt	06/10/2006	CCQ2435C					
13	2124350091	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	26/10/2006	CCQ2435C			9,8	8,8	9,2
14	2124350082	Lê Thị Huỳnh	Liên	15/01/2005	CCQ2435C			9,0	8,8	8,9
15	2124350106	Lê Nhật	Long	30/06/2004	CCQ2435C			3,5	8,0	6,2
16	2124350101	Nguyễn Hoài Phương	Nam	02/09/2006	CCQ2435C					
17	2124350090	Nguyễn Hữu	Nghĩa	25/09/2005	CCQ2435C			9,3	8,8	9,0
18	2124350094	Đàm Thị Minh	Ngọc	27/12/2006	CCQ2435C			9,3	8,8	9,0
19	2124350095	Lê Kim	Ngọc	01/01/2006	CCQ2435C			9,0	8,5	8,7
20	2124350096	Nguyễn Sơn	Nguyễn	17/05/2006	CCQ2435C			7,3	8,5	8,0
21	2124350113	Trang Minh	Nhật	01/02/2006	CCQ2435C			4,5	8,3	6,8
22	2124350118	Trương Lưu Hữu	Phiên	30/06/2005	CCQ2435C			9,6	9,0	9,2
23	2124350099	Trần Cao	Phúc	05/01/2006	CCQ2435C					
24	2124350111	Diệp Bảo Anh	Quân	19/08/2006	CCQ2435C			7,0	8,0	7,6
25	2124350121	Nguyễn Đăng	Quang	23/10/2004	CCQ2435C			9,3	8,5	8,8
26	2124350054	Nguyễn Anh	Quốc	09/01/2006	CCQ2435B			8,5	8,5	8,5
27	2124350114	Đỗ Nguyễn Hoàng	Sang	16/02/2005	CCQ2435C					
28	2124350109	Phan Lê Công	Thanh	19/05/2006	CCQ2435C			3,0	8,0	6,0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viễn chấm thi 1 G.Viễn chấm thi 2

Môn học : [22204266] - Kỹ năng mềm
(CCQ2435C)
CBGD: Đào Thị Diệu (220014)

Số SV có mặt: 38
Số bài thi: 38
Số tờ giấy thi: 38

Đào Thị Diệu
Đào Thị Diệu
Tạ T. Vĩnh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
29	2124350098	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	11/05/2006	CCQ2435C			7,7	8,5	8,2
30	2124350056	Phan Thị Thanh	Thảo	18/08/2006	CCQ2435B			4,3	8,5	6,8
31	2124350085	Bùi Trường	Thọ	16/10/2005	CCQ2435C			8,3	8,7	8,5
32	2124350075	Hoàng Thanh	Thỏa	24/06/2006	CCQ2435B			9,5	8,0	8,6
33	2124350079	Lê Thanh	Thư	15/10/2006	CCQ2435B			9,5	9,0	9,2
34	2124350072	Trần Thị Thùy	Tiên	16/10/2002	CCQ2435B			9,9	8,7	9,2
35	2124350093	Trần Lý Nhật	Tiến	16/07/2006	CCQ2435C			10,0	8,0	8,8
36	2124350059	Trần Minh	Tiến	30/01/2006	CCQ2435B					
37	2124350112	Hồ Nguyễn Quỳnh	Trâm	01/01/2006	CCQ2435C					
38	2124350068	Trần Lê Minh	Triết	21/08/2006	CCQ2435B			10,0	8,1	8,9
39	2124350087	Nguyễn Võ Ngọc	Trinh	16/09/2005	CCQ2435C			10,0	7,0	8,2
40	2124350089	Bùi Văn	Trọng	22/07/2006	CCQ2435C			9,5	6,0	7,4
41	2124350107	Ngô Quang Thiên	Trụ	12/10/2005	CCQ2435C			8,3	7,0	7,5
42	2124350055	Nguyễn Thanh	Trực	25/05/2006	CCQ2435B			8,0	6,5	7,1
43	2124350070	Nông Quốc	Tuấn	14/02/2006	CCQ2435B			3,0	7,8	5,9
44	2124350105	Phan Châu	Tuyên	02/03/2006	CCQ2435C					
45	2124350065	Ngô Thanh	Vân	06/06/2006	CCQ2435B			8,5	8,0	8,2
46	2124350046	Nguyễn Quốc	Việt	21/11/2006	CCQ2435B			7,0	7,0	7,0
47	2124350110	Trương Hoàng Phương	Vy	06/05/2006	CCQ2435C			7,5	6,5	6,9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204267] - Kỹ năng mềm
(CCQ2433A)

CBGD: Nguyễn Thiên Thanh (220015)

Số SV có mặt: 38
Số bài thi: 38
Số tờ giấy thi: 38

Nguyễn Thiên Thanh

Nguyễn Thiên Thanh
Lê Thị Thanh Hà

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2124330023	Trương Thụ An	01/04/2006	CCQ2433A					
2	2124330043	Nguyễn Hải Bằng	14/04/2006	CCQ2433B	1	Bằng	6	7	6.6
3	2124330012	Dương Hữu Bảo	22/09/2004	CCQ2433A	1	Bao	8.5	8.5	8.5
4	2124330016	Trần Phước Bảo	06/09/2006	CCQ2433A					
5	2124330024	Lê Hữu Chiến	15/09/2006	CCQ2433A					
6	2124330070	Trần Văn Công	28/04/2006	CCQ2433B	1	Công	8	8	8
7	2124330060	Nguyễn Chí Đạt	08/02/2005	CCQ2433B	1	Dat	7.5	8	7.8
8	2124330059	Phạm Anh Đạt	08/05/2006	CCQ2433B	1	Dat	8	8	8
9	2124330062	Võ Đăng Thành Đạt	08/03/2002	CCQ2433B	1	Tue	8	8	8
10	2124330029	Phan Thành Diên	20/09/2006	CCQ2433A					
11	2124330013	Nguyễn Phúc Dinh	12/03/2006	CCQ2433A					
12	2124330039	Nguyễn Duy Đức	19/09/2004	CCQ2433A	1	Du	7	8	7.6
13	2124330096	Tô Tiến Dũng	25/09/2005	CCQ2433A					
14	2124330031	Phạm Hùng Khánh Duy	26/05/2006	CCQ2433A	1	Duy	5	6	5.6
15	2124330021	Phạm Khánh Duy	09/03/2006	CCQ2433A					
16	2124330053	Võ Nhật Quang Hải	24/01/2006	CCQ2433B	1	Hai	9	9	9
17	2124330018	Phạm Thế Hào	07/07/2006	CCQ2433A	1	Hao	3	6	3.6
18	2124330045	Võ Minh Hiền	23/06/2006	CCQ2433B	1	Hien	6	7	6.6
19	2124330038	Lê Văn Hiếu	11/09/2005	CCQ2433A	1	Hieu	6	7	6.6
20	2124330040	Nguyễn Quang Hiếu	08/12/2006	CCQ2433A	1	Hieu	8	8	8
21	2124330046	Phạm Ngọc Hóa	24/04/2003	CCQ2433B	1	Hoa	7.5	8	7.8
22	2124330102	Lê Việt Hoàng	10/03/2006	CCQ2433B	1	Hoang	5.5	6.5	6.1
23	2124330020	Khổng Vũ Tiến Hưng	27/11/2005	CCQ2433A	1	Hung	6	7	6.6
24	2124330049	Chu Gia Huy	25/01/2006	CCQ2433B	1	Huy	6.5	7.5	7.1
25	2124330035	Lê Quốc Huy	29/06/2006	CCQ2433A	1	Hu	7	8	7.6
26	2124330071	Nguyễn Văn Gia Huy	18/12/2006	CCQ2433B	1	Huy	7	8	7.6
27	2124330048	Trương Đan Huy	06/11/2005	CCQ2433B	1	Huy	6	7	6.6
28	2124330072	Đỗ Hoàng Khánh	26/04/2005	CCQ2433B	1	Khau	7.5	8.5	8.1

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204267] - Kỹ năng mềm
(CCQ2433A)

CBGD: Nguyễn Thiên Thanh (220015)

Số SV có mặt: 38

Số bài thi: 38

Số tờ giấy thi: 38

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
29	2124330027	Nguyễn Văn	Khánh	12/12/2005	CCQ2433A	1	Khánh	7.5	8.5	8.1
30	2124330067	Ngô Võ Xuân	Khôi	19/06/2006	CCQ2433B	1	Khôi	8.5	8.5	8.5
31	2124330044	Phan Huỳnh Lý	Kiệt	01/12/2006	CCQ2433B					
32	2124330025	Đào Tiến	Lâm	08/07/2005	CCQ2433A	1	Lâm	7	7.5	7.3
33	2124330022	Lê Quốc	Long	03/01/2006	CCQ2433A	1	Long	7	7.5	7.3
34	2124330042	Trần Hoài	Nam	08/04/2006	CCQ2433A	1	Nam	7	7.5	7.3
35	2124330026	Hồ Văn	Ninh	26/03/2006	CCQ2433A	1	Ninh	6	7	6.6
36	2124330037	Nguyễn Tấn	Phong	01/02/2006	CCQ2433A	1	Phong	8.5	8.5	8.5
37	2124330014	Hồ Minh	Phú	14/02/2006	CCQ2433A					
38	2124330080	Nông Hồng	Phước	05/09/2006	CCQ2433A					
39	2124330028	Nguyễn Thanh	Quý	05/02/2006	CCQ2433A	1	Quý	6	7	6.6
40	2124330036	Huỳnh Nguyễn Hữu	Quý	16/06/2005	CCQ2433A	1	Quý	7.5	8.5	8.1
41	2124330017	Nguyễn Quang	Quyền	19/12/2006	CCQ2433A	1	Quyền	5.5	6.5	6.1
42	2124330033	Lê Hoàng	Thắng	10/09/2006	CCQ2433A	1	Thắng	7	8	7.6
43	2124330011	Nguyễn Văn	Thành	11/03/2004	CCQ2433A	1	Thành	6	7	6.6
44	2124330015	Nguyễn Hoàng	Thống	18/02/2006	CCQ2433A	1	Thống	6	7	6.6
45	2124330010	Nguyễn Thành	Toàn	10/11/2006	CCQ2433A	1	Toàn	7	8	7.6
46	2124330041	Nguyễn Xuân	Trương	08/09/2006	CCQ2433A	1	Trương	7.5	8.5	8.1
47	2124330030	Châu Đạo Thiên	Tứ	07/06/2006	CCQ2433A	1	Tứ	8	8.5	8.3
48	2124330001	Khổng Bảo	Tuấn	16/02/1999	CCQ2433A	1	Tuấn	9	9	9
49	2124330007	Nguyễn Mạnh	Tuấn	02/01/2004	CCQ2433A					

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204269] - Kỹ năng mềm
(CCQ2433C)

CBGD: Đào Thị Diệu (220014)

Số SV có mặt: 35

Số bài thi: 35

Số tờ giấy thi: 25

Đào Thị Diệu

Đào Thị Diệu

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2124330089	Hán Vương Quốc	Anh	25/06/2006	CCQ2433C		Anh	8,0	7,0	7,4
2	2124330091	Lê Tài	Anh	27/12/2005	CCQ2433C		Tài	8,0	7,0	7,4
3	2124330103	Phạm Hồng	Anh	17/12/2006	CCQ2433C		Anh	7,3	7,0	7,1
4	2124330079	Trần Khánh	Duy	26/08/2005	CCQ2433C			/	/	
5	2124330090	Bùi Trường	Giang	17/02/2006	CCQ2433C		Trường	7,5	7,0	7,2
6	2124330106	Nguyễn Nhật	Hào	26/04/2003	CCQ2433C			/	/	
7	2124330110	Vũ Văn	Hợp	09/10/1999	CCQ2433C		Hợp	10,0	10,0	10,0
8	2124330086	Vũ Văn	Huy	09/05/2006	CCQ2433C		Huy	8,9	8,5	8,7
9	2124330107	Nguyễn Hữu Quốc	Luân	09/09/2006	CCQ2433C		Quốc	9,2	8,5	8,8
10	2124330105	Cao Quốc	Minh	22/09/2006	CCQ2433C		Quốc	6,0	8,0	7,2
11	2124330101	Nguyễn Bình	Minh	28/01/2006	CCQ2433C			/	/	
12	2124330099	Patâuxá	Minh	01/10/2005	CCQ2433C		Minh	10,0	8,0	8,8
13	2124330098	Hoàng Nhật	Nam	17/04/2006	CCQ2433C			/	/	
14	2124330050	Cao Hữu Gia	Nghĩa	11/04/2006	CCQ2433B		Gia	8,0	8,5	8,3
15	2124330068	Huỳnh Văn	Nguyên	11/09/2006	CCQ2433B		Văn	7,9	8,0	8,0
16	2124330087	Trương Văn	Nhiều	16/10/2005	CCQ2433C		Nhiều	7,5	8,2	7,9
17	2124330082	Trần Văn	Pháp	25/01/2006	CCQ2433C		Pháp	9,0	8,0	8,4
18	2124330047	Nguyễn Văn	Phát	30/04/2006	CCQ2433B		Phát	4,3	7,8	6,4
19	2124330063	Nguyễn Hoàng	Phú	29/01/2006	CCQ2433B		Phú	8,8	8,8	8,8
20	2124330095	Nguyễn Hồng	Phúc	04/07/2006	CCQ2433C		Hồng	9,3	7,5	8,2
21	2124330084	Nguyễn Quang	Quân	04/12/2006	CCQ2433C		Quang	9,4	7,5	8,3
22	2124330081	Nguyễn Hải	Quốc	15/10/2006	CCQ2433C		Quốc	6,5	7,0	6,8
23	2124330108	Lê Tứ	Quý	15/10/2003	CCQ2433C		Tứ	7,8	7,5	7,6
24	2124330088	Trần Văn	Quý	02/08/2006	CCQ2433C		Văn	5,0	7,8	6,7
25	2124330104	Nguyễn Duy	Sang	15/09/2006	CCQ2433C			/	/	
26	2124330097	Thái Trường	Sơn	02/11/2006	CCQ2433B		Sơn	8,9	8,0	8,4
27	2124330076	Đạo Hoàng Thanh	Thăng	22/10/2006	CCQ2433B			/	/	
28	2124330057	Nguyễn Mạnh	Thắng	03/04/2006	CCQ2433B		Mạnh	8,3	8,5	8,4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204269] - Kỹ năng mềm
(CCQ2433C)

CBGD: Đào Thị Diệu (220014)

Số SV có mặt: 35

Số bài thi: 35

Số tờ giấy thi: 35

Đào Thị Diệu

Đào Thị Diệu

Tạ P. Vinh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2124330052	Phan Văn	Thắng	25/11/2005	CCQ2433B		Thắng	5,3	8,0	6,9
30	2124330085	Phú Hữu	Thắng	01/01/2006	CCQ2433C			/	/	
31	2124330061	Nguyễn Phạm	Thanh	25/10/2006	CCQ2433B		Thanh	9,8	8,8	9,2
32	2124330066	Vũ Xuân	Thành	07/07/2006	CCQ2433B		Thành	8,0	8,2	8,1
33	2124330054	Nguyễn Văn	Thành	31/07/2006	CCQ2433B		Thành	8,9	8,2	8,5
34	2124330073	Đặng Đức	Tiến	25/03/2006	CCQ2433B		Tiến	10,0	9,6	9,8
35	2124330074	Nguyễn Huỳnh Trung	Tín	18/09/2006	CCQ2433B		Tín	8,0	8,0	8,0
36	2124330094	Phan Thanh	Tín	02/03/2005	CCQ2433C			/	/	
37	2124330092	Phạm Minh	Trí	25/06/2006	CCQ2433C		Trí	9,5	8,8	9,1
38	2124330075	Phan Chí	Trí	10/03/2006	CCQ2433B			/	/	
39	2124330065	Nguyễn Đức	Trọng	05/08/2006	CCQ2433B		Trọng	7,5	7,5	7,5
40	2124330064	Nguyễn Viết	Trọng	02/07/2006	CCQ2433B		Trọng	8,5	7,5	7,9
41	2124330093	Phan Đình	Trường	16/04/2006	CCQ2433C		Trường	7,0	7,0	7,0
42	2124330055	Nguyễn Nhật	Tuấn	01/10/2005	CCQ2433B			/	/	
43	2124330083	Huỳnh Văn	Vinh	08/03/2006	CCQ2433C		Vinh	6,1	7,5	6,9
44	2124330077	Lê Anh	Vũ	19/08/2006	CCQ2433B		Vũ	8,5	8,5	8,5
45	2124330100	Mai Hoàng	Vũ	07/11/2006	CCQ2433C		Vũ	7,8	7,0	7,3
46	2124330069	Lê Văn	Vỹ	16/01/2006	CCQ2433B			/	/	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22203902] - Kỹ năng mềm 1
(CCQ2305A)

CBGD: Lê Thị Thanh Hà (220008)

Số SV có mặt: 45+3
Số bài thi: 45+3
Số tờ giấy thi: 45+3
Chanh
Nguyễn Thị Thanh
Lê Thị Thanh Hà

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122240171	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	07/11/2003	CCQ2224F		<i>[Signature]</i>	10.0	8.9	9.3
2	2123050046	Nguyễn Văn	Bắc	15/02/2005	CCQ2305A		<i>[Signature]</i>	8.4	7.7	8.0
3	2122050149	Nguyễn Văn	Bảo	24/10/2004	CCQ2205D		<i>[Signature]</i>	8.4	7.3	7.7
4	2123050061	Huỳnh Dương	Bình	08/04/2004	CCQ2305B		<i>[Signature]</i>	7.6	7.4	7.5
5	2123050232	Mai Thái	Bình	02/10/2005	CCQ2305B					
6	2123050060	Lê Văn	Cang	19/08/2005	CCQ2305B		<i>[Signature]</i>	9.2	7.8	8.3
7	2123050044	Lê Thế	Chung	07/08/2005	CCQ2305A					
8	2123050188	Châu Du	Dân	18/05/2005	CCQ2305A		<i>[Signature]</i>	6.4	6.5	6.5
9	2123050054	Nguyễn Lộc Ngọc	Đăng	24/07/2005	CCQ2305B		<i>[Signature]</i>	7.6	6.0	6.7
10	2123050084	Lê Văn	Danh	10/11/1997	CCQ2305B		<i>[Signature]</i>	7.2	6.5	6.8
11	2122240004	Nguyễn Tấn	Đạt	27/08/2000	CCQ2224A		<i>[Signature]</i>	10.0	6.5	7.9
12	2123050072	Võ Quang	Đạt	01/11/2005	CCQ2305B		<i>[Signature]</i>	10.0	6.5	7.9
13	2123110121	Nguyễn Thanh	Đông	16/07/2005	CCQ2305E		<i>[Signature]</i>	6.4	6.5	6.5
14	2123050205	Đỗ Thế	Đức	24/09/2005	CCQ2305E		<i>[Signature]</i>	6.4	6.5	6.5
15	2123050220	Võ Trương	Đức	19/05/2005	CCQ2305E		<i>[Signature]</i>	9.0	6.5	7.5
16	2123050196	Hán Tấn	Duy	26/03/2005	CCQ2305E		<i>[Signature]</i>	10.0	6.5	7.9
17	2123050036	Nguyễn Quốc	Duy	11/02/2005	CCQ2305A		<i>[Signature]</i>	8.4	6.5	7.3
18	2123050019	Ngụy Thành	Giăng	01/05/2005	CCQ2305A		<i>[Signature]</i>	8.4	6.5	7.3
19	2123050058	Bùi Minh	Hải	07/10/2005	CCQ2305B		<i>[Signature]</i>	7.6	7.3	7.4
20	2123050202	Mai Nhật	Hào	23/11/2004	CCQ2305E		<i>[Signature]</i>	8.4	7.3	7.7
21	2123050212	Phạm Trần Gia	Hào	09/08/2002	CCQ2305A					
22	2123110113	Triệu Trung	Hiếu	04/05/2005	CCQ2305A		<i>[Signature]</i>	8.4	7.3	7.7
23	2123050008	Nguyễn Thái	Hòa	02/06/2005	CCQ2305A		<i>[Signature]</i>	8.4	7.3	7.7
24	2123050082	Phan Hữu	Hội	21/09/2005	CCQ2305B		<i>[Signature]</i>	7.6	7.3	7.4
25	2123050010	Nguyễn Thế	Hùng	24/04/2004	CCQ2305A					
26	2123050057	Trần Phúc	Hưng	18/08/2005	CCQ2305B		<i>[Signature]</i>	10.0	7.3	8.4
27	2123050011	Huỳnh Tường	Huy	11/10/2005	CCQ2305A		<i>[Signature]</i>	8.4	7.3	7.7
28	2123050004	Nguyễn Quốc Hoàng	Huy	15/09/2005	CCQ2305A		<i>[Signature]</i>	10.0	8.4	9.0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22203902] - Kỹ năng mềm 1
(CCQ2305A)
CBGD: Lê Thị Thanh Hà (220008)

Số SV có mặt: 48 + 3
Số bài thi: 45 + 3
Số tờ giấy thi: 45 + 3
Chữ ký: *Chanh*
Lê T. Thanh Hà

Chanh
Nguyễn Đình Khoa
Lê T. Thanh Hà

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2123050228	Phạm Quang	Huy	08/06/2005	CCQ2305E		<i>Huy</i>	7.6	7.9	7.8
30	2123050074	Nguyễn Văn	Kha	13/07/2004	CCQ2305B		<i>Kha</i>	6.4	7.9	7.3
31	2123050178	Trần Duy	Khang	20/08/2004	CCQ2305A		<i>Duy</i>	6.4	5.0	5.6
32	2122030015	Lê Văn	Khánh	02/01/2003	CCQ2203A		<i>Khánh</i>	8.4	7.9	8.1
33	2123050077	Đỗ Minh	Khoa	15/01/2005	CCQ2305B		<i>Minh</i>	8.4	7.9	8.1
34	2123050199	Sử Ngọc	Khoa	21/06/2005	CCQ2305E		<i>Ngọc</i>	8.4	7.9	8.1
35	2122050086	Trần Đăng	Khoa	01/01/2004	CCQ2205C		<i>Đăng</i>	9.2	7.9	8.4
36	2123050219	Phan Trọng	Khôi	04/07/2005	CCQ2305E					
37	2123050015	Đỗ Tuấn	Kiệt	20/04/2005	CCQ2305A		<i>Tuấn</i>	10.0	7.6	8.6
38	2123050198	Phạm Thanh	Liên	23/08/2004	CCQ2305E					
39	2123050209	Hoàng Đăng	Luật	26/09/1996	CCQ2305E		<i>Đăng</i>	8.4	7.6	7.9
40	2123050020	Đạt Ngọc	Lý	15/05/2005	CCQ2305A		<i>Đạt</i>	8.4	7.6	7.9
41	2123050007	Vũ Văn	Mạnh	25/09/2005	CCQ2305A		<i>Mạnh</i>	10.0	7.6	8.6
42	2123050234	Lương Thanh	Nờ	01/12/2005	CCQ2305E					
43	2123050213	Trần Huy	Phú	02/02/2003	CCQ2305A					
44	2123050226	Lê Văn	Phụng	25/11/2003	CCQ2305E					
45	2123050227	Báo Tuấn	Phương	25/10/2005	CCQ2305E		<i>Tuấn</i>	7.6	8.5	8.1
46	2123050032	Phạm Minh	Quý	03/03/2004	CCQ2305A		<i>Minh</i>	8.4	8.5	8.5
47	2123050009	Nguyễn Thái	Sơn	02/06/2005	CCQ2305A		<i>Sơn</i>	8.4	8.5	8.5
48	2123050230	Trịnh Công	Sơn	11/10/2005	CCQ2305E					
49	2123050045	Hồ Thanh	Tấn	10/08/2005	CCQ2305A		<i>Tấn</i>	6.4	8.5	7.7
50	2123050195	Vũ Tiến	Thanh	30/09/2005	CCQ2305E		<i>Tiến</i>	10.0	8.5	9.1
51	2123050233	Nguyễn Tấn	Thành	04/07/2005	CCQ2305A		<i>Tấn</i>	8.6	8.5	8.5
52	2123050223	Trần Nhật	Thịnh	15/02/2005	CCQ2305E					
53	2123050207	Nguyễn Phước	Tiến	20/01/2002	CCQ2305E		<i>Phước</i>	10.0	9.0	9.9
54	2123050047	Nguyễn	Toàn	21/04/2005	CCQ2305A		<i>Toàn</i>	8.4	7.9	8.1
55	2123050042	Nguyễn Văn	Trí	24/08/2005	CCQ2305A		<i>Trí</i>	9.2	7.9	8.4
56	2123050030	Trần Hưng	Trung	23/07/2005	CCQ2305A		<i>Hưng</i>	8.4	7.9	8.1

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22203902] - Kỹ năng mềm 1
(CCQ2305A)
CBGD: Lê Thị Thanh Hà (220008)

Số SV có mặt: 48
Số bài thi: 48
Số tờ giấy thi: 48

Thanh
Lê Thị Thanh Hà
Thanh
Lê Thị Thanh Hà
Nguyễn Thị Thanh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
57	2123050231	Đổng Văn	Trưởng	06/01/2005	CCQ2305E					
58	2123050029	Kiều Đan	Trưởng	18/06/2005	CCQ2305A		<i>[Signature]</i>	7.6	7.9	7.8
59	2123050005	Nguyễn Huy	Tú	31/08/2005	CCQ2305A		<i>[Signature]</i>	9.2	7.9	8.4
60	2123050027	Nguyễn Triệu	Vỹ	28/11/2005	CCQ2305A		<i>[Signature]</i>	9.2	7.9	8.4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22203903] - Kỹ năng mềm 1
(CCQ2318A)

CBGD: Lê Thị Thanh Hà (220008)

Số SV có mặt: 49/54

Số bài thi: 49/54

Số tờ giấy thi: 49/54

Chanh

Chanh

Nguyễn Thúc Thanh

Lê Thị Thanh Hà

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123180057	Đặng Quốc	Bảo	16/06/2005	CCQ2318B		Bảo	6.8	7.5	7.2
2	2123180069	Huỳnh Công	Bảo	03/12/2005	CCQ2318B		Bảo	8.0	7.5	7.7
3	2123180029	Phạm Đức	Bảo	13/06/2005	CCQ2318A		Đức	8.6	7.5	7.9
4	2123180011	Trần Tấn	Bảo	02/04/2005	CCQ2318A		Tấn	6.4	7.5	7.0
5	2123180035	Trần Tiến	Bình	21/09/2005	CCQ2318A		Tiến	6.4	7.5	7.0
6	2123180003	Trương Văn	Bon	23/07/2005	CCQ2318A		Bon	8.8	7.5	8.0
7	2123180012	Nguyễn Đức	Cảnh	11/07/2005	CCQ2318A		Đức	10.0	8.0	8.8
8	2123180010	Võ Hoàng	Chánh	28/10/1995	CCQ2318A		Chánh	8.0	7.5	7.7
9	2123050216	Nại Hoàng	Chương	11/02/2004	CCQ2305E		Chun	10.0	7.5	8.5
10	2122050117	Nguyễn Văn	Chương	16/12/2004	CCQ2205D		Chương	9.4	7.3	8.1
11	2123180041	Võ Văn	Đại	09/08/2005	CCQ2318B					
12	2123180067	Nguyễn Văn	Danh	26/03/2005	CCQ2318B		Danh	10.0	7.3	8.4
13	2122110570	Nguyễn Phát	Đạt	08/03/2004	CCQ2211N		Đạt	8.8	7.3	7.9
14	2123180043	Phan Văn	Định	31/12/2005	CCQ2318B		Định	8.6	7.3	7.8
15	2123180061	Lương Duy	Đoan	06/03/2005	CCQ2318B		Đoan	9.6	7.3	8.2
16	2123180050	Nguyễn Quang	Đông	23/11/2005	CCQ2318B		Đông	8.0	7.3	7.6
17	2123180039	Huỳnh Thái	Dương	10/01/2005	CCQ2318B		Thái	10.0	7.3	8.4
18	2123180124	Lê Quang	Duy	15/12/2005	CCQ2318A		Quang	8.4	7.3	7.7
19	2123180027	Lê Văn	Hạ	17/07/2005	CCQ2318A		Hạ	8.6	7.8	8.1
20	2122110473	Hồ Ngọc	Hải	20/12/2004	CCQ2211L		Ngọc	9.6	7.8	8.5
21	2122070013	Phạm Ngọc	Hải	22/03/2004	CCQ2207A					
22	2122120127	Đỗ Minh	Hậu	20/09/2004	CCQ2212D		Hậu	8.6	7.8	8.1
23	2123180005	Đoàn Công	Hiền	02/08/2005	CCQ2318A		Hiền	8.8	7.8	8.2
24	2123180024	Phạm Xuân	Hiệp	25/05/2005	CCQ2318A					
25	2123180018	Trần Quốc	Hưng	15/07/2004	CCQ2318A					
26	2122120370	Trịnh Thị	Hường	21/01/2004	CCQ2212K		Hường	9.6	7.8	8.5
27	2122060057	Nguyễn Nhất	Huy	06/03/2004	CCQ2206B		Nhất	8.4	7.8	8.0
28	2123180036	Hồ Vĩnh	Khang	26/10/2005	CCQ2318B		Vĩnh	8.6	7.5	7.9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22203903] - Kỹ năng mềm 1
(CCQ2318A)
CBGD: Lê Thị Thanh Hà (220008)

Số SV có mặt: 52
Số bài thi: 52
Số tờ giấy thi: 52

Thanh Hà
Lê Thị Thanh Hà

Thanh Hà
Lê Thị Thanh Hà
Nguyễn Thị Thanh Hà

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2123180017	Đặng Duy	Khánh	26/03/2005	CCQ2318A			6.8	7.5	7.2
30	2123180016	Nguyễn Đỗ Anh	Khoa	31/03/2005	CCQ2318A			7.4	7.5	7.5
31	2123180022	Hồ Trọng	Kiên	09/11/2005	CCQ2318A			8.2	7.5	7.8
32	2123180051	Trương Gia	Kiệt	10/01/2001	CCQ2318B			8.0	7.5	7.7
33	2123180068	Lê Văn	Lương	20/03/2005	CCQ2318B			10.0	8.0	8.8
34	2122110583	Phan Vũ Bảo	Minh	16/03/2004	CCQ2211N			8.8	7.5	8.0
35	2123180129	Dương Nhật	Nguyên	15/09/2004	CCQ2318A			8.0	7.5	7.7
36	2122260029	Hồ Minh	Phát	21/12/2003	CCQ2226A			7.8	7.5	7.6
37	2123180056	Trần Ngọc	Phong	08/08/2005	CCQ2318B			9.4	8.6	8.9
38	2123180032	Nguyễn Huỳnh Anh	Phú	07/08/2005	CCQ2318A			8.6	8.6	8.6
39	2123180122	Nguyễn Tấn	Phú	07/01/2005	CCQ2318A			8.8	8.6	8.7
40	2123180033	Hồ Vũ	Phước	22/03/2002	CCQ2318A			10.0	8.6	9.2
41	2122120380	Nguyễn Thị Thu	Phương	21/09/2003	CCQ2212L			7.4	8.6	8.1
42	2123180099	Huỳnh Vũ Minh	Quân	05/06/2005	CCQ2318A					
43	2123180009	Lê Anh	Quân	15/03/2005	CCQ2318A			8.8	8.6	8.7
44	2123180063	Nguyễn Minh	Quân	04/03/2005	CCQ2318B			9.2	8.6	8.8
45	2123180028	Trần Ngọc	Quý	04/02/2005	CCQ2318A			9.8	7.0	8.1
46	2123180002	Lê Chí	Tâm	01/09/2004	CCQ2318A			8.8	7.0	7.7
47	2123180049	Trương Thành	Tâm	05/11/2005	CCQ2318B			8.0	7.0	7.4
48	2123180030	Nguyễn Đức	Thắng	06/11/2005	CCQ2318A			8.8	7.0	7.7
49	2123180026	Trần Quang	Thắng	25/01/2005	CCQ2318A			8.8	7.0	7.7
50	2123180100	Huỳnh Công	Thành	26/05/2005	CCQ2318A			8.4	7.0	7.6
51	2123180106	Phan Nhật Anh	Tiến	10/03/2004	CCQ2318A			9.6	7.0	8.0
52	2123180031	Nguyễn Thành	Tính	01/01/2005	CCQ2318A			8.2	7.0	7.5
53	2122240012	Hồ Thị Quế	Trân	25/07/2002	CCQ2224A					
54	2123180004	Nguyễn Sĩ	Trung	03/03/2005	CCQ2318A			7.6	7.0	7.2
55	2122180038	Nguyễn Đình	Trường	01/10/2004	CCQ2218B					
56	2122030010	Nguyễn Xuân	Trường	28/11/2004	CCQ2203G			6.8	7.0	6.9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22203903] - Kỹ năng mềm 1
(CCQ2318A)
CBGD: Lê Thị Thanh Hà (220008)

Số SV có mặt:.....52
Số bài thi:52
Số tờ giấy thi:.....52

Thanh
Lê Thị Thanh Hà

Thanh
Lê Thị Thanh Hà
Nguyễn Văn Thanh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
57	2123180019	Lê Kế	Từ	28/01/2005	CCQ2318A		<i>[Signature]</i>	8.0	7.0	7.4
58	2123180007	Huỳnh Anh	Việt	04/01/2005	CCQ2318A		<i>[Signature]</i>	8.0	7.0	7.4
59	2122050105	Nguyễn Quốc	Việt	11/03/2004	CCQ2205D		<i>[Signature]</i>	10.0	7.0	8.2
60	2123180014	Nguyễn Hoàng	Vũ	02/01/2005	CCQ2318A		<i>[Signature]</i>	8.8	7.0	7.7

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22203905] - Kỹ năng mềm 1
(CCQ2310A)

CBGD: Tăng Thị Vinh (220013)

Số SV có mặt: 53

Số bài thi: 53

Số tờ giấy thi: 53

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123100023	Nguyễn Thị Phúc	An	14/09/2005	CCQ2310A			10.0	8.5	9.1
2	2123100031	Nguyễn Thị Quế	Anh	18/01/2005	CCQ2310A			6.4	7.0	6.8
3	2123100032	Nguyễn Tuấn	Anh	30/10/2005	CCQ2310A			-	-	-
4	2123100017	Trịnh Minh	Bảo	04/05/2001	CCQ2310A			9.5	7.0	8.0
5	2123100020	Nguyễn Tấn	Đạt	02/10/2005	CCQ2310A			-	-	-
6	2123100063	Lương Quỳnh	Giao	22/06/2005	CCQ2310B			8.4	6.5	7.3
7	2123100055	Phan Gia	Hân	22/10/2005	CCQ2310B			9.1	7.5	8.1
8	2123100034	Võ Thị Ngọc	Hiền	03/09/2005	CCQ2310A			7.3	6.5	6.8
9	2123100030	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	06/04/2005	CCQ2310A			7.7	6.8	7.2
10	2123100007	Nguyễn Đào Cẩm	Huyền	24/07/2001	CCQ2310A			5.5	8.0	7.0
11	2123100306	Lê Kim	Khánh	08/09/2005	CCQ2310A			-	-	-
12	2123100014	Nguyễn Anh	Kiệt	03/11/2005	CCQ2310A			10.0	9.3	9.6
13	2123100039	Đỗ Trúc	Lan	22/02/2005	CCQ2310B			8.8	7.5	8.0
14	2123100052	Đặng Phạm Yến	Linh	09/06/2005	CCQ2310B			10.0	9.0	9.4
15	2123100016	Trần Mai Phương	Linh	23/07/2005	CCQ2310A			9.1	7.5	8.1
16	2123100008	Trần Nhật	Linh	26/08/2003	CCQ2310A			9.9	9.0	9.4
17	2123100040	Đỗ Thị Kim	Loan	25/10/2005	CCQ2310B			9.1	7.8	8.3
18	2123100049	Hoàng Thị Phương	Loan	06/07/2005	CCQ2310B			8.9	7.5	8.1
19	2123100018	Nguyễn Thị	Lý	20/11/2005	CCQ2310A			5.7	8.0	7.1
20	2123100059	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	18/02/2005	CCQ2310B			6.4	7.0	6.8
21	2122050094	Nguyễn Văn	Minh	02/10/2004	CCQ2205C			8.8	7.0	7.7
22	2123100026	Âu Thanh	Ngân	13/12/2005	CCQ2310A			8.3	7.8	8.0
23	2123100009	Phạm Linh	Ngọc	21/03/2005	CCQ2310A			9.9	8.0	8.8
24	2123100046	Vô Hồng	Ngọc	01/04/2005	CCQ2310B			9.9	9.0	9.4
25	2123100066	Đặng Trường	Nguyên	20/07/2005	CCQ2310B			10.0	9.0	9.4
26	2122050106	Dương Thành	Nguyên	16/02/2004	CCQ2205D			8.7	8.0	8.3
27	2123100287	Nguyễn Thị Yến	Nhi	29/06/2005	CCQ2310A			-	-	-
28	2123100029	Phan Yến	Nhi	22/07/2005	CCQ2310A			-	-	-

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22203905] - Kỹ năng mềm 1
(CCQ2310A)

CBGD: Tăng Thị Vinh (220013)

Số SV có mặt: 53
Số bài thi: 53
Số tờ giấy thi: 53

T. Vinh

T. Vinh

Đào Thị Diễm

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2123100067	Nguyễn Huỳnh Tâm	Như	09/03/2005	CCQ2310B		<i>Như</i>	9.2	7.8	8.4
30	2122260022	Trần Thị Hồng	Nhung	30/01/2004	CCQ2226A		<i>Nhung</i>	9.3	8.0	8.5
31	2123100070	Phạm Thị Kiều	Oanh	08/11/2005	CCQ2310B		<i>Phạm</i>	9.7	8.5	9.0
32	2123100045	Nguyễn Mai	Phương	23/07/2005	CCQ2310B		<i>Ph</i>	9.5	7.5	8.3
33	2122050090	Trần Văn	Quyên	02/10/2004	CCQ2205C		<i>Quyên</i>	7.8	7.3	7.5
34	2123100057	Lê Thị Diễm	Quỳnh	10/11/2005	CCQ2310B		<i>Quỳnh</i>	6.9	6.5	6.7
35	2123100069	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	15/01/2005	CCQ2310B		<i>Quỳnh</i>	7.1	7.0	7.0
36	2122180045	Trương Lương Nguyễn	Thành	13/11/2004	CCQ2205D		<i>Thành</i>	9.5	7.8	8.5
37	2123100022	Phan Đặng Thanh	Thảo	26/02/2005	CCQ2310A		<i>Thảo</i>	9.6	7.8	8.5
38	2122170536	Đào Huỳnh Xuân	Thiện	21/08/2004	CCQ2205D		<i>Th</i>	7.9	7.5	7.7
39	2122050124	Võ Đức	Thịnh	12/12/2004	CCQ2205D		<i>Thịnh</i>	10.0	7.5	8.5
40	2123100027	Lê Thị Kim	Thoa	18/09/2001	CCQ2310A		<i>Th</i>	10.0	9.5	9.7
41	2123100035	Mai Ngọc	Thu	18/11/1998	CCQ2310A			-	-	-
42	2123100021	Nguyễn Thị Bích	Thương	14/06/2005	CCQ2310A		<i>Th</i>	9.1	8.0	8.4
43	2123100028	Nguyễn Thị Thanh	Thương	08/08/2005	CCQ2310A		<i>Th</i>	7.8	7.5	7.6
44	2123100054	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	29/06/2005	CCQ2310B		<i>Th</i>	7.4	7.8	7.6
45	2123100036	Trần Như Thanh	Thúy	14/11/2005	CCQ2310B		<i>Th</i>	8.9	7.8	8.2
46	2123100060	Nguyễn Đặng Thu	Thúy	26/10/2005	CCQ2310B		<i>Th</i>	9.1	8.0	8.4
47	2123100047	Vũ Thị Phương	Thúy	28/10/2005	CCQ2310B		<i>Th</i>	9.1	7.8	8.3
48	2123100024	Phạm Minh	Tính	03/11/2003	CCQ2310A		<i>Ph</i>	8.8	8.3	8.5
49	2122180030	Huỳnh Minh	Toàn	20/10/2004	CCQ2218A		<i>Ph</i>	8.5	7.3	7.8
50	2123100058	Võ Ngọc	Tôn	16/12/1999	CCQ2310B		<i>Ph</i>	10.0	8.8	9.3
51	2123100068	Trần Nguyễn Ngọc	Trâm	26/09/2005	CCQ2310B		<i>Tr</i>	8.1	7.0	7.4
52	2123100048	Trịnh Hồng Ánh	Trâm	05/12/2005	CCQ2310B			-	-	-
53	2123100050	Hồ Thị Huệ	Trân	15/09/2005	CCQ2310B		<i>Tr</i>	9.5	7.8	8.5
54	2123100025	Nguyễn Thảo	Trình	21/04/2005	CCQ2310A		<i>Tr</i>	9.2	8.0	8.5
55	2122180059	Báo Văn Anh	Tuấn	22/06/2004	CCQ2218B		<i>Tr</i>	7.7	6.5	7.0
56	2123100061	Nguyễn Ánh	Tuyết	21/08/2004	CCQ2310B		<i>Tr</i>	10.0	9.0	9.4

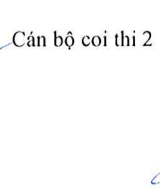
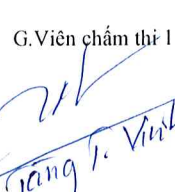
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

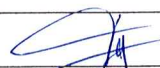
Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22203905] - Kỹ năng mềm 1
(CCQ2310A)
CBGD: Tăng Thị Vinh (220013)

Số SV có mặt: 53
Số bài thi: 53
Số tờ giấy thi: 53


STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
57	2123100042	Nguyễn Võ Tường	Vy	16/04/2005	CCQ2310B			9.0	7.0	7.8
58	2123100062	Trần Ngọc Yến	Vy	16/01/2004	CCQ2310B			10.0	9.3	9.6
59	2123100019	Nguyễn Ngọc Như	Ý	11/04/2005	CCQ2310A			9.2	7.3	8.1
60	2123100065	Chu Thị	Yến	23/10/2005	CCQ2310B			6.3	8.0	7.3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

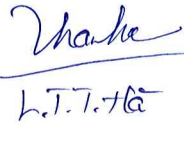
Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

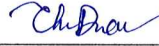
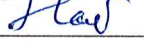
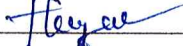
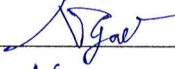
Môn học : [22203906] - Kỹ năng mềm 1
(CCQ2310C)

CBGD: Nguyễn Thị Lê (220001)

Số SV có mặt: 58
Số bài thi: 58
Số tờ giấy thi: 58


Nguyễn Thị Lê


L.T.T. Hà

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123100087	Trình Thị Diệu Ái	16/08/1996	CCQ2310C			7,3	8,2	7,8
2	2123100125	Võ Trương Thế Khả Ái	31/12/2005	CCQ2310D			6,0	8,0	7,2
3	2123100071	Nguyễn Thu An	08/06/2005	CCQ2310B			9,0	8,6	8,8
4	2122260138	Trần Trương An	12/06/2004	CCQ2226D			6,0	7,6	7,0
5	2123100110	Đặng Mỹ Anh	12/12/2005	CCQ2310D			8,7	8,0	8,3
6	2123100082	Dương Thị Huỳnh Anh	19/03/2005	CCQ2310C			7,3	8,2	7,8
7	2123100296	Nguyễn Thị Mai Đào	02/06/2005	CCQ2310B		Văng (o huc)	0,0	0,0	0,0
8	2123100298	Nguyễn Thị Trúc Đào	24/05/2005	CCQ2310C			8,4	8,6	8,5
9	2123100099	Nguyễn Thu Diệu	25/09/2005	CCQ2310C			8,8	8,9	8,9
10	2123100257	Hồ Thị Ngọc Dung	10/06/2005	CCQ2310C			8,9	9,3	9,1
11	2123100304	Đặng Thị Tường Duy	25/01/2005	CCQ2310C			7,8	8,6	8,3
12	2123100089	Nguyễn Thị Nguyệt Hằng	12/11/2005	CCQ2310C			8,6	8,5	8,5
13	2123100134	Phan Thị Mỹ Hằng	07/12/2005	CCQ2310D			7,6	8,0	7,8
14	2123100083	Bùi Ngọc Vy Huyền	30/01/2005	CCQ2310C			8,5	8,5	8,5
15	2123100130	Đỗ Thị Minh Huyền	26/11/2005	CCQ2310D			8,0	8,6	8,4
16	2123100090	Lương Thị Thúy Kiều	05/10/2004	CCQ2310C			6,8	8,2	7,6
17	2123100098	Phan Thị Bích Lam	20/08/2005	CCQ2310C		Văng (o huc)	0,0	0,0	0,0
18	2123100123	Lê Thị Dương Linh	02/06/2005	CCQ2310D			8,2	9,0	8,7
19	2123100078	Lê Thị Mỹ Linh	14/02/2005	CCQ2310C			8,0	7,8	7,9
20	2123100081	Nguyễn Hoàng Ánh Linh	25/10/2005	CCQ2310C			8,6	9,0	8,8
21	2123100115	Trần Khánh Linh	20/01/2005	CCQ2310D			8,8	8,5	8,6
22	2123100088	Văn Thị Ngọc Linh	19/08/2002	CCQ2310C			8,6	9,2	9,0
23	2123100129	Nguyễn Thị Trúc Ly	18/01/2005	CCQ2310D			8,8	8,0	8,3
24	2123100118	Lê Thị Diễm Mi	16/02/2005	CCQ2310D			8,2	8,0	8,1
25	2123100114	Đoàn Thị Miên	12/11/2005	CCQ2310D			8,1	7,8	7,9
26	2123100085	Vũ Thị Thúy Nga	08/03/2005	CCQ2310C			8,4	7,8	8,0
27	2123100102	Huỳnh Thị Thanh Ngân	25/10/2005	CCQ2310C			7,6	7,8	7,7
28	2123100126	Trần Thị Ngọc Ngân	04/06/2004	CCQ2310D			8,8	8,8	8,8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22203906] - Kỹ năng mềm 1
(CCQ2310C)

CBGD: Nguyễn Thị Lê (220001)

Số SV có mặt: 58...
Số bài thi:58...
Số tờ giấy thi: 58...

[Handwritten signatures and initials]
Nguyễn Thị Lê L.T.T.Hà

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2123100086	Võ Bé	Ngọc	16/02/2004	CCQ2310C		<i>Ngoc</i>	8,4	8,2	8,3
30	2123100117	Đinh Hoàng Thiên	Nhã	27/03/2005	CCQ2310D		<i>Thien</i>	8,0	7,8	7,9
31	2123100131	Nguyễn Thị Yên	Nhi	28/03/2004	CCQ2310D		<i>Yen</i>	8,0	8,1	8,1
32	2123100072	Trương Ngọc	Nhi	20/07/2005	CCQ2310C		<i>Ngoc</i>	8,6	8,3	8,4
33	2123100112	Đặng Thị Mỹ	Ni	17/12/2005	CCQ2310D		<i>Mi</i>	8,4	8,3	8,3
34	2123100084	Nguyễn Thị Kim	Oanh	29/12/2005	CCQ2310C		<i>Oanh</i>	8,4	8,3	8,3
35	2123100122	Nguyễn Lê Uyên	Phương	02/09/2005	CCQ2310D		<i>Uyen</i>	9,0	9,6	9,4
36	2123100094	Võ Thị Trúc	Phương	22/12/2005	CCQ2310C		<i>Truc</i>	8,9	8,9	8,9
37	2122180071	Đoàn Anh	Quân	08/10/2004	CCQ2218C		<i>Anh</i>	6,0	7,8	7,1
38	2123100226	Đinh Thị Như	Quỳnh	21/10/2002	CCQ2310C		<i>Nhu</i>	8,8	8,2	8,4
39	2123100097	Hồ Thị Như	Quỳnh	02/10/2005	CCQ2310C		<i>Nhu</i>	8,4	8,6	8,5
40	2123100077	Nguyễn Ánh	Sương	15/08/2005	CCQ2310C		<i>Suong</i>	8,4	8,9	8,7
41	2123100124	Trần Thị Thanh	Thảo	08/07/2005	CCQ2310D		<i>Thanh</i>	8,4	9,5	9,1
42	2123100223	Lê Thị Anh	Thư	13/03/2005	CCQ2310B		<i>Anh</i>	8,4	8,2	8,3
43	2123100113	Nguyễn Lê Anh	Thư	09/08/2004	CCQ2310D		<i>Anh</i>	8,3	8,6	8,5
44	2123100213	Nguyễn Thị Anh	Thư	21/11/2005	CCQ2310B		<i>Anh</i>	7,0	7,8	7,5
45	2123100076	Trần Thị Anh	Thư	23/05/2005	CCQ2310C		<i>Anh</i>	8,4	8,2	8,3
46	2123100106	Nguyễn Thị Kim	Thương	16/02/2005	CCQ2310C		<i>Kim</i>	7,6	8,5	8,1
47	2123100073	Phạm Hoài	Thương	25/03/2005	CCQ2310C		<i>Hai</i>	8,0	9,6	9,0
48	2123100128	Lê Thị	Thúy	01/03/2005	CCQ2310D		<i>Thuy</i>	8,6	7,8	8,1
49	2123100111	Phạm Huỳnh Thanh	Thúy	21/09/2005	CCQ2310D		<i>Thanh</i>	8,2	8,0	8,1
50	2123100119	Hồ Thị Thanh	Thúy	27/01/2005	CCQ2310D		<i>Thanh</i>	8,2	7,6	7,8
51	2123100107	Nguyễn Thị Anh	Thy	24/05/2005	CCQ2310D		<i>Anh</i>	8,4	8,0	8,2
52	2123100103	Bùi Thị Thu	Trang	14/10/2004	CCQ2310C		<i>Thu</i>	9,2	9,0	9,1
53	2123100101	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/02/2005	CCQ2310C		<i>Huyen</i>	9,2	9,6	9,4
54	2123100121	Nguyễn Lê Phương	Trình	28/02/2005	CCQ2310D		<i>Phuong</i>	8,8	8,3	8,5
55	2123100120	Trương Vũ Huyền	Trình	03/03/2005	CCQ2310D		<i>Huyen</i>	8,2	8,8	8,6
56	2123100108	Nguyễn Thị	Trúc	25/08/2005	CCQ2310D		<i>Truc</i>	8,2	7,8	7,8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22203906] - Kỹ năng mềm 1
(CCQ2310C)

CBGD: Nguyễn Thị Lê (220001)

Số SV có mặt:.....58

Số bài thi:58

Số tờ giấy thi:.....58

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
57	2123100236	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	15/03/2005	CCQ2310B			8,6	8,0	8,2
58	2123100104	Trần Thị Diệu	Uyên	02/03/2005	CCQ2310C			8,9	9,6	9,3
59	2123100127	Nguyễn Thị Thùy	Văn	11/03/2005	CCQ2310D			7,6	7,8	7,7
60	2123100080	Hồ Thị Tuyết	Vy	19/08/2005	CCQ2310C			8,2	7,8	8,0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22203907] - Kỹ năng mềm 1
(CCQ2310E)

CBGD: Lê Thị Ngọc Huyền (220002)

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123100201	Hoàng Việt	Anh	16/04/2002	CCQ2310F			7.8	8.5	8.2
2	2123100173	Phạm Trang	Anh	04/11/2005	CCQ2310E			7.9	8.0	7.9
3	2123100165	Vũ Thị Kim	Anh	29/06/2005	CCQ2310E			8.7	8.8	8.7
4	2123100174	Thạch Thị Trúc	Đào	20/10/2005	CCQ2310E			8.1	8.1	8.1
5	2123100188	Đỗ Thị	Doanh	12/01/2005	CCQ2310F			8.5	8.5	8.5
6	2123100169	Trần Thị Mỹ	Duyên	24/01/2005	CCQ2310E			8.8	7.8	8.2
7	2123100159	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	24/04/2005	CCQ2310E			8.7	8.0	8.3
8	2123100182	Dương Thị	Hậu	13/09/2005	CCQ2310F			8.5	8.0	8.2
9	2123100216	Bùi Thị	Hiền	03/04/2005	CCQ2310F			8.1	8.0	8.1
10	2123100170	Đinh Thị	Hiền	10/11/2004	CCQ2310E			8.5	8.0	8.2
11	2123100166	Trần Thị Kim	Hiếu	31/07/2005	CCQ2310E			7.9	7.8	7.8
12	2123100146	Đinh Thị Mỹ	Hoa	30/10/2005	CCQ2310E			8.3	7.5	7.8
13	2123100180	Nguyễn Thị Thu	Hoa	10/07/2005	CCQ2310F			8.7	8.5	8.6
14	2123100211	Tăng Hoài	Hung	17/01/2005	CCQ2310F			10.0	10.0	10.0
15	2123100191	Hàm Thị Bích	Hương	18/04/2005	CCQ2310F			8.1	8.5	8.4
16	2123100210	Ngô Thị Mỹ	Huyền	15/10/2005	CCQ2310F			8.5	10.0	9.4
17	2123100202	Trần Đình	Kiên	08/07/1999	CCQ2310F			8.8	8.0	8.3
18	2123100207	Phạm Thanh	Kiều	04/07/2005	CCQ2310F			8.4	8.0	8.2
19	2123100151	Lê Thị Kim	Liên	14/11/2005	CCQ2310E					
20	2123100157	Phan Thị Thuý	Linh	28/07/2005	CCQ2310E			8.5	8.5	8.5
21	2123100189	Lê Ngọc Trà	My	02/03/2005	CCQ2310F			8.4	7.8	8.0
22	2123100205	Phạm Thị Nhật	My	01/02/2005	CCQ2310F			8.4	8.5	8.5
23	2123100204	Nguyễn Thị Kim	Ngân	06/10/2003	CCQ2310F					
24	2123100149	Huỳnh Thị Tuyết	Nghi	20/09/2005	CCQ2310E			8.5	8.5	8.5
25	2123100175	Dương Thị Hồng	Nhã	19/11/2003	CCQ2310E			7.9	8.0	7.9
26	2123100155	Lê Thị Yến	Nhi	07/08/2005	CCQ2310E			7.9	8.0	7.9
27	2123100187	Nguyễn Hoài	Nhi	13/09/2005	CCQ2310F			8.5	7.5	7.9
28	2123100150	Nguyễn Thị Yến	Nhi	03/11/2005	CCQ2310E			8.5	8.0	8.2

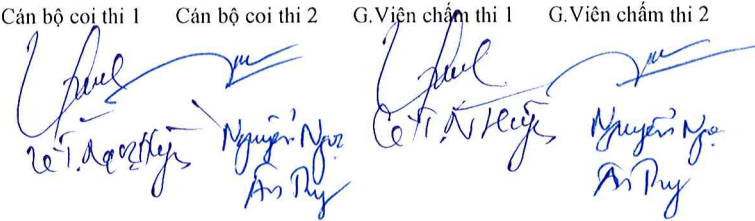
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

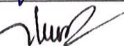
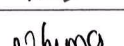
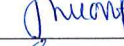
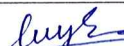
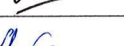
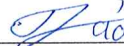
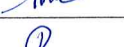
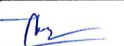
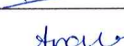
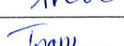
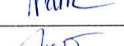
Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22203907] - Kỹ năng mềm 1
(CCQ2310E)
CBGD: Lê Thị Ngọc Huyền (220002)

Số SV có mặt:.....
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:.....



STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2123100176	Đặng Quỳnh	Như	21/06/2005	CCQ2310E			7.9	8.8	8.4
30	2123100206	Lê Thị Quỳnh	Như	03/07/2005	CCQ2310F			8.4	9.0	8.8
31	2123100153	Phan Võ Quỳnh	Như	18/05/2005	CCQ2310E			8.4	8.5	8.5
32	2123100172	Đỗ Khánh	Nhung	12/07/2002	CCQ2310E			9.2	10.0	9.7
33	2123100154	Ngô Thị Mỹ	Nhung	02/04/2005	CCQ2310E			8.6	8.8	8.7
34	2122270063	Lê Thị Kim	Oanh	12/07/2003	CCQ2227B			8.4	8.5	8.5
35	2123100208	Nguyễn Thị Thanh	Phương	11/11/2005	CCQ2310F			8.4	8.5	8.5
36	2123100171	Đỗ Thị Như	Quỳnh	04/05/2005	CCQ2310E			8.7	8.5	8.6
37	2123100215	Mai Xuân	Quỳnh	25/07/2005	CCQ2310F			8.5	8.5	8.5
38	2123100199	Trương Thị Mỹ	Tâm	03/05/2005	CCQ2310F			8.7	8.8	8.7
39	2123100200	Hồ Thị Hồng	Thắm	10/11/2005	CCQ2310F					
40	2123100148	Phạm Thị Hồng	Thắm	15/11/2005	CCQ2310E			8.4	8.8	8.6
41	2123170325	Nguyễn Võ Văn	Thân	24/01/2005	CCQ2317J			8.1	7.5	7.8
42	2123100142	Võ Đình	Thắng	06/07/2005	CCQ2310E					
43	2123060150	Phạm Như	Thảo	27/01/2005	CCQ2310F			8.7	7.8	8.1
44	2123100193	Huỳnh Thị	Thoại	01/01/2005	CCQ2310F			8.4	8.5	8.5
45	2123100160	Trương Thị Hoài	Thu	17/04/2005	CCQ2310E			8.2	8.0	8.1
46	2123100156	Hồ Minh	Thư	10/10/2005	CCQ2310E			7.1	8.0	7.6
47	2123100212	Lương Võ Minh	Thư	07/11/2005	CCQ2310F			8.4	7.8	8.0
48	2123100195	Huỳnh Thị	Thúy	24/10/2005	CCQ2310F			8.4	8.0	8.2
49	2123100297	Nguyễn Thị Minh	Thùy	08/10/2005	CCQ2310E			8.7	7.8	8.1
50	2123100184	Nguyễn Thị Thanh	Trà	11/07/2005	CCQ2310F			10.0	8.0	8.8
51	2123100217	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	10/12/2003	CCQ2310G			8.4	8.5	8.5
52	2123100300	Văn Ngọc Mỹ	Trâm	30/08/1998	CCQ2310F			7.9	8.0	7.9
53	2123100158	Trần Thị Thùy	Trang	14/06/2004	CCQ2310E			8.4	7.8	8.0
54	2123100198	Cao Diễm	Trình	17/11/2002	CCQ2310F			8.5	8.0	8.2
55	2123100181	Hoàng Ngọc Thùy	Trình	21/11/2005	CCQ2310F			7.9	8.3	8.1
56	2123100209	Nguyễn Thị Mai	Trúc	10/03/2005	CCQ2310F					

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

Môn học : [22203907] - Kỹ năng mềm 1
(CCQ2310E)
CBGD: Lê Thị Ngọc Huyền (220002)

Số SV có mặt:.....55
Số bài thi:55
Số tờ giấy thi:.....55

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2



STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
57	2123100196	Nguyễn Đoàn Phương	Uyên	18/05/2005	CCQ2310F			8.6	7.8	8.1
58	2123100214	Đặng Thị Thanh	Vân	18/06/2005	CCQ2310F			8.2	8.0	8.1
59	2123100161	Lê Thị Tường	Vy	29/06/2005	CCQ2310E			8.8	7.8	8.2
60	2123100179	Trần Thị Cẩm	Y	26/11/2005	CCQ2310E		Y	8.6	7.8	8.1

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

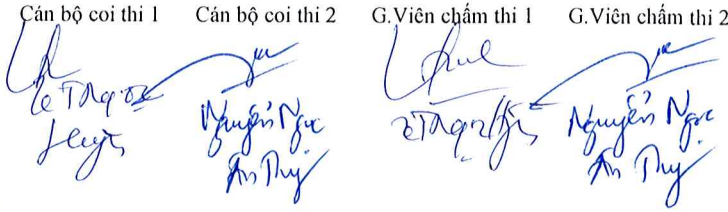
Môn học : [22203908] - Kỹ năng mềm 1
(CCQ2310G)

CBGD: Lê Thị Ngọc Huyền (220002)

Số SV có mặt: 57

Số bài thi: 57

Số tờ giấy thi: 57



STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123100221	Lê Văn Trường	Anh	14/08/2005	CCQ2310G			8,3	7,5	7,8
2	2123100291	Phạm Thị Ngọc	Ánh	01/06/2005	CCQ2310H			8,4	8,0	8,2
3	2123100293	Đặng Đông	Đào	17/06/2005	CCQ2310H			8,6	8,0	8,2
4	2123100232	Lưu Tú	Đông	04/10/2005	CCQ2310G			8,8	8,5	8,6
5	2123100254	Hồ Thị Ngọc	Dương	23/09/2005	CCQ2310G			8,3	8,8	8,6
6	2123100275	Hoàng Thị Lệ	Hằng	30/01/2005	CCQ2310H			8,7	8,8	8,7
7	2123100262	Phan Thị Ngọc	Hạnh	16/03/2005	CCQ2310H			10,0	8,8	9,3
8	2123100246	Phạm Thị	Hiên	29/07/2005	CCQ2310G			8,0	8,5	8,3
9	2123100256	Trần Thị Ngân	Huệ	02/03/2005	CCQ2310H			8,6	8,8	8,7
10	2123100253	Nguyễn Thị Thanh	Lam	19/03/2005	CCQ2310G			8,3	8,8	8,6
11	2123100252	Phạm Trần Gia	Linh	20/05/2005	CCQ2310G			8,6	8,8	8,7
12	2123100258	Châu Thị Thanh	Mai	10/11/2005	CCQ2310H			7,9	8,5	8,3
13	2123100285	Phạm Thị Thảo	My	16/09/2005	CCQ2310H			8,3	8,0	8,1
14	2123100230	Tạ Thị Hà	My	08/01/2005	CCQ2310G			8,7	8,0	8,3
15	2123100273	Cao Thị Phương	Nga	26/07/2005	CCQ2310H			8,5	8,3	8,4
16	2123100251	Nguyễn Thị	Nga	08/08/1993	CCQ2310G			7,5	8,0	7,8
17	2123100277	Đinh Thúy	Ngân	09/11/2005	CCQ2310H			8,6	8,5	8,6
18	2123100272	Đinh Thị Dương	Ngọc	15/03/2005	CCQ2310H			8,7	8,5	8,6
19	2123100268	Lê Ánh	Ngọc	27/03/2005	CCQ2310H			0,0	0,0	0,0
20	2123100224	Nguyễn Như	Ngọc	20/06/2005	CCQ2310G			8,5	7,8	8,1
21	2123100239	Nguyễn Thị Thu	Ngọc	17/11/2005	CCQ2310G			8,5	8,0	8,2
22	2123100231	Trần Lâm Bảo	Ngọc	20/06/2005	CCQ2310G			7,5	6,8	7,1
23	2123100260	Trần Thị Ngọc	Nguyên	15/03/2005	CCQ2310H			8,5	8,0	8,2
24	2123100289	Nguyễn Thị	Nhã	12/06/2005	CCQ2310H			8,5	8,5	8,5
25	2123100280	Lê Thị Thanh	Nhân	03/03/2005	CCQ2310H			8,5	8,5	8,5
26	2123100233	Nguyễn Thị Thu	Nhiên	29/05/2005	CCQ2310G			8,6	8,0	8,2
27	2123100248	Đàng Kim	Như	15/02/2005	CCQ2310G			9,2	8,0	8,5
28	2123100240	Lương Thị Huỳnh	Như	30/08/2004	CCQ2310G			8,6	8,5	8,5

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22203908] - Kỹ năng mềm 1
(CCQ2310G)
CBGD: Lê Thị Ngọc Huyền (220002)

Số SV có mặt: 57
Số bài thi: 57
Số tờ giấy thi: 57

(Handwritten signatures of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2123100227	Hoàng Thị	Nhung	29/12/2005	CCQ2310G		<i>Nhung</i>	8,5	8,5	8,5
30	2123100241	Trịnh Thị Hồng	Phúc	01/09/2004	CCQ2310G		<i>Phúc</i>	8,2	8,3	8,3
31	2123100286	Lê Thị Kim	Phượng	07/09/2005	CCQ2310G		<i>Phượng</i>	8,5	8,5	8,5
32	2123100250	Hà Thị Tuyết	Quỳnh	05/08/2005	CCQ2310G		<i>Quỳnh</i>	8,1	8,5	8,4
33	2123100259	Đinh Thị	Sáo	11/03/2004	CCQ2310H		<i>Sáo</i>	9,1	8,3	8,6
34	2123100244	Đỗ Thị Thanh	Thảo	24/08/2004	CCQ2310G		<i>Thảo</i>	8,6	8,5	8,5
35	2123100269	Nguyễn Thị	Thảo	11/12/2005	CCQ2310H		<i>Thảo</i>	8,5	8,5	8,5
36	2123100270	Lê Thị Minh	Thơ	28/02/2005	CCQ2310H		<i>Thơ</i>	8,6	8,3	8,4
37	2123100278	Nguyễn Minh	Thơ	10/05/2005	CCQ2310H		<i>Thơ</i>	8,4	8,5	8,5
38	2123100243	Nguyễn Đỗ Anh	Thư	19/03/2005	CCQ2310G		<i>Thư</i>	9,0	8,0	8,4
39	2123100263	Nguyễn Thị Minh	Thư	30/09/2005	CCQ2310H		<i>Thư</i>	8,6	8,5	8,5
40	2123100234	Nguyễn Thu	Thủy	25/10/2005	CCQ2310G		<i>Thủy</i>	8,5	8,0	8,2
41	2123100274	Triệu Thu	Thủy	28/07/2004	CCQ2310H		<i>Thủy</i>	8,6	8,5	8,5
42	2123100265	Bùi Mỹ	Tiên	28/01/2005	CCQ2310H		<i>Tiên</i>	9,5	8,5	8,9
43	2123100238	Lương Nguyễn Cẩm	Tiên	20/07/2005	CCQ2310G		<i>Tiên</i>	8,6	8,3	8,4
44	2123100261	Hoàng Bảo	Tín	06/10/2003	CCQ2310H			0,0	0,0	0,0
45	2123100288	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	19/12/2005	CCQ2310H		<i>Trâm</i>	8,8	8,3	8,5
46	2123100264	Nguyễn Ngọc	Trân	03/06/2005	CCQ2310H		<i>Trân</i>	8,9	8,5	8,7
47	2123100292	Cao Thị Thuý	Trang	21/06/2005	CCQ2310H		<i>Trang</i>	10,0	10,0	10,0
48	2123100294	Lê Thị Thùy	Trang	19/06/2005	CCQ2310H		<i>Trang</i>	8,8	9,0	9,4
49	2123100245	Nguyễn Nhật Thuý	Trang	12/03/2005	CCQ2310G		<i>Trang</i>	10,0	9,0	9,4
50	2123100284	Nguyễn Thị Quyền	Trang	21/11/2005	CCQ2310H		<i>Trang</i>	8,7	8,5	8,6
51	2123100235	Võ Thị Thùy	Trang	06/01/2005	CCQ2310G		<i>Trang</i>	8,5	8,5	8,5
52	2123100225	Trần Thị Mỹ	Trinh	25/10/2005	CCQ2310G		<i>Trinh</i>	8,9	8,8	8,9
53	2123100266	Nguyễn Thị	Tuyển	19/05/2005	CCQ2310H		<i>Tuyển</i>	8,6	8,5	8,5
54	2123100283	Châu Thị	Việt	16/08/2005	CCQ2310H		<i>Việt</i>	8,2	8,5	8,4
55	2123100290	Hồ Trần Thanh	Vy	16/01/2005	CCQ2310H		<i>Vy</i>	10,0	10,0	10,0
56	2123100228	Lê Yến	Vy	05/06/2005	CCQ2310G		<i>Vy</i>	10,0	10,0	10,0

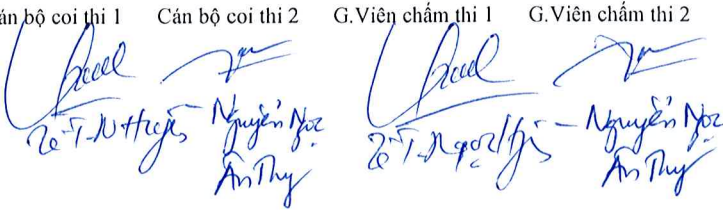
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22203908] - Kỹ năng mềm 1
(CCQ2310G)
CBGD: Lê Thị Ngọc Huyền (220002)

Số SV có mặt:.....57
Số bài thi:57
Số tờ giấy thi:.....57



STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
57	2123100276	Nguyễn Thị Thảo	Vy	29/10/2004	CCQ2310H		Thảo Vy	8.5	8.5	8.5
58	2123100249	Nguyễn Thị Tường	Vy	08/03/2005	CCQ2310G		Tường Vy	8.5	8.5	8.5
59	2123100255	Phạm Thị Thanh	Xuân	21/04/2005	CCQ2310G		Thanh Xuân	9.0	9.0	9.0
60	2123100271	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	21/11/2005	CCQ2310H		Nguyễn Thị Ngọc Yến	0.0	0.0	0.0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22203909] - Kỹ năng mềm 1
(CCQ2324A)

CBGD: Nguyễn Ngọc Ân Thy (220016)

Số SV có mặt: 56

Số bài thi:56

Số tờ giấy thi: 56

Nguyễn Ngọc Ân Thy

C.T. Nguyễn

Nguyễn Ngọc Ân Thy

C.T. Nguyễn

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123240055	Nguyễn Thị Như	Ái	20/10/2005	CCQ2324B	1		9.0	8.0	8.4
2	2122120057	Nguyễn Thị Trâm	Anh	05/08/2004	CCQ2212B	1		8.0	7.0	7.4
3	2123240035	Nguyễn Trương Ngọc Quỳnh	Anh	25/09/2005	CCQ2324B	1		9.0	9.0	9.0
4	2122050070	Thiên Đại	Anh	11/08/2004	CCQ2205C	1		6.5	7.5	7.1
5	2122120397	Đặng Thanh	Bình	21/06/2003	CCQ2212L	1		6.5	7.5	7.1
6	2123240052	Huỳnh Ngọc Minh	Châu	02/10/2005	CCQ2324B	1		8.5	8.5	8.5
7	2123240021	Phan Hoàng	Châu	11/05/2004	CCQ2324A	1		7.5	7.0	7.2
8	2122120294	Chế Công	Chiến	19/02/2004	CCQ2212I	1		8.5	9.0	8.8
9	2122110350	Nguyễn Võ Kiên	Cường	03/04/2004	CCQ2211I	1		9.0	8.5	8.7
10	2123240009	Bá Thị Mỹ	Dáng	16/08/2000	CCQ2324A	1		9.5	9.5	9.5
11	2123240191	Nguyễn Thành	Dạt	31/12/2004	CCQ2324A	1				
12	2123240025	Nguyễn Huỳnh	Đức	25/09/2005	CCQ2324A	1		8.0	9.5	8.9
13	2123240194	Trần Thùy	Dung	04/10/2005	CCQ2324B	1		8.5	8.5	8.5
14	2123240033	Ngô Huỳnh Phương	Duy	17/09/2005	CCQ2324B	1		8.0	9.0	8.6
15	2123240002	Trần Thị Trúc	Hà	18/07/1995	CCQ2324A	1		8.0	8.5	8.3
16	2123240048	Mai Trịnh Mỹ	Hằng	30/04/2005	CCQ2324B	1		6.5	6.5	6.5
17	2122120500	Văn Thị Thuý	Hằng	03/09/2003	CCQ2212I	1		7.5	8.0	7.8
18	2121170260	Đỗ Quang	Hậu	13/02/2003	CCQ2117II	1		7.0	7.5	7.3
19	2123240193	Nông Duy	Hòa	19/03/2001	CCQ2324B					
20	2123100139	Nguyễn Thị Mỹ	Hương	20/08/1997	CCQ2310D	1		7.5	8.5	8.1
21	2123240027	Đoàn Khắc	Huy	26/10/2005	CCQ2324A	1		9.0	8.0	8.4
22	2123240020	Phan Minh	Huy	10/01/2004	CCQ2324A	1		9.5	9.5	9.5
23	2123240161	Giáp Thị Thanh	Huyền	06/12/2005	CCQ2324B	1		7.0	8.5	7.9
24	2123100144	Nguyễn Trúc	Huyền	02/01/2005	CCQ2310D	1		8.0	8.5	8.3
25	2122120299	Nguyễn Vũ	Khôi	13/01/2004	CCQ2212I	1		8.5	8.5	8.5
26	2123100141	Nguyễn Thị Kim	Ngân	10/10/2002	CCQ2310D	1		9.5	9.5	9.5
27	2123240056	Phạm Thị Kim	Ngân	29/03/2005	CCQ2324B	1		7.5	7.5	7.5
28	2123240014	Trần Thị Kim	Ngân	28/08/2005	CCQ2324A	1		8.0	9.0	8.6

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22203909] - Kỹ năng mềm 1
(CCQ2324A)
CBGD: Nguyễn Ngọc Ân Thy (220016)

Số SV có mặt...56...
Số bài thi:56...
Số tờ giấy thi...56...

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
29	2123240040	Nguyễn Kim	Ngọc	07/11/2005	CCQ2324B	1	<i>(Signature)</i>	9.0	8.5	8.7
30	2123240030	Nguyễn Ngọc Phương	Nguyên	02/11/2005	CCQ2324A	1	<i>(Signature)</i>	7.5	7.5	7.5
31	2123240013	Hà Thị Ánh	Nguyệt	24/02/2003	CCQ2324A	1	<i>(Signature)</i>	8.0	9.5	8.9
32	2123240045	Danh Hữu	Nhân	24/05/2005	CCQ2324B	1	<i>(Signature)</i>	7.0	7.5	7.3
33	2123100140	Lương Anh	Nhật	14/02/2001	CCQ2310D	1	<i>(Signature)</i>	8.0	8.5	8.3
34	2123240031	Lý Thị Bích	Nhi	27/07/2005	CCQ2324B	1	<i>(Signature)</i>	8.5	8.0	8.2
35	2123240032	Lê Thị Tố	Như	10/07/2005	CCQ2324B	1	<i>(Signature)</i>	9.0	9.0	9.0
36	2123100145	Trần Thị Yến	Như	09/03/2005	CCQ2310D	1	<i>(Signature)</i>	8.0	7.0	7.4
37	2122120235	Nguyễn Phạm Thiên	Phước	28/01/2003	CCQ2212G	1	<i>(Signature)</i>	6.5	6.5	6.5
38	2123240037	Hà Thị Thuỳ	Tân	25/07/2005	CCQ2324B	1	<i>(Signature)</i>	7.0	8.5	7.9
39	2123240046	Nguyễn Hữu	Thành	25/01/2005	CCQ2324B	1	<i>(Signature)</i>	8.0	9.0	8.6
40	2123240024	Lê Vũ Phương	Thảo	20/10/2005	CCQ2324A	1	<i>(Signature)</i>	9.0	8.5	8.7
41	2123100136	Nguyễn Thị Thu	Thảo	22/12/2005	CCQ2310D	1	<i>(Signature)</i>	8.5	7.0	7.6
42	2123240012	Nguyễn Thị Ngọc	Thị	22/02/2004	CCQ2324A	1	<i>(Signature)</i>	8.5	9.0	8.8
43	2123240050	Võ Ngọc Anh	Thị	13/11/2005	CCQ2324B	1	<i>(Signature)</i>	8.0	8.0	8.0
44	2123100135	Võ Thị Ngọc	Thu	04/08/2005	CCQ2310D	1	<i>(Signature)</i>	8.0	7.5	7.7
45	2123240017	Hà Minh	Thư	02/02/2005	CCQ2324A	1	<i>(Signature)</i>	9.0	8.0	8.4
46	2123240018	Huỳnh Thị Anh	Thư	29/10/2005	CCQ2324A	1	<i>(Signature)</i>	8.5	8.0	8.2
47	2123240047	Lê Thị Hoài	Thương	28/07/2005	CCQ2324B	1	<i>(Signature)</i>	8.5	8.0	8.2
48	2123240019	Vũ Thị	Thương	01/12/2005	CCQ2324A	1	<i>(Signature)</i>	7.5	8.5	8.1
49	2123240053	Huỳnh Thị Thu	Thúy	30/08/2005	CCQ2324B	1	<i>(Signature)</i>	7.5	8.0	7.8
50	2123240051	Nguyễn Thị Chung	Thúy	10/10/2005	CCQ2324B	1	<i>(Signature)</i>	8.0	8.0	8.0
51	2122030219	Phan Đức	Tín	27/09/2004	CCQ2203H					
52	2123240054	Phạm Thị Thùy	Trang	20/09/2005	CCQ2324B	1	<i>(Signature)</i>	8.0	7.5	7.7
53	2123200676	Nguyễn Minh	Trí	16/06/2005	CCQ2320G	1	<i>(Signature)</i>	7.5	7.0	7.2
54	2123100137	Phùng Thanh	Trúc	29/06/2005	CCQ2310D	1	<i>(Signature)</i>	7.5	8.5	8.1
55	2123240034	Nguyễn Bảo	Trung	10/01/2004	CCQ2324B					
56	2123240058	Nguyễn Vũ	Trường	30/04/1999	CCQ2324B	1	<i>(Signature)</i>	8.0	8.0	8.0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

Môn học : [22203909] - Kỹ năng mềm 1
(CCQ2324A)
CBCGD: Nguyễn Ngọc Ân Thy (220016)

Số SV có mặt: 56
Số bài thi: 56
Số tờ giấy thi: 56

Cán bộ coi thi 1
Nguyễn Ngọc Ân Thy

Cán bộ coi thi 2
Lê T. Ngọc Huyền

G.Viên chấm thi 1
Nguyễn Ngọc Ân Thy

G.Viên chấm thi 2
Lê T. Ngọc Huyền

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
57	2123240036	Hồ Lê Mỹ	Uyên	09/05/2005	CCQ2324B	1	Mỹ Uyên	8.5	9.0	8.8
58	2123240049	Đoàn Thị Bích	Vân	19/03/2005	CCQ2324B	1	Vân	8.0	9.5	8.9
59	2122120283	Nguyễn Hiếu	Vinh	21/10/2004	CCQ22121	1	Vinh	7.0	7.0	7.0
60	2123240028	Trương Thị Hà	Vy	14/10/2005	CCQ2324A	1	Vy	8.5	7.0	7.6

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học : [22203910] - Kỹ năng mềm 1
(CCQ2324E)

CBGD: Nguyễn Thiên Thanh (220015)

Số SV có mặt: 56

Số bài thi: 56

Số tờ giấy thi: 56

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123240172	Đàm Thị Mỹ	An	02/12/2005	CCQ2324F	1		8.5	9	8.8
2	2123240165	Dương Nguyễn Khánh	An	26/11/2005	CCQ2324F	1		8.5	9	8.8
3	2123210095	Nguyễn Quỳnh	Anh	13/12/2005	CCQ2321C	1		8.5	8.5	8.5
4	2123210079	Nguyễn Thị Quế	Anh	21/09/2005	CCQ2321C	1		9	9	9
5	2123240171	Nguyễn Thị	Ánh	04/01/2005	CCQ2324F	1		9.5	9	9.2
6	2123240181	Nguyễn Hải	Đặng	04/02/2004	CCQ2324F	1		9	9	9
7	2123240132	Nguyễn Phạm Hồ	Điệp	24/06/2005	CCQ2324E	1		8	8	8
8	2123240169	Trần Châu	Đoan	16/08/2005	CCQ2324F	1		8	8.5	8.3
9	2123240176	Đinh Thị Thùy	Dương	25/06/2005	CCQ2324F	1		9.5	9.5	9.5
10	2122060048	Nguyễn Minh	Hải	05/05/2004	CCQ2206B	1		8.5	9	8.8
11	2122180126	Trần Trung	Hải	11/04/2004	CCQ2218D	1		6	7	6.6
12	2123240188	Nguyễn Thị	Hiền	02/01/2004	CCQ2324F	1		8.5	8.5	8.5
13	2122110538	Trần Trần	Hiệp	06/07/2004	CCQ2211M	1		8	8	8
14	2123240184	Phạm Huỳnh	Hoa	07/03/2002	CCQ2324F	1		9	9	9
15	2123210083	Nguyễn Văn	Hoàn	11/07/2005	CCQ2321C	1		8.5	8.5	8.5
16	2123100218	Hồ Văn	Hoàng	06/04/2005	CCQ2310G	1		5.5	6	5.8
17	2122200093	Huỳnh Minh	Hoàng	21/12/2004	CCQ2220C	1		8.5	8.5	8.5
18	2123100219	Võ Thị Ngọc	Hồng	16/02/2005	CCQ2310G	1		9	9	9
19	2122040035	Lương Đại	Hung	03/03/2004	CCQ2204A	1		6.5	6.5	6.5
20	2123240167	Nguyễn Thị Xuân	Huỳnh	30/07/2005	CCQ2324F	1		8.5	8.5	8.5
21	2122110562	Nguyễn Võ Anh	Kiệt	02/09/2004	CCQ2211N	1		8	8	8
22	2123240159	Đỗ Thị Thùy	Linh	22/11/2005	CCQ2324F	1		9	9.5	9.3
23	2122240183	Nguyễn Thị Ngọc	Loan	29/05/2004	CCQ2224E	1		9	9	9
24	2123210180	Tô Ngọc	Lộc	07/03/2005	CCQ2321C	1		7.5	8	7.8
25	2123240178	Huỳnh Kim	Ngân	02/04/2005	CCQ2324F	1		9	9	9
26	2123240190	Nguyễn Bảo Gia	Ngân	11/06/2005	CCQ2324F	1		9.5	9.5	9.5
27	2123240174	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	03/06/1999	CCQ2324F	1		9	9	9
28	2123240137	Lê Nguyễn Thị Ngọc	Nghi	30/04/2005	CCQ2324E					

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22203910] - Kỹ năng mềm 1
(CCQ2324E)

CBGD: Nguyễn Thiên Thanh (220015)

Số SV có mặt: 56

Số bài thi: 56

Số tờ giấy thi: 56

Nguyễn Thiên Thanh

Nguyễn Thiên Thanh

Nguyễn Thiên Thanh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2123240160	Lê Như	Ngọc	05/08/2005	CCQ2324F	1	<i>Ngọc</i>	9	9.5	9.3
30	2123240170	Đặng Thị Yến	Nhi	19/10/2005	CCQ2324F	1	<i>Yến</i>	9	9	9
31	2123240189	Lê Thị Huỳnh	Như	13/08/2003	CCQ2324F					
32	2123210101	Võ Huỳnh	Như	20/12/2005	CCQ2321C	1	<i>Như</i>	8	8.5	8.3
33	2123210102	Nguyễn Thị Den	Ny	03/05/2005	CCQ2321C	1	<i>Ny</i>	8	8.5	8.3
34	2123240180	Bùi Thúy	Oanh	24/09/2005	CCQ2324E	1	<i>Oanh</i>	7.5	8	7.8
35	2122180123	Huỳnh Minh	Phát	06/05/2004	CCQ2218D	1	<i>Phát</i>	8	8	8
36	2123210098	Nguyễn Minh	Quang	17/10/2005	CCQ2321C	1	<i>Quang</i>	6	6.5	6.3
37	2123240187	Nguyễn Thị	Quỳnh	24/11/2005	CCQ2324F	1	<i>Quỳnh</i>	8	8	8
38	2123210184	Phạm Công	Sinh	28/02/2005	CCQ2321C	1	<i>Sinh</i>	8	8	8
39	2123240158	Nguyễn Phước	Thành	08/08/2005	CCQ2324F	1	<i>Thành</i>	9	9	9
40	2123240183	Đỗ Nguyễn Phương	Thảo	09/10/2005	CCQ2324F	1	<i>Thảo</i>	9	9	9
41	2123240179	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	18/12/2005	CCQ2324F	1	<i>Thanh</i>	9.5	9	9.2
42	2122200073	Đoàn Ngọc Minh	Thiên	22/05/2004	CCQ2220C	1	<i>Thiên</i>	9	9.5	9.3
43	2122180048	Võ Văn	Thiên	12/08/2004	CCQ2218B	1	<i>Thiên</i>	7.5	8	7.8
44	2123240168	Lê Nguyễn Duy	Thịnh	29/04/2005	CCQ2324F	1	<i>Thịnh</i>	8.5	8.5	8.5
45	2123240206	Thị	Thơm	26/08/2002	CCQ2324F	1	<i>Thơm</i>	8.5	8.5	8.5
46	2123240173	Lê Minh	Thư	03/12/2005	CCQ2324F	1	<i>Thư</i>	9	9	9
47	2123210107	Lữ Anh	Thư	19/01/2005	CCQ2321C	1	<i>Thư</i>	8.5	9	8.8
48	2123240185	Vũ Minh	Thư	16/08/2005	CCQ2324F	1	<i>Thư</i>	10	10	10
49	2121120144	Trần Đức	Tín	13/02/2001	CCQ2112E	1	<i>Tín</i>	8.5	8.5	8.5
50	2123240205	Bùi Thị Ngọc	Trâm	15/09/2005	CCQ2324E	1	<i>Trâm</i>	8	8	8
51	2122120463	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	09/11/2003	CCQ2212N	1	<i>Trâm</i>	8.5	8.5	8.5
52	2122180055	Nguyễn Tấn	Trung	16/07/2004	CCQ2218B	1	<i>Trung</i>	9	6	5.6
53	2122110563	Nguyễn Phi	Trường	27/09/2004	CCQ2211N	1	<i>Trường</i>	6.5	7	6.8
54	2121170264	Phạm Quốc	Tuấn	11/07/2003	CCQ2117H					
55	2123240182	Huỳnh Lê Tường	Vi	20/05/2005	CCQ2324F	1	<i>Tường</i>	10	9.5	9.7
56	2122170061	Nguyễn Tường	Vĩ	20/08/2004	CCQ2227E	1	<i>Vĩ</i>	7.5	8	7.8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22203910] - Kỹ năng mềm 1
(CCQ2324E)
CBGD: Nguyễn Thiên Thanh (220015)

Số SV có mặt: 56 Nguyễn Thiên Thanh
Số bài thi: 5.6
Số tờ giấy thi: 5.6

Nguyễn Thiên Thanh
Nguyễn Thiên Thanh
Nguyễn Thiên Thanh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
57	2123210096	Phan Chí	Vĩ	28/03/2005	CCQ2321C	1	<u>VP</u>	8.5	8.5	8.5
58	2121030013	Huỳnh Long	Vũ	30/08/2003	CCQ2103A					
59	2123240175	Nguyễn Thị Diễm	Vy	20/11/2005	CCQ2324F	1	<u>Ng</u>	8	8.5	8.3
60	2123240162	Nguyễn Thị Kim	Xuyến	16/10/2003	CCQ2324F	1	<u>Nguyễn Thị Kim</u>	9.5	9	9.2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204001] - Kỹ năng mềm 2
(CCQ2314A)

CBGD: Lê Thị Thanh Hà (220008)

Số SV có mặt: 49
Số bài thi: 49
Số tờ giấy thi: 49

Nguyễn Thị Thanh Hà

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123140002	Nguyễn Hoài	Bảo	31/08/2005	CCQ2314A		Paio	9.2	8.0	8.5
2	2123140012	Võ Nguyên	Bôn	11/06/2005	CCQ2314A		2	10.0	9.0	9.4
3	2123140033	Huỳnh Quang	Chiến	10/04/2005	CCQ2314A		Ch	10.0	9.0	9.4
4	2123140028	Lê Văn	Cùa	01/12/2004	CCQ2314A		Le Van	10.0	9.5	9.7
5	2123140064	Nguyễn Công	Cương	01/02/2005	CCQ2314B		Cuong	8.4	8.0	8.2
6	2123140055	Trần Quốc	Đạt	06/07/2005	CCQ2314B		Tran Quoc	10.0	8.0	8.8
7	2123140014	Triệu Trương	Đạt	12/02/2005	CCQ2314A		Dat	9.2	9.5	9.4
8	2123140070	Lê Hữu Minh	Đức	14/12/2005	CCQ2314B					
9	2123140009	Lê Ngọc	Đức	10/08/2005	CCQ2314A		Duc	10.0	8.0	8.8
10	2123140026	Trần Văn	Đức	29/07/2005	CCQ2314A		Duc	10.0	8.8	9.3
11	2123140116	Nguyễn Tấn	Dũng	01/01/2005	CCQ2314A		Dung	7.6	6.7	7.1
12	2123140087	Nguyễn Vũ	Duy	26/05/2005	CCQ2314A		Nguyen Vu	9.2	8.0	8.5
13	2123140019	Nguyễn Xuân	Giang	05/12/2005	CCQ2314A		Giang	9.8	7.7	8.5
14	2123140058	Phạm Trường	Giang	29/11/2005	CCQ2314B		Giang	8.4	7.8	8.0
15	2123140046	Nguyễn Anh	Hào	09/11/2005	CCQ2314B		Hao	10.0	7.9	8.7
16	2123140022	Lê Phúc	Hiền	21/09/2005	CCQ2314A		Le Phuoc	6.4	7.4	7.0
17	2123140044	Trần Hữu	Hiếu	22/04/2005	CCQ2314B		Tran Huu	8.4	7.8	8.0
18	2123140068	Nguyễn Huy	Hoàng	25/01/2005	CCQ2314B					
19	2123140123	Nguyễn Tấn	Hoành	18/01/2005	CCQ2314A		Hoanh	9.2	7.5	8.2
20	2123140023	Lý Văn	Hợp	16/01/2005	CCQ2314A		Ly Van	9.2	7.5	8.2
21	2123170648	Quảng Quang	Hữu	03/08/2005	CCQ2314A		Quang	8.4	6.8	7.4
22	2123140059	Dương Việt	Khải	01/12/2005	CCQ2314B		Duong Viet	6.4	7.0	6.8
23	2123140045	Nguyễn Trọng	Khanh	05/11/2005	CCQ2314B		Nguyen Truong	8.4	7.0	7.6
24	2123140020	Trần Văn	Khánh	06/08/2005	CCQ2314A		Tran Van	10.0	9.5	9.7
25	2123140052	Kiều Chiêm Quốc	Khoa	02/09/2004	CCQ2314B					
26	2123140031	Mai Lê Tấn	Khương	07/06/2005	CCQ2314A					
27	2123140124	Nguyễn Phạm Tuấn	Kiệt	31/01/2005	CCQ2314B		Nguyen Pham Tuan	7.6	7.0	7.2
28	2123140039	Nguyễn Duy	Lê	10/07/2005	CCQ2314B		Nguyen Duy	10.0	8.5	9.1

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204001] - Kỹ năng mềm 2
(CCQ2314A)
CBGD: Lê Thị Thanh Hà (220008)

Số SV có mặt: 49...
Số bài thi:49...
Số tờ giấy thi: 49...

Thanh
Lê Thị Thanh Hà
Thanh
Nguyễn Kim Thanh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2123140008	Ngô Hữu	Lợi	18/07/2005	CCQ2314A		Lợi	7.6	6.5	6.9
30	2123140006	Nguyễn Hữu	Luân	13/08/2005	CCQ2314A		Luân	6.8	6.5	6.6
31	2123140016	Thiệu Ngọc	Luân	20/03/2005	CCQ2314A		Luân	7.6	7.0	7.2
32	2123140042	Văn Lê Trọng	Lượng	05/11/2005	CCQ2314A		duong	9.2	6.5	7.6
33	2123140063	Lê Hữu	Nghĩa	30/08/2005	CCQ2314B		Nghĩa	8.4	7.0	7.6
34	2123140067	Vũ Trọng	Nghĩa	09/11/2005	CCQ2314B		Nghĩa			
35	2123140071	Trần Trung	Nguyên	27/02/2005	CCQ2314B		Trung	10.0	8.0	8.8
36	2123140054	Bùi Văn	Như	08/09/2004	CCQ2314B		Như	9.2	7.0	7.9
37	2123140003	Nguyễn Phạm Thành	Phúc	07/09/2005	CCQ2314A		phuc	9.2	6.5	7.6
38	2123140041	Lê Hồng	Quân	16/07/2005	CCQ2314A		Phuon	8.4	7.0	7.6
39	2123140050	Hồ Nguyễn Đức	Quyên	07/09/2005	CCQ2314B		Quyên	10.0	7.0	8.2
40	2122270136	Nguyễn Hoàng Hương	Quỳnh	02/03/2004	CCQ2227D		Hương	9.2	7.5	8.2
41	2123140053	Bá Ngọc	Sơn	30/01/2005	CCQ2314B		Son	7.6	7.0	7.2
42	2123140078	Nguyễn Đức	Tân	07/01/2005	CCQ2314B		Tan	8.4	7.0	7.6
43	2123140013	Vũ Hà	Tây	23/11/2005	CCQ2314A		Ha	10.0	7.5	8.5
44	2123140062	Nguyễn Đức	Thạnh	10/11/2005	CCQ2314B		Thanh	9.0	7.6	8.2
45	2123170205	Lê Hưng	Thịnh	31/10/2005	CCQ2314A					
46	2123140056	Nguyễn Minh	Thông	24/11/2005	CCQ2314B					
47	2123140038	Vũ Minh	Thuận	14/03/2005	CCQ2314B		Thuân	10.0	9.4	9.6
48	2123140029	Trần Hồ Trung	Tín	05/05/2005	CCQ2314A					
49	2123140047	Lư Minh	Trí	27/03/2005	CCQ2314B		Minh Trí	10.0	7.6	8.6
50	2123140017	Trần Hữu	Trí	19/12/2005	CCQ2314A		Tu	8.0	5.0	6.2
51	2123140060	Lê Quang	Triều	02/03/2005	CCQ2314B		Quang	7.6	7.6	7.6
52	2123140065	Đoàn Văn	Trung	24/05/2005	CCQ2314B		ĐV	7.2	8.9	8.2
53	2123140072	Đoàn Nhật	Trường	16/11/2005	CCQ2314B		Truong	10.0	7.5	8.5
54	2123140035	Hấp Minh	Truyền	17/11/2005	CCQ2314A		Truyen	8.4	7.5	7.9
55	2123140061	Lưu Đỗ Tấn	Tú	30/07/2005	CCQ2314B					
56	2123140043	Nguyễn Đình	Tuấn	24/06/2005	CCQ2314B					

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204001] - Kỹ năng mềm 2
(CCQ2314A)
CBGD: Lê Thị Thanh Hà (220008)

Số SV có mặt: 49...
Số bài thi:49...
Số tờ giấy thi: 49...

Thanh
W.T. Thanh Hà

Thanh
Nguyễn Xuân Thanh
W.T. Thanh Hà

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
57	2123140004	Hoàng Quang	Vinh	23/08/2005	CCQ2314A		<i>Bo</i>	6.4	7.0	6.8
58	2123140057	Nguyễn Tấn	Vương	23/08/2005	CCQ2314B		<i>Tuấn</i>	10.0	8.0	8.8
59	2123140032	Nguyễn Phước	Xuyên	14/06/2005	CCQ2314A		<i>Tuấn</i>	9.2	7.5	8.2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204003] - Kỹ năng mềm 2
(CCQ2314C)

CBGD: Đào Thị Diệu (220014)

Số SV có mặt: 51

Số bài thi: 51

Số tờ giấy thi: 51

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123140096	Dương Trần Chí Tài	Anh	21/11/2005	CCQ2314C		9,9	8,0	8,8
2	2123140114	Trần Ngọc Tú	Anh	10/08/2005	CCQ2314C		8,8	8,5	8,6
3	2123140092	Trần Như	Bào	01/09/2005	CCQ2314C		10,0	9,9	9,9
4	2123140091	Nguyễn Văn	Bình	29/03/2005	CCQ2314C		9,4	8,0	8,6
5	2123290018	Nguyễn Thị Kim	Chi	08/04/2005	CCQ2329A		7,9	8,0	8,0
6	2122180006	Cao Ngọc	Cường	21/04/2003	CCQ2218A		9,2	8,0	8,5
7	2122260132	Đào Tiến Anh	Đạt	02/05/2004	CCQ2226D		6,9	8,0	7,6
8	2123140104	Nguyễn Trần Tấn	Đạt	27/02/2005	CCQ2314C		8,6	8,7	8,7
9	2123140108	Trần Thanh	Diệp	20/02/2005	CCQ2314C		9,3	9,0	9,1
10	2122170715	Ngô Văn Trường	Duy	30/03/2004	CCQ2226B		8,6	8,5	8,5
11	2123140076	Nguyễn Hồ Tấn	Duy	29/01/2004	CCQ2314C		10,0	9,2	9,5
12	2123140101	Văn Khải	Hoàn	02/09/2005	CCQ2314C		6,8	7,8	7,4
13	2123140084	Trần Võ	Hoàng	25/06/2005	CCQ2314C		8,8	8,0	8,3
14	2123140093	Trần Vũ	Hoàng	08/04/2005	CCQ2314C		8,7	7,5	8,0
15	2121240004	Bùi Quốc	Hữu	31/01/2003	CCQ2124A		7,2	8,0	7,7
16	2122060057	Nguyễn Nhất	Huy	06/03/2004	CCQ2206B		7,4	8,3	7,9
17	2121070036	Nguyễn Quang	Huy	12/11/2000	CCQ2107B		/	/	/
18	2123140089	Võ Đăng	Huy	28/11/2005	CCQ2314C		7,7	8,0	7,9
19	2123140083	Võ Thái	Huy	25/05/2005	CCQ2314C		8,5	8,3	8,4
20	2123290007	Châu Trần Mỹ	Linh	05/10/2005	CCQ2329A		9,2	7,8	8,4
21	2122120297	Nguyễn Hà	Linh	13/04/2004	CCQ2212I		9,0	7,8	8,3
22	2123140094	Lê Xuân Tuấn	Lực	17/10/2005	CCQ2314C		10,0	9,8	9,9
23	2123140107	Nguyễn Hoài	Minh	16/02/2005	CCQ2314C		9,3	7,8	8,4
24	2122180083	Nguyễn Văn	Minh	21/05/2004	CCQ2218C		0,0	7,8	4,7
25	2122260061	Võ Trà	My	26/10/2004	CCQ2226B		7,5	8,0	7,8
26	2123140088	Lê Hữu	Nghĩa	21/11/2005	CCQ2314C		6,8	7,8	7,4
27	2122050099	Trương Công	Nghĩa	14/04/2004	CCQ2205C		3,5	7,5	5,9
28	2123140102	Nguyễn Hiếu	Nguyên	18/02/2005	CCQ2314C		7,0	8,0	7,6

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204003] - Kỹ năng mềm 2
(CCQ2314C)

CBGD: Đào Thị Diệu (220014)

Số SV có mặt: 51
Số bài thi: 51
Số tờ giấy thi: 51

Cán bộ coi thi 1
Đào Thị Diệu

Cán bộ coi thi 2
Đào Thị Diệu

G.Viên chấm thi 1
Nguyễn Thị Bích

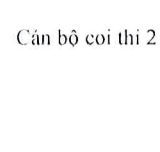
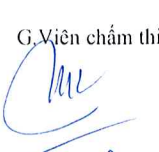
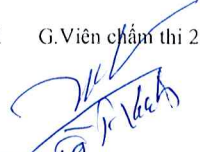
STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2123290010	Trần Thiện	Nhân	26/01/2005	CCQ2329A			/	/	/
30	2123290014	Đỗ Thị Nguyệt	Nhi	19/10/2005	CCQ2329A			10,0	9,7	9,8
31	2123290015	Huỳnh Thị Kim	Nhi	02/04/2005	CCQ2329A			9,5	8,8	9,1
32	2123290001	Đoàn Huỳnh Hồng	Nhung	18/11/2005	CCQ2329A			10,	8,9	9,3
33	2123140086	Trần Văn	Phong	27/01/2005	CCQ2314C			10	9,0	9,4
34	2123140106	Lê Huỳnh Đại	Phúc	28/07/2005	CCQ2314C			10	10	10
35	2123140080	Lê Tấn	Phước	25/09/2003	CCQ2314C			/	/	/
36	2123290017	Trần Mai Bảo	Quyên	30/01/2005	CCQ2329A			9,7	8,5	9,0
37	2123290011	Phạm Nguyễn Như	Quỳnh	23/08/2005	CCQ2329A			7,3	8,0	7,7
38	2123290021	Võ Thanh	Tân	29/11/2005	CCQ2329A			/	/	/
39	2123140098	Nguyễn Phi	Thanh	20/02/2005	CCQ2314C			8,9	8,5	8,7
40	2123140100	Trần Văn Phước	Thành	04/11/2005	CCQ2314C			10	8,5	9,1
41	2122040008	Nguyễn Khương	Thiên	09/02/2004	CCQ2204A			/	/	/
42	2122120338	Huỳnh Ngọc	Thiện	30/10/2004	CCQ2212J			7,6	8,3	8,0
43	2122170207	Thẩm Ngọc	Thiện	11/11/2003	CCQ2217F			/	/	/
44	2122050147	Huỳnh Văn	Thuận	26/05/2003	CCQ2205C			7,4	7,5	7,5
45	2123290009	Nguyễn Thị Huyền	Trâm	15/04/2005	CCQ2329A			9,7	8,5	9,0
46	2122200042	Phạm Thanh	Trụ	24/03/2004	CCQ2220B			/	/	/
47	2123290012	Phạm Thị Thanh	Trúc	03/11/2005	CCQ2329A			9,8	8,3	8,9
48	2123140117	Phan Thành	Trung	05/09/2005	CCQ2314C			10	8,3	9,0
49	2123140099	Doãn Ngọc	Tuấn	10/11/2005	CCQ2314C			9,8	8,0	8,7
50	2122170119	Nguyễn Châu	Tuấn	14/05/2004	CCQ2226D			8,2	8,3	8,3
51	2123140082	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	28/07/2005	CCQ2314C			10	8,5	9,1
52	2123290016	Mai Thị Hồng	Tươi	05/12/2005	CCQ2329A			9,5	8,3	8,8
53	2122030209	Hoàng Kim	Tuyền	14/05/2004	CCQ2203H			9,0	7,8	8,3
54	2121120206	Võ Khánh	Văn	12/04/2003	CCQ2112F			4,0	8,0	6,4
55	2123140075	Cai Văn	Vinh	29/07/2005	CCQ2314C			8,0	8,0	8,0
56	2122200158	Nguyễn Công	Vinh	25/08/2004	CCQ2220E			/	/	/

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204003] - Kỹ năng mềm 2
(CCQ2314C)
CBGD: Đào Thị Diệu (220014)

Số SV có mặt: 57
Số bài thi: 57
Số tờ giấy thi: 57


Đào Thị Diệu


Đào Thị Diệu

Trần Văn

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
57	2123140097	Nguyễn Hoài	Vinh	12/01/2005	CCQ2314C		Vinh	9,8	8,3	8,9
58	2123140103	Đặng Thảo	Vy	14/12/2005	CCQ2314C		Thảo	10	9,0	9,4
59	2122030249	Trần Như	Ý	22/07/2004	CCQ220311		Ý	9,8	7,5	8,4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22204004] - Kỹ năng mềm 2
(CCQ2218LA)
CBGD: Lê Thị Thanh Hà (220008)

Số SV có mặt:.....
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:.....

Chánh
Lê Thị Thanh Hà

Chánh
Lê Thị Thanh Hà
Nguyễn Thiệu Trung

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122180120	Nguyễn Đình	Cường	16/03/2004	CCQ2218LA		<i>C</i>	9.2	8.9	9.2
2	2122180108	Nguyễn Tiến	Đạt	16/12/2003	CCQ2218LA		<i>Đ</i>	8.4	8.0	8.2
3	2122180107	Nguyễn Anh	Gun	26/07/2003	CCQ2218LA		<i>Gun</i>	9.2	8.0	8.5
4	2122180112	Nguyễn Hữu	Hội	16/10/2003	CCQ2218LA		<i>H</i>	8.4	7.8	8.0
5	2122180121	Nguyễn Đình	Lai	14/02/2004	CCQ2218LA		<i>L</i>	9.2	8.0	8.5
6	2122180105	Hồng Tuấn	Lộc	01/05/2004	CCQ2218LA		<i>L</i>	9.2	9.0	9.1
7	2122180050	Vũ Bắc Trung	Nam	03/05/2004	CCQ2218LA		<i>N</i>	9.2	9.3	9.3
8	2122180109	Đình Huy	Phước	10/03/2003	CCQ2218LA		<i>P</i>	8.4	7.9	8.1
9	2122180104	Nguyễn Ngọc	Tư	27/11/2003	CCQ2218LA		<i>T</i>	9.2	8.5	8.8

